15 THÁNG 12 NĂM 1969

BACH KHOA

THỜI-ĐẠI

năm mười ba

PHẠM VIỆT CHÂU *cộng sản có mặt* * NGUYỄN HIẾN LÊ *người đã bị cực hình về bút và mực : Honoré de Balzac* * KIM ĐỊNH *việt nho* * HOÀNG SỸ QUÝ *những bình diện sinh hoạt của tính dục* * TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG *kỳ thị địa phương* * BÙI BẢO TRÚC *khoa học không gian và chương trình Apollo* * TRẦN ĐẠI *sinh viên Việt nam tại Âu-châu (phỏng vấn NGUYỄN ĐỨC QUANG)* * BÙI KIM ĐĨNH *đốt xác* * TƯỜNG LINH *những khuôn mặt* * HẠ ĐÌNH THAO *thư về Đại-Lộc* * NGUYỄN TĂNG LIÊN *sống trên đời* * TỪ TRÌ *thời sự thế giới* * **SINH HOẠT** TRÀNG THIÊN — THU THỦY *thời sự văn nghệ* * TỬ DIỆP *thời sự khoa học*

311

ROUSSEL

Activité locale **accrue** *sans répercussions générales*

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème — Flacon de 8 g à 0.5 p. 100 de delta-hydrocortisone dans un excipient fluide, non gras, hydrodispersible

collyre — Flacon compte-gouttes contenant 3 ml soit 15 mg de principe actif, d'une suspension d'acétate de delta-hydrocortisone titrée à 0,5 p. 100

goutles nasales — Acétate de delta-hydrocortisone en suspension aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL
35, Boulevard des Invalides - PARIS 7e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyên-Huê — SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA,** 246, Rue Công-Quynh — SAIGON

ROUSSEL

BÁCH KHOA THỜI-ĐẠI

Số 311 ngày 15-12-1969

PHẠM VIỆT CHÂU *cộng sản có mặt (Trăm Việt trên vùng định mệnh)* 5

NGUYỄN HIẾN LÊ *người đã bị cực hình về bút và mực : Honoré de Balzac (II)* 11

KIM ĐỊNH *Việt Nho* 21

Hoành Sơn HOÀNG SỸ QUÝ *một cái nhìn Đông phương về vấn đề tính dục : những mẫu người nam và nữ* 27

TẠP-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG *kỳ thi địa phương* 31

BÙI BẢO TRÚC *khoa học không gian và chương trình Apollo* 41

TRẦN ĐẠI *sinh viên Việt-nam tại Âu-châu (2 giờ tiếp xúc với sinhv iên Nguyễn-Đức-Quang)* 53

BÙI KIM ĐỈNH *đốt xác* (truyện) 59

TƯỜNG LINH *những khuôn mặt* (thơ) 67

HẠ ĐÌNH THAO *thư về Đại-Lộc* (thơ) 68

NGUYỄN TĂNG LIÊN *sống trên đời* (truyện) 69

SINH HOẠT

TỪ TRÌ *thời sự thế giới* 75

TRÀNG THIÊN – THU THỦY *thời sự văn nghệ* 79

TỬ DIỆP *thời sự khoa học* 81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : **40 đ** Công sở : **giá 80 đ**

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn qui vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Cuối trời hôn mê**, *truyện dài của Viên Linh, do Kỷ Nguyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 333 trang, tác phẩm thứ 9 của Viên Linh được xuất bản. Giá 220đ.*

— **Hoài cố nhân** *tập truyện của Võ Hồng do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 186 trang, gồm 4 truyện : Hoài cố nhân, Ngày xưa, Hà vi, Rồi cây trái sẽ chín và bài «Nghĩ về Võ-Hồng» của Trần Thiện Đạo. Bản đặc biệt.*

— **Khi chờ Godot** *kịch 2 màn, nguyên tác « En attendant Godot » của Samuel Beckett (Giải Văn chương Nobel 69) bản dịch của Mai Vi Phúc, do Kỷ-Nguyên xuất bản và gửi tặng Sách dày 236 trang, Giá 190đ.*

— **Tuyển truyện tuổi thơ** *(quyển 2) do Văn Uyển xuất bản và gửi tặng. Sách dày 127 trang, gồm 6 truyện tuổi thơ của 6 tác giả : Duyên Anh, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Nguyễn đình Toàn, Nguyễn xuân Hoàng, Tường Hùng. Tranh bìa của Nguyễn Trung. Giá nhất định 40 đ.*

— **Vốn liếng một đời** *truyện dài của Du-Tử-Lê, do Đại-Ngã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dầy trên 270 trang tranh bìa của Nguyễn-Trung. Giá 190đ*

— **Ngửa mặt** *truyện dài của Du-Tử-Lê, Đại Ngã xuất bản vàtác giả gửi tặng. Sách dầy trên 220 trang, tranh bìa của Nguyễn Trung, phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật. Giá 140 đ.*

— **Mất thù** *truyện dài của Du Tử Lê, do Văn Uyển xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dầy 156 trang, tranh bìa của Ngọc Dũng. Giá nhất định : 40 đ.*

— **Người Việt có dân tộc tính không** *của Sơn Nam, do An-Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dầy 110 trang. Giá 90 đ.*

— **Nhật-bản duy-tân dưới đời Minh-Trị Thiên-Hoàng** *của Nguyễn khắc Ngữ do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dầy gần 200 trang gồm 10 chương, trong tủ sách « Nghiên cứu Sử Địa» do Nhóm Nghiên cứu Sử Địa V.N. điều khiển. Giá 160đ.*

— **Hiện-hữu tha nhân với Gabriel Marcel** *khảo-luận triết-học của Đặng Phùng Quân do Đêm Trắng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dầy 188 trang gồm 6 chương từ « Luận đề về tha nhân» đến «Trông cậy tuyệt đối». Giá 180đ*

— **Sói đồng hoang** *nguyên tác «Le loup des steppes» của Hermann Hesse bản dịch của Chơn Hạnh và Phùng Thăng, do Ca-dao xuất bản và gửi tặng. Sách dầy 400 trang. Giá 280 đ.*

— **Ngàn sao tắt thở** *tập thơ của Bạc Mệnh Nhân do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dầy 130 trang gồm 60 bài thơ, trình bầy trang nhã Giá 100đ.*

BÁCH-KHOA KỶ-NIỆM 13 NĂM cũng là số **ẤT CANH TUẤT** sẽ ra ngày 15 - 1 - 1970. Quý bạn viết bài về số đặc biệt trên đây xin gửi về Tòa soạn trước 25 - 12 - 1969. **Bài Toán số và càn khôn** Vì lý do kỹ thuật nên không đăng kịp vào kỳ này và phải dành lại số tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quí vị độc giả.

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

Xin xem B. K. T Đ. từ số 290-201)

Cộng-sản có mặt

Quá trình hoạt-động của Đảng Cộng-sản Trung-quốc được chia ra làm năm chặng chính :

— Hình thành,
— Phát-triển,
— Củng cố cơ-cấu lãnh-đạo,
— Chiến-tranh nhân-dân
— Và thành-lập chính-quyền vô-sản (giai-đoạn đầu : Chế-độ dân-chủ nhân-dân)

Những chặng đường hoạt-động này mang tính chất đặc biệt Á-đông, khác hẳn với diễn trình lập chính của các Đảng Cộng sản Đông-Âu. Tuy nhiên, thực sự theo gần đúng đường lối Trung-cộng thì chỉ có các Đảng Cộng sản Đông-Nam-Á ; Còn tại Bắc Hàn và Mong-cổ, chế-độ Cộng-sản đã được tạo dựng bằng ngoại lực ; Tại Nhật bản. Ấn-độ, Tích-lan thì Cộng-đảng vẫn còn luẩn quẩn trong hình-thái đấu tranh chính trị với các chính đảng không Cộng sản khác như kiểu Tây Âu

Tại Đông-Nam-Á giai-đoạn phôi thai được ghi chung vào thời-kỳ giữa thế-chiến 1 và thế-chiến 2. Trong thời kỳ này Cộng sản đã lập đảng ở tất cả các nước (nếu Đảng Cộng sản Đông-dương được coi như đảng chung cho ba xứ Việt-Miên-Lào) và sau đó đã phát triển mạnh nhờ thế-chiến 2 Thế-chiến 2 là thời kỳ các đảng Cộng sản vừa củng-cố được cơ-cấu lãnh đạo, vừa áp dụng thực-tiễn một cách dò dẫm loại chiến tranh mới «lấy một thắng mười trong chiến lược, lấy mười thắng một trong chiến thuật». Tuy nhiên, chiến-tranh nhân dân chỉ mới thực sự được tung ra sau thế-chiến : Việt, Miên, Lào được lồng vào cuộc kháng-chiến chống Pháp kể từ 1946, Phi-luật-tân với cuộc nổi dậy của Huk năm 1947, Miến, Mã, In-đô-nê-sia vào năm 1948 sau hội nghị Thanh-Sinh Đông-Nam-Á Tranh-đấu cho Tự-do và Độc-lập» do Cộng sản tổ chức ở Calcutta.

Trường hợp Cộng sản Việt được coi là đặc biệt. Vì nhờ tình trạng vô chủ của của VN sau thế chiến Công sản Việt đã nắm được thời-cơ mà đốt giai-đoạn, cướp chính-quyền. Nhưng chính-quyền chưa đủ vững thì đã lại phải đương đầu với lực-

lượng thực-dân, nghĩa là vẫn phải trở lại chặng chiến-tranh nhân dân mà Cộng sản tưởng đã có thể nhảy qua được.

Trên hai mươi năm luần quần trong cuộc đấu tranh, khi công lúc thủ, Cộng sản Đông-Nam-Á vẫn chưa nhìn thấy viễn ảnh đoạn chót con đường đã vạch. Các Cộ-đảng Phi, Mã, In-đô-nê-sia, Miến đã và đang bị dồn vào chân tường. Cộng-đảng Mên và Thái thì mới bước chân vào trận chiến. Chỉ có Cộng sản Việt và Lào tương đối tiến xa hơn cả, nhưng nhìn thẳng vào cuộc chiến thì thấy rõ-ràng đó không phải là thứ chiến-tranh "thực sự phát động từ nhân dân và chỉ do hình nỗ ực của nhân dân» như Mao-Trạch-Đông đã đề ra.

Như đã trình bày trong những bài trước đây, chiến tranh Việt-Lào hiện nay chỉ là thứ chiến tranh đại diện. Đế-quốc Cộng sản và Tư-bản đã chọn nơi đây làm chiến-trường và trực tiếp hay gián tiếp nhảy vào vòng chiến. Xét tình-thế đôi bên, Đế-quốc Cộng sản đã khôn ngoan hơn ở điểm không đem quân vào trận mà chỉ cung cấp võ khí tràn ngập cho quân địa-phương giữ vững trận tuyến. Sự khôn ngoan này đã tạo lợi thế ở cả hai mặt địa-phương, và quốc-tế, trong sự tuyên-truyền. Và nhờ vậy, phe Cộng đã nhất thời nắm được thắng lợi tâm lý.

Nhìn chiến-trận một cách khách quan, người sáng suốt không khỏi xót xa thương hại bọn tay sai đế-quốc mang lửa người đốt nhà mình mà vẫn tưởng đang bảo vệ, giải-phóng anh em đồng loại.

Chiến-tranh này sẽ đi tới đâu? Chỗ đứng của Cộng sản trong xã-hội Đông-Nam-Á tương lai sẽ ra sao? Trước khi đoán định một câu trả lời ổn thỏa, tưởng hãy nên duyệt lại vết chân Cộng sản đã đi và nhận cho rõ sự có mặt của Cộng sản ngay trong hiện tại đã.

oOo

Thời phôi thai tiền thế chiến

Dấu vết tổ-chức Cộng-sản đầu tiên ở Đông-Nam-Á là nhóm Mác-xít Hòa-Lan trong Đảng Dân-chủ Xã-hội (Social Democratic Association) thành lập tại thuộc địa In-đô-nê-sia năm 1914, ba năm trước cuộc Cách-mạng Bôn-sê-vích (Bolshevik) ở Nga. Lãnh-tụ Đảng Dân-chủ Xã-hội là Sneevliet bị chính-quyền thuộc địa bắt năm 1918. Nhưng trước đó, Sneevliet đã cấy được cái mầm Mác-xít vào một số người In-đô-nê-sia và họ đã kế tục sự nghiệp dở dang của ông ta.

Lúc đầu nhóm Mác-xít bản xứ gia nhập đảng Hồi-giáo Sarekat mưu tính dần dần nắm trọn đảng này, nhưng sau không thành công, nên đã tách ra thành lập Đảng Cộng-sản (1920). Tuy vậy, chiêu bài tuyên truyền của Đảng trong giai đoạn tiền thế-chiến vẫn là đánh Hòa dành độc lập, chứ không hướng về đấu-tranh giai cấp, phát triển chủ-nghĩa. Dầu sao, Cộng-đảng In-đô-nê-sia cũng lấy lực lượng thợ thuyền làm đối tượng lôi cuốn để bành trướng Đảng. Nhiều nghiệp đoàn lao-động đã chịu ảnh-hưởng mạnh của Cộng-đảng, nhưng sau vụ thất bại 1926, các tổ chức nầy như rắn không đầu cũng tan rã dần, hoặc mất tiềm lực đấu tranh cách-mạng

Tuy nhóm Cộng-sản đầu tiên ở

In-đô-nê-sia do chính người Hòa tạo thành và không có liên hệ gì với Bôn-sê-vích, nhưng Nga nhằm lợi dụng mọi cơ hội để khai thác, nên đã công nhận ngay phong-trào này và mặc nhiên Mạc-tư-khoa đã trông chờ nơi In-đô-nê-sia như địa điểm khởi phát để gây dựng phong trào Cộng-sản toàn vùng Đông-Nam-Á. (1)

Một đảng Cộng-sản khác cũng ra đời rất sớm ở Đông-Nam-Á là Đảng Cộng-sản Mã lai. Nguyên Hoa-kiều Hải-ngoại, hầu hết ở Đông-Nam-Á, là một nguồn yểm trợ tài-chánh rất mạnh cho phong-trào Cách-mạng Tôn-Dật-Tiên Sau này Quốc-dân-đảng và Cộng-sản cũng noi theo vết cũ tìm mọi cách lôi cuốn Hoa-kiều Hải-ngoại vào đoàn thể Phân-bộ Quốc-dân-đảng ở Mã-lai thành lập vào khoảng đầu thập niên kỷ 1920, trong đó hệ-phái tả-khuynh khá đông đảo và có hậu thuẫn mạnh trong các trường học và tổ-chức lao động. Thủ lãnh nhóm Cộng-sản trong Quốc-dân-đảng là Fu-Ta-Ching, cán bộ Cộng-đảng Trung-hoa được gửi tới Tân-gia-ba năm 1925.

Khi mối đoàn kết Quốc-Cộng ở Hoa-lục rã tan vào năm 1927, thì Hoa-kiều ở Mã cũng bị ảnh-hưởng chia rẽ lây làm cho phe Cộng phải tính việc tách ra thành-lập một đảng riêng. Việc này không khó khăn gì, vì nhóm Mác-Xít đã có sẵn các tổ-chức chịu ảnh-hưởng, quan trọng nhất là Tổng-Liên-đoàn Lao-công Nam-Dương. Cho nên chỉ một năm sau họ đã cho ra đời một chính-đảng mới có tên là Đảng Cộng-sản Nam-dương, một cái tên có vẻ bao quát vượt ra ngoài lãnh-thổ Mã-lai vì người Tàu vẫn thường gọi Nam-dương (Nan Yang) là toàn thể vùng Nam Đông-Nam-Á (mà sau này ta thường quen dùng để chỉ riêng In-đô-nê-sia).

Ít năm sau, đảng Cộng-sản Nam-dương đổi tên là Đảng Cộng-sản Mã-lai và rút phạm vi hoạt-động về địa-phận Mã-lai kể từ khi Đảng Cộng-sản Đông-dương được thành lập. Năm 1930, cán-bộ Đệ-tam Quốc-tế người Pháp là Serge Lefranc bị bắt ở Tân-Gia-ba. Lefranc tiết-lộ hầu hết đầu dây mối nhợ hệ-thống Cộng-sản mới thành lập ở Đông-Nam-Á làm cho Cộng-đảng Mã-lai bị xáo trộn mạnh vì bắt bớ Cũng trong vụ này, Nguyễn-Ái-Quốc (Hồ-chí-Minh) đã bị Anh bắt giữ ở Hồng-Kông.

Trong thập niên-kỷ 1930, Cộng-đảng Mã-lai đã hoạt-động rất mạnh và thu hút được nhiều Hoa-kiều vì trong tuyên-truyền họ đã dùng «lòng thù ghét Nhật-bản» như động-cơ lôi cuốn hơn là dùng chính lý-thuyết Cộng-sản, nhất là từ khi Nhật đánh Mãn-châu (1931). Nhưng dù bành-trướng đến đâu, Cộng-đảng cũng không làm sao bắt rễ được sang dân Mã. Điểm này đã đưa Cộng sản đến chỗ què quặt, và sau thế chiến 2 khi Cộng-đảng khởi loạn thì lập tức *chiến tranh nhân dân*, như đã dự liệu, biến thành cuộc chiến-tranh mang nặng tính chất chủng tộc (2).

Sinh sau đẻ muộn hơn hai đảng trên, nhưng sau này đã được coi là thành công nhất trong các tổ-chức Cộng-sản ở Đông-Nam-Á, là Đảng Cộng sản Đông-Dương, ra đời năm 1930 ở Hương-Cảng.

Nguyên trước thời-kỳ này, khi đang

( ) Điều này về sau chứng tỏ Nga đã sai lầm, vì làn sóng Cộng-sản không dồn từ Miền Nam lên mà lại luôn luôn từ Đảng Cộng-sản Trung-hoa ở Miền Bắc tràn xuống.

(2) Xin coi BKTĐ số 305.

làm Ủy-viên Đông-phương-bộ của Quốc-tế Cộng-sản, Nguyễn-Ái-Quốc đã thành lập Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí Hội ở Quảng-châu (1924). Nhưng Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí Hội chưa được coi là tổ chức Cộng-sản. Chính Nguyễn-Ái-Quốc đã nhìn nhận *«động-lực chủ yếu ở V.N. lúc ấy là đám thanh-niên thuộc giai-cấp tiểu-tư-sản*, nên phải tổ chức đám thanh-niên này làm đầu tàu để *phat-động một phong-trào cách mạng có khuynh-hướng vô-sản ở Việt-Nam sau đó mới có cơ-sở tiến-hành công-tác lập ra đảng Cộng-sản được»*.

Các cán-bộ Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí Hội được tung về nước hoạt-động. Họ đã tuyên-truyền vận động các bạn bè lập các nhóm nghiên-cứu chủ-nghĩa Mác và đem chủ-nghĩa áp dụng thực tiễn vào một vài cuộc đấu tranh nho nhỏ của công nhân với tính cách trắc-nghiệm. Khi số đảng viên đã lên tới hàng trăm, họ bèn thành lập ba đảng Cộng-sản riêng biệt ở ba Kỳ : Bắc kỳ có Đông-dương Cộng-sản Đảng, Trung-kỳ có Đông-dương Cộng-sản Liên-đoàn, Nam kỳ có An-nam Cộng-sản Đảng. Cả ba tổ-chức đều tự nhận là Cộng sản chính-thống, nhưng lại kình chống nhau kịch-liệt, nhất là giữa Đông-dương Cộng-sản Đảng và An-nam Cộng-sản Đảng. Nhận thấy tình-thế nguy ngập có thể đi đến đổ vỡ vì tổ-chức mới còn trong trứng nước, Nguyễn-Ái-Quốc lại nhân danh Ủy-viên Đông-Phương-bộ, phụ trách Đông-Nam-Á Vụ, Triệu tập hội-nghị ở Hương-Cảng để bàn việc thống-nhất. Đông-Dương Cộng-sản Liên-đoàn đã không chịu cử đại-biểu dự hội-nghị, nhưng sau nghờ Nguyễn-Ái-Quốc gửi thư phê-bình và đề-nghị đoàn kết, tổ chức này mới chịu gia-nhập, (1).

Tổ-chức thống nhất lúc đầu lấy tên là Đảng Cộng-sản Việt-Nam, sau có sự bàn luận lại về danh-hiệu mới đổi ra là Đảng Cộng Sản Đông-dương Sự đổi tên vừa nhằm mở rộng địa bàn hoạt-động vừa để biểu lộ sự song hành với đảng «anh em» Cộng-sản Nam-dương (tức Mã-lai) mà trên nguyên-tắc cũng do Nguyễn-Ái-Quốc chỉ đạo trong vai trò phụ-trách Đông-Nam-Á Vụ (tuy nhiên, trên thực tế Đảng Cộng-sản Nam-dương liên lạc trực tiếp với Đảng Cộng-sản mẹ ở Hoa-Lục).

Về nhân sự, *thành-phần nòng cốt của Đảng Cộng-sản Đông-Dương làn gười Tàu*. Theo tài-liệu chính-thức của Đảng, sau khi được thành-lập, số đảng viên tổng-cộng vào khoảng 600 người thì đã 300 là Hoa-kiều ở Chợ lớn, phần còn lại gồm 85 người của Đông Dương Cộng sản Đảng, 61 người của An-nam Cộng-sản Đảng, 119 của Đông Dương Cộng sản Liên-đoàn và 54 Việt-kiều ở Siêm và Hương-Cảng (2).

Trong chương-trình hành-động của Đảng, cũng giống như Đảng Cộng sản In-đô-nê-sia, những người Cộng sản Đông-dương đã tự đặt ra một giai đoạn hoàn-thành cách-mạng tư-sản dân-quyền trước khi tiến sang cách-mạng xã-hội. Bản luận-cương do Tổng-bí thư của Đảng là Trần Phú thảo ra có đoạn : « Trong lúc đầu, cuộc Cách mạng Đông-dương sẽ là một cuộc Cách-mạng tư-sản dân quyền, bởi vì cách-mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn-đề tổ-chức xã-hội chủ-nghĩa, sức kinh tế trong xứ còn rất yếu các di-tích phong-kiến còn nhiều sức mạnh ..

---

(1) Lãnh-tụ của Đảng, Văn-Tân, Viện Sử-học Hà-nội, 1960.

(2) Phần còn lại gồm 85 đảng viên thuộc ĐD C S Đảng, 61 đảng viên thuộc A N C S Đảng, 119 đảng viên thuộc Đ D C S Liên-đoàn và 54 đảng viên Việt-kiều ở Siêm và Hương-Cảng.

Vì những điều điều kiện ấy cho nên thời-kỳ bây giờ cách-mạng có tính chất thổ-địa và phản-đế . Tư-sản dân-quyền cách-mạng là thời-kỳ dự bị để làm cách-mạng xã-hội chủ-nghĩa".

Ngoài ba đảng Cộng-sản In-đô-nê-sia, Mã-lai và Đông-dương, phong-trào Cộng sản quốc-tế cũng bắt đầu có hoạt-động ở Thái-lan, Miến-điện và Phi-luật-Tân nhưng tất cả đều yếu ớt.

Thái-lan là nước duy-nhứt không bị Tây-phương thống-trị, giới hoạt-động chính-trị có tinh-thần quốc-gia bảo thủ, còn về phía quần-chúng, ngay cả sau cách mạng 1932, lòng tôn quân cũng vẫn còn mạnh, do đó Cộng-sản đã không tạo được động-cơ thúc-đẩy đấu-tranh để thu hút đảng viên. Tổ-chức Cộng-sản đầu tiên thành hình năm 1929 gồm hầu hết là Hoa-kiều, người Thái quá ít không đáng kể. Tổ chức này hoạt-động hoàn toàn trong vòng bí mật, hơn nữa số đảng viên không có là bao, nên hiện nay cũng ít ai biết tới khung cốt và chủ trương.

Tương tự như Thái-lan, từ 1920 đến đến 1930, tại Miến-điện cũng chỉ ghi nhận những hoạt-động rất hạn chế của Cộng-sản Có điều khác biệt là tại Miến, Cộng-sản đã xâm nhập vào từ cửa ngõ Ấn-độ chứ không phải từ Trung-hoa, vì cho đến 1937 Miến vẫn được coi là một tỉnh của Ấn. Hồi gần 1930, Đảng Cộng-sản Nam dương đã cố tìm cách bành-trướng sang Miến nhưng không thành công. Sau 1930, chủ nghĩa Cộng-sản Lý-tưởng (giải-thích đồng-hóa chủ-nghĩa tư-bản với chủ-nghĩa thực-dân) đã hấp dẫn khá mạnh đám sinh viên và thanh-niên. Nhưng phải đợi đến năm 1939. Đảng Cộng-sản Miến mới chính thức được thành lập.

Còn tại Phi, Đảng Cộng-sản được thành lập năm 1930, sau khi đã xâm nhập vào tổ-chức thợ thuyền và hiệp-hội tá-điền. Cộng-đảng Phi đã thành hình nhờ chính Cộng-đảng Mỹ gây mầm bắt rễ. Những cán-bộ của Đảng đã cố-gắng khai-thác lòng bất-mãn cao-độ của nông-dân nghèo khổ ở Luzon trong sự bóc lột của chủ ruộng. Đại hội đầu tiên của Đảng được triệu tập bí mật tại Manila hồi tháng 5-1931, đã quy tụ 40 đại biểu từ 13 tỉnh về. Cũng trong năm này, Đảng Cộng-sản bịnhà cầm quyền đặt ra ngoài vòng pháp luật. Sau đó nhiều cán-bộ cao cấp bị bắt giữ. Mãi tới năm 1938 nhờ sự can-thiệp của Cộng-đảng Mỹ, nhóm lãnh tụ Phi Cộng mới được phóng thích. Thấy đứng riêng rẽ bất lợi, nhóm Cộng-sản bèn sáp nhập vào Đảng Xã-hội để dễ bề hoạt-động. Đảng Xã-hội vốn là một tổ chức hợp pháp, tranh đấu ôn hòa, nhiều nhân vật chủ chốt trong đảng có óc bài Cộng. Nhưng từ khi tiếp nhận nhóm Cộng-sản, đảng này bị nhuộm đỏ dần và sau cùng chuyển hẳn sang khuynh-hướng Cộng-sản và biến thành tổ chức võ-trang Hukbalahap trong Thế-chiến 2.

Thế chiến 2, cơ hội phát-triển

Thế-chiến 2 là thời-cơ thuận lợi nhất cho sự phát-triển của Cộng-sản Đông Nam-Á, Đứng chung trong phong-trào Cộng-sản quốc tế, các đảng Cộng-sản địa-phương đã không do dự trong sự đương đầu với Nhật. Trong khi các tổ-chức cách-mạng không Cộng-sản đã bị phân-hóa đoàn thể hợp tác với Nhật đoàn thể chống lại nên sau đó bị suy yếu tiềm lực đi nhiều.

Tại In-đô-nê-sia, phe cách-mạng dân

tộc, đại-diện là Sukarno và Mohamed Hatta, sau này là Tổng-thống và Phó Tổng thống, đã cộng-tác với Nhật, trong khi đó những người Cộng-sản đã tham gia phong trào kháng Nhật của cá phần tử xã-hội do Soetan Sjahir và Amir Sjarifuddin cầm đầu. Chính nhờ dịp này mà phong trào Cộng-sản In-đô-nê-sia đang hầu như tan rã lại dần dần hồi sinh và tái lập thành Đảng ngay sau thế-chiến.

Tại Miến-Điện, tổ-chức cách-mạng chống Anh của nhóm Ba Maw-Aung San-Ne Win đã đứng hẳn về phía hàng ngũ Nhật trong khi Nhật tiến chiến Miến Tuy nhiên, khi thấy tình-hình chiến-sự biến-đổi có lợi cho phía Đồng-minh, nhóm này bèn trở cờ, bí-mật tổ-chức Liên minh Nhân-dân tự-doChống Phát-xít để kịp thời cứu vãn đất nước. Những người Cộng-sản đang trong tình trạng phân-hóa cũng quy tụ lại dần trong tổ chức Liên-minh. Chính từ trong Liên minh này, Đảng Cộng-sản Miến đã phát triển nhờ tuyên-truyền thu hút được một số đảng viên khá đông đảo.

Những phần-tử cách-mạng dân-tộc ở In-đô nê-sia và Miến-Điện cộng tác với Nhật trong thế-chiến đã tiếp tục đứng vững sau khi Nhật đầu hàng và đã nắm được thế chủ-động lãnh-đạo đấu-tranh giành độc-lập Do đó, tuy các đảng Cộng-sản hai nước này đã phát triển trong thế chiến, nhưng vẫn không tạo nổi vị thế quan trọng trong sinh-hoạt chính trị về sau.

Ở Mã lai, nhìn chung, thì người Mã-gốc có cảm tình với Nhật, một thứ cảm tình tự nhiên không suy tính, vì họ tìm thấy ở người Nhật sự đồng tình trong việc chống đối người Tàu Nhưng trong thời-kỳ chiếm đóng Mã, Nhật vẫn duy trì cơ-cấu chính quyền các tiểu-bang, chưa có dịp tổ-chức Chính-phủ trung-ương nên ở đây không có vấn-đề cộng-tác hay không cộng tác rõ rệt. Đảng Cộng-sản Mã là tổ-chức duy nhứt kháng Nhật, nhưng trong hoạt-động này họ đã gặp hai điều bất lợi là không có căn-cứ yểm trợ bên ngoài và thiếu sự hợp tác của quần chúng nên cũng không đạt được thành quả nào đáng kể Dầu sao nhờ cuộc chiến tranh này họ đã chỉnh bị lại được hàng ngũ võ trang tạo thành một lực-lượng du-kích, đủ để khởi loạn sau này.

Còn ở Phi các phe nhóm chia ba rõ rệt : Phe thân Nhật do Jose P. Laurel cầm đầu ra mặt hợp tác với lực-lượng chiếm đóng mới, phe thân Mỹ rút vào kháng chiến chống Nhật và Phe Cộng-sản Xã-hội thành lập quân-đội Hukbalahap hồi đầu năm 1942 vừa chống Nhật vừa chống cả phe thân Mỹ. Sau ba năm kháng chiến. Cộng-sản đã bành-trướng thành một lực-lượng khá mạnh ở trung tâm Luzon.

Tại Việt-Nam, kể từ khi được khai sinh đến Thế-chiến 2, Đảng Cộng-sản Đông-dương đã không tạo được thành tích nào đáng kể. Phải đợi tới 1941, Hồ-Chí-Minh (Nguyễn-Ái-Quốc) mới tập hợp lại được một số đảng viên thành lập Việt-Nam Độc-lập Đồng - minh Hội ở Nam Trung-hoa, Cộng-sản Việt mới lại thực sự được phục-hồi và bắt đầu bước vào giai đoạn tranh đấu mới với chiến khu ở Việt-Bắc.

Việc tổ-chức võ-trang chống Nhật lúc ấy, xét về thực chất, quả không hơn một trò đùa Cộng-sản Việt cũng biết như vậy và họ cũng không bao giờ mơ tưởng tới chuyện có thể dùng võ-lực

(*Xem tiếp trang 82*)

Người đã bị cực hình về bút và mực :

HONORÉ DE BALZAC

● NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Xin xem B. K. T. Đ. từ số 310)

Trở về nghề viết văn thành công nhờ « Miếng da lừa »

Trước hết phải dọn nhà tới một khu hẻo lánh đường Cassini, ở ranh giới Paris và ngoại ô, để trốn nợ trong một thời gian đã, mới có thể yên ổn mà viết được

Con người đó thật lạ lùng, có phải là vô tâm không, nợ đìa như vậy mà vẫn xài sang, muốn sống như ông hoàng, phòng đầy những thảm quí, sách quí, tủ áo đầy những bộ đồ 120 quan, bằng một tháng lương thư-kí. Cơ hồ như chàng nghĩ :

« Chủ nợ réo, mặc họ ! Mẹ và em sạt nghiệp vì mình, mặc họ; mình cứ sống cho thỏa thích đã. » Bà De Berny thường lại săn sóc cho chàng, một người bạn lo giao thiệp với các chủ nợ, để chàng tĩnh tâm viết.

Không hiểu sao, lúc này rất cần tiền mà chàng không viết loại tiểu thuyết «con heo» như trước, lại viết những truyện đứng đắn, mà viết hay. Hình như tới cái tuổi đó — ba mươi — thiên tài của chàng mới xuất hiện.

Tiểu thuyết đầu tiên của chàng, nghĩa là tiểu thuyết đầu tiên kí tên thật Honoré Balzac, chứ không dùng bút hiệu Horace de Saint-Aubin hoặc Huân tước R'Hoone nữa, là truyện *Le Dernier Chouan* (sau đổi lại là *Les Chouans*) do một người bạn, Latouche, bỏ tiền ra in. Chouan là tên gọi những người dân quê bảo hoàng miền Normandie, Bretagne đã cầm khí giới chống lại Đệ nhất Cộng hòa Pháp. Truyện tả những cuộc chiến đấu rùng rợn giữa hai phe Trắng (Bảo hoàng) và Xanh (Cộng hòa) ; «họ bắn lẫn nhaunhư bắn thỏ». Tính tình ngôn ngữ các nhân vật chính đều tả đúng, sắc bén. Bán ế, sau tám tháng chỉ được 450 cuốn, nhưng được các nhà sành văn khen là hay và chính Balzac cũng nhận định được đúng sở trường : tài sáng tạo, sức tưởng tượng mạnh mẽ ; cùng sở đoản của mình : hơi thô, thiếu tế nhị. Chàng tự tín, quyết chí viết những tác phẩm lớn, làm cho dân Paris phải phục mình. Tình nhân cũ – Dilecta — và một tình nhân mới cũng quí phái, công tước phu nhân D'Abrantès, cũng tấp tểnh viết văn, khuyến khích chàng, làm cho Dilecta nổi ghen.

Năm đó thân phụ chàng qua đời, cảnh nhà túng bấn, mà món nợ

của mẹ chàng vẫn chưa trả được.

Sau *Le Dernier Chouan*, chàng cho ra liên tiếp *La Paix du ménage, La Maison du Chat qui pelote, El Verdugo, Physiologie du Mariage*. Cuốn sau bàn về sinh lí trong vấn đề hôn nhân tỏ rằng chàng rất hiểu tâm lí phụ nữ, ý kiến táo bạo. Sách bán rất chạy, danh của chàng vô được các phòng khách của giới quí phái. Đồng thời chàng gom góp tài liệu để viết một bộ về các bi hài kịch trong đời tư : *Scènes de la vie privée.*

Có giá trị nhất trong hồi này là truyện *La peau de chagrin* (Miếng da lừa (1)), một truyện có tính cách quái đản của phương Đông. Đề tài là một miếng da lừa có phép như một lá bùa, người làm chủ nó muốn cầu cái gì sẽ được cái nấy. Trên miếng da có in mấy hàng chữ phạn sắp theo hình tam giác dưới đây :

Nếu anh làm chủ tôi thì anh sẽ làm
chủ được tất cả. Nhưng đời anh sẽ
thuộc về tôi. Thượng đế muốn vậy.
Cầu xin đi, anh sẽ được thỏa mản.
Nhưng phải tiết chế sở nguyện
theo đời sống của anh. Đời
của anh đó. Mỗi lần anh cầu
xin điều gì tôi sẽ thun lại
giảm đi như đời sống
của anh. Anh muốn
tôi ư ? Cứ lấy đi
Thượng đế sẽ
làm thỏa ước
nguyện của
anh.-Được!

Vậy cứ mỗi lời cầu nguyện được thực hiện thì bề mặt miếng da thu lại. Khi miếng da không còn gì nữa thì người chủ miếng da sẽ chết. Ông lão bán đồ cổ có miếng da đó mà không cầu xin một điều gì cả nên sống được trăm tuổi. Không dùng tới nó, ông bán cho một thanh niên, chàng Raphaël. Gã sướng quá, cầu nguyện đủ thứ : vợ đẹp, con khôn, quyền cao chức trọng, của cải, danh vọng... miếng da cứ lần lần thun lại, tới khi chỉ còn một miếng nhỏ xíu. Giá ngưng lại, đừng ước muốn gì nữa thì còn sống thêm được, nhưng gã trông thấy tình nhân của gã gần như khỏa thân, gã muốn ái ân với nàng. Và gã tắt thở.

Đầu đề thực hấp dẫn. Có tài tưởng tượng như Balzac thì có thể tả được bao nhiêu cảnh li kì trong xã hội ; mà lại chứa một phần triết lí đạo Phật, đạo Lão, mạt sát đời sống xa hoa, trụy lạc, mạt sát sự phú quí, danh vọng, cả sự hoạt động nữa.

Nghệ thuật thực mới mẻ : xen lẫn sự quái đản vào sự thực, nên các nhà phê bình đều nhiệt liệt khen. Sách bán rất chạy, Balzac lãnh được 3.750 quan tác quyền và ông được đặt ngang hàng với những danh sĩ bậc nhất đương thời. Chỉ hai năm sau tác phẩm của ông được truyền bá khắp châu Âu : Nga, Ý, Đức, Anh, Na Uy, Thụy Điển Ở trong nước, còn có một số phê bình gia chê nhiều tật trong văn của ông, chưa chịu nhận ông là thiên tài, nhưng ở ngoại quốc danh ông mỗi ngày một tăng, tiểu thuyết của ông được hoan nghênh vào bật nhất.

«Tôi là một tên bị tội cực hình về bút mực»

Sau khi bỏ ngành kinh doanh mà cầm bút trở lại, ông có ý sáng tác để lưu danh không ? Chắc là không. Theo André Wurmser trong cuốn *La Comédie inhumaine* – Gallimard 1964, thì ông viết

(1) Miếng da lừa hoặc ngựa, dê để bao các hộp, sách... sản xuất nhiều nhất ở Trung Đông.

chỉ có ý để kiếm tiền, để sống. Wurmser dẫn một bức thư Balzac gởi cho tướng De Poinmereul, tháng Chín năm 1828, trong đó có câu : «Tôi sắp cầm bút lại, ngọn bút lông quạ hay lông ngỗng (1) phải giúp cho tôi đủ sống và trả được nợ cho má tôi» Lời thú đó rất chân thành, ta có thể tin được.

Nhưng tại sao ông không trở lại loại tiểu thuyết «con heo» mà ông đã thành công về phương diện kiếm tiền ? Điều này không có tài liệu nào nhắc tới. Có lẽ tại ông đã già giặn về tinh thần không thích công việc thấp kém đó nữa, cũng có thể là được bà De Berny tin ở tài năng mình nên ông thấy công việc đó không xứng đáng.

Vì nợ đìa, cần tiền gấp, ông phải viết thật nhiều : năm 1829 và 1830, năm nào cũng được bốn năm truyện. Có khi viết liên tiếp cả tháng :

«Tôi không được rời bàn viết suốt một tháng; tôi liệng đời của tôi lên bàn viết như một nhà luyện kim thuật liệng vàng vào lò ».

«Tôi sống dưới một chế độ độc tài khắt khe nhất, thứ độc tài mà tự mình bắt mình phải chịu. Tôi làm việc suốt ngày đêm... không được tiêu khiển.... Tôi là một tên bị tội cực hình về bút và mực.»

Hôm nào ông đi ngủ vào sáu giờ chiều thì dặn người nhà nửa đêm đánh thức rồi viết liên tiếp mười hai, mười lăm giờ. Vậy còn thì giờ đâu mà tiêu khiển ? Buổi tối nào đi coi hát hoặc phải dự một bửa tiệc thì mấy tuần sau khóa cửa tự giam trong phòng viết. Khoác một chiếc áo ngủ trắng — ông không chịu dùng màu khác — ông viết một hơi không nghỉ hằng mấy chục trang. Có lần ông hằng say viết trong năm đêm rồi gởi cho nhà in được hai trăm tờ bản thảo.

Ý của ông dồi dào quá, ông không kịp sắp đặt, cứ cho tuôn lên giấy. Lần đầu chỉ là một bản phác thôi, hỗn độn. Ấn công trông thấy xanh mặt. Phải rán mà đọc, đứng hơn là đoán, rồi xếp chữ, vỗ đưa ông sửa. Bản sửa này trông mới khinh khủng ! Từ mỗi hàng ông kéo một nét bút ra tới lề để thêm một vài chữ hay sửa một câu. Những nét vọt ra lề đó ngòng ngoèo như con rắn hoặc thẳng như lưỡi gươm. Hàng nào cũng đầy những chỗ bôi xóa, móc, viết đè lên, coi rối cả mặt ! Ông lại viết thêm vào những miếng giấy lớn, nhỏ dán chi chít chung quanh ấn cảo như "tấm bố cáo hay bức bình phong" vậy.

Sửa như vậy rồi ông liệng cho ấn công Ấn công lại mò mẫm, đoán từng câu mà xếp chữ lại, đưa ông sửa lại nữa. Năm sáu lần như vậy mà lần nào cũng như lá bùa. Có khi tám lần, mười lần. Trang tiểu thuyết nào ông cũng sửa kỹ như vậy, mà mỗi năm viết bốn năm truyện, ta thử tưởng tượng nghị lực và sinh lực của ông ghê gớm ra sao. Phải là hạng bò mộng mới kéo cày như vậy năm này qua năm khác được, mà hình thù ông quả thực như bò mộng : mặt tròn, bụng bự, chân ngắn, lùn, đặc biệt là cái cổ bạnh bao nhiêu sinh lực dồn vào đó hết, còn bao nhiêu tinh anh dồn cả vào cặp mắt đen, sáng ngời, nhìn ai thì như soi vào đáy lòng người đó.

Vậy ông viết vì tiền nhưng không viết ẩu. Tâm hồn nghệ sĩ của ông ở đó : phải viết để kiếm ăn nhưng đã viết thì say mê không vì một lẽ gì mà cẩu thả : nhà in thúc, nhà xuất bản thúc, nợ réo

(1) Thời đó chưa có ngọn bút sắt.

cũng mặc, nếu cần thì tạm trốn trong ít lâu, gấp quá thì bớt giờ ngủ, giờ ăn để sửa chữa cho cần thận.

Làm như trâu để trả nợ

Khi danh ông chưa nổi, ông đã ham sống xa hoa ; khi danh vang rồi, ông càng sống xa hoa hơn nữa để xứng với danh. Cơ hồ như ông bị cái mặc cảm tự ti là sinh ra trong một nhà tuy phong lưu đấy, nhưng gốc gác bình dân, cho nên rất ham chức tước, ham được giới quí phái chấp nhận - Các tình nhân chính của ông đều là các bà quí phái hết : De Berny, nữ công tước D'Abrantès, hầu tước phu nhân De Castries... và khi được họ chấp nhận rồi thì ông tự cho mình là quí phái, phải sống đời quí phái.

Nợ trên trăm ngàn quan, chưa trả được đồng nào mà cũng sắm xe độc mã, nuôi một tên tòng bộc bận áo dấu đi hầu theo xe, y như một vị công tước hay hầu tước vậy ; rồi đánh mấy chiếc nhẫn kim cương, sắm mấy chiếc can đầu nạm ngọc ; áo gi-lê bằng lụa, nút áo bằng vàng ; có lần được dự đám cưới công tước D'Orléans, đông cung thái tử của vua Louis Philippe, ông lại một tiệm áo cũ, thêu một bộ áo hầu tước ; thêm chữ *de* trước tên Balzac : Honoré de Balzac, tự nhận là hậu duệ của quí tộc Balzac d'Entragues

Các bạn văn mỉa mai ông, ông bất chấp, có thiên tài như ông thì dù mang chức vương cũng là xứng chứ. Chỉ khổ cho ông là sống cái đời quí phái tốn kém quá, và ông phải vay mượn thêm nữa, nợ mới đắp vào nợ cũ, suốt đời mang nợ và suốt đời kéo cày để trả nợ. Đúng là ông tự cột thân ông vào cái ách là cây bút. Nhưng đã là văn sĩ có ai thoát khỏi cái ách đó không ? Giàu có như Victor Hugo thế kỷ trước, lúc đã đứng tuổi, hoặc gần đây như André Maurois mà nhà xuất bản nào « com-măng » một tác phẩm thì cũng không bao giờ từ chối. Họ sinh ra để viết — như con tằm để nhả tơ, hoặc con trâu để kéo cày — thì họ phải viết, khi nào không viết được nữa mới thôi, còn cái việc viết vì phải trả nợ, vì muốn sắm chiếc xe độc mã, những áo lụa, khuy vàng, hay vì một lý do gì khác, cái đó là phụ. Hình như chính họ cũng mong có cái gì thúc đẩy để có việc mà làm hoài. Như André Maurois đã nói : « Đối với một người đã chơi một canh bạc lớn thì sự rút lui về nghỉ ngơi là một điều gần như chịu không nổi Người đó đã ghiền một thứ là hoạt động, không thể tự tẩy độc được nữa »

Một lố tình nhân

Văn nhân vốn là nòi tình. Ở thời nào, xứ nào họ cũng mê thanh và sắc. Cơ hồ như một số hạch nội tiết của họ phát triển khác thường, nhờ vậy họ sáng tác rất mạnh mà đam mê cũng rất hăng Ở phương Đông chúng ta,, Bạch Cư Dị, Đỗ Mục, Nguyễn-Du, Nguyễn-Công-Trứ... đều lưu nhiều thiên tình sử, ham tiếng đàn tiếng phách, có vài ba ả ca nhi tri kỉ hoặc vài ba nàng hầu. Ở phương Tây, Dumas-cha, Hugo, Lamartine... đều mê các đào hát và luật lệ, tôn giáo không cho phép họ cưới nàng hầu, thì họ có vô số tình nhân, nhà nào cũng cả chục.

Balzac ngoài ba chục tuổi vẫn chưa có vợ, nhưng lúc nào cũng có vài ba tình nhân chính thức, còn số không chính thức, nghĩa là sử không chép thì ta không sao biết được Năm 1831

ông vẫn sống với bà De Berny nhưng bà đã năm mươi bốn, năm mươi lăm tuổi, nên tiếng tơ tiếng trúc của họ càng thêm lỗi nhịp. Ông lại lui tới với nữ công tước D'Abrantès nhưng bà này ham cái việc làm văn hơn là chuyện tình ái, chỉ muốn ông làm cố vấn thôi, lâu lâu mới thưởng công ông một chút, nên ông làm quen thêm một nàng nữa, Zulma Carraud.

Ông là hạng người tham lam vô độ, về sáng tác, của cải, danh vọng và tình ái, không biết thế nào là đủ. Cho nên ông vẫn mong gặp được một thiếu nữ nữa, hoặc thiếu phụ cũng được, trẻ, đẹp, giàu có, quí phái. Nhưng về phần ông, ông có gì ? Có danh đấy, có tài đấy, những cái đó chỉ như thứ hương thơm thoang thoảng chứ không có giá trị trong một phòng chưởng khế ; mà hình dáng ông lại xấu xí, không quắc thước hay thanh nhã chút nào cả, ngán nhất là cái số nợ kinh khủng của ông : trăm ba chục ngàn quan, bằng mười ba triệu bạc của ta ngày nay.

Tháng mười năm 1831 ông nhận được một bức thư mà người gởi tự xưng là một thiếu phụ Anh. Bao thư đề : *Gởi ông De Balzac ở Paris*. Vậy mà thư tới tay ông mới lạ chứ. Thiếu phụ Anh đó viết tiếng Pháp như người Pháp quí phái, trách ông trong cuốn *Physiologie du Mariage* có giọng trắng trợn quá, phê phán phụ nữ một cách nghiêm khắc quá. Ông ngờ rằng bà ta mạo danh, viết một bức thư rất cảm động để cảm ơn. Một danh sĩ bận tíu tít, không có một phút nghỉ ngơi mà trân trọng viết bốn trang lớn để đáp mình như vậy, còn gì hân hạnh cho bằng ! Bà ta bèn cho biết tên thực : hầu tước phu nhân de Castries, thất bại về hôn nhân, thất vọng cả về tình (tình nhân của bà, một vị công hầu trẻ tuổi chết vì ho lao), rồi té ngựa, mang tật ở xương sống, bây giờ sống với cha mẹ hoặc ông chú ông bác. Bà ta mời Balzac tới chơi. Được lời như mở tấm lòng, Balzac tạm gác bút ít bữa để bay tới bên cạnh người đẹp. Vì bà ta đẹp thật; ba mươi lăm tuổi, mặc dầu tàn tật mà vẫn tươi trẻ, duyên dáng. Mà cái dáng điệu bà nằm ở tràng kỉ, với cái không khí trong phòng mới quí phái làm sao! Ông được tiếp đãi như một hầu tước hay công tước chính hiệu. Ông hí hửng, tràn trề hy vọng. Hạng đàn bà quí phái đó, trước kia ông vẫn ao ước thì bây giờ đây sắp thành tình nhân của ông rồi.

Ông bỏ bê công việc viết lách, từ Paris xuống Aix, nghĩa là từ miền Bắc xuống miền Nam nước Pháp — thời đó đã làm gì có xe lửa, xe hơi — để được gần bà. Bà tỏ vẻ quí trọng, ân cần với ông lắm; ông càng tán sát sạt, nhưng chỉ được phép chạm nhẹ vào tà áo hoặc hôn tay bà thôi. Mà tối nào họ cũng ngồi tới khuya để tâm sự với nhau chứ. Nếu ông đánh bạo, ôm bà hôn đại thì bà nổi quạu lên, viện ra đủ lý lẽ, nào là tôn giáo, nào là vết thương trong lòng, vết thương trong xương sống, đủ thứ làm cho ông tiu nghỉu như chó ăn vụng bột.

Ông cứ bị kiềm chế lại hoài, muốn nổi điên lên : «Mình mỗi ngày phải làm việc mười tám giờ, có thì giờ đâu mà kéo dài cái trò khỉ tán tỉnh này bên cạnh một mụ đàn bà bệnh tật!» Rốt cuộc ông phải xa lần, quay tìm phía khác.

Người lạ.

Vừa may, cuối tháng hai năm sau

(1832), ông nhận được một bức thư cũng bí mật nữa ký tên ; *Người lạ* (1) từ tuồng chữ tới lời văn đều có vẻ là của một người đàn bà đàng hoàng, sang trọng nữa. Bà ta khen Balzac có thiên tài nhưng *chê La Peau de Chagrin* là hơi thiếu tế nhị không bằng tập *Scènes de la vie privée.*

Nhận thêm được mấy bức thư nữa, bức thư nào cũng ký : *Người lạ.* Có bức còn nhấn mạnh : «Đối với ông, tôi chỉ là *Người lạ* cho tới suốt đời tôi».

Mà con người lạ đó ngưỡng mộ ông lạ lùng : «Đọc tác phẩm của ông, lòng tôi rung động... ông là bậc siêu nhân về phương diện hiểu lòng người... Một linh tính làm cho tôi cảm thấy ông. Nếu gặp ông, tôi sẽ nhận ra liền ; ông ấy đấy ... Ông có cái lửa thiêng của thiên tài...»

Cách xa nhau cả ngàn dặm, không hề biết mặt nhau mà bà ta muốn làm cái «lương tâm văn nghệ» của ông. Balzac không biết làm cách nào dò la cho ra, muốn điên lên, thì một hôm nhận được mấy hàng này :

«Xin ông viết cho một vài chữ trên tờ *Quotidienne* để tôi biết chắc rằng ông đã nhận được thư của tôi và tôi có thể thư từ với ông mà không ngại gì cả. Xin ông đề : Gởi N.L (2). H.B.»

Màn bí mật đã vén một chút sau chín tháng chờ đợi ; Balzac trả lời liền trên số *Quotidienne* ngày mùng chín tháng chạp.

Thư sau, bà ta cho biết tính danh : hồi trẻ là bá tước tiểu thư Eveline Rzewuska, gốc Ba-Lan, sau lấy một nhà quí tộc Nga, Wenceslas Hanski, lớn hơn mình hai mươi hai tuổi. Chồng rất giàu, làm chủ một điền trang 21 000 héc-ta, có 3.035 nông nô.

Y như trong truyện thần tiên của Ba-Tư. Như vầy thì trả thù được «mệ» De Castries điệu bộ, kiểu cách kia rồi. Thật đúng sở nguyện của nhà văn ta : trẻ, mới hai mươi bảy tuổi (bà ta khai vậy, chứ sự thật là bà mươi ba tuổi), đẹp (ông chưa thấy mặt, nhưng tin chắc vậy), quí phái, giàu có ngoài sức tưởng tượng của ông, mà ông chồng lại già. Vì có ông chồng này, nên phải thận trọng một chút. Nhưng bà Hanska (3) đã tính toán chu đáo cho rồi : nữ gia sư Henriette Borel dạy cô Anna (con duy nhất của bà) sẽ làm cái thùng thư cho hai bên.

Ông nằng nặc đòi được gặp bà, bà chiều lòng. Hai người hẹn hò với nhau ở Neuchâtel (Thụy sĩ), nơi quê quán của Henriette Borel, vì không hiểu tại sao bà nhất định không chịu qua Pháp. Dù có phải qua Nga thì ông cũng sẵn lòng, huống hồ là qua Thụy-sĩ. Bà dắt cả một đội gia nhân tới Neuchâtel trước, báo tin cho Balzac, nhưng vẫn tỏ ý lo ngại bọn văn sĩ Pháp táo bạo quá về chuyện tình. Balzac phải vỗ về : «Kẻ si tình này chỉ là một em bé thôi, có lẽ một em bé hơi phóng túng một chút ; nhưng trong sạch như một em bé và tình yêu ngây thơ như một em bé... Từ trước tôi mới chỉ ôm những ảo mộng thôi...»

Ông lại bỏ hết công việc viết lách,

---

(1) L'Etrangère, cũng có thể hiểu là người ngoại quốc vì thiếu phụ này là người Ba-Lan.

(2) Nghĩa là : Người Lạ. Tiếng Pháp là : A l'E.

(3) Chúng tôi đoán rằng : tiếng Nga đàn ông là Hanski, đàn bà là Hanska.

kiếm cớ qua Thụy-sĩ tìm mối bán sách theo kiểu mua năm — mỗi tháng ra một cuốn, mỗi cuốn một quan — tức như cái kiểu «Club du livre» ngày nay. Non một thế kỷ sau người ta mới thực hiện sáng kiến tài tình đó của ông.

Tới Neuchâtel, ông gởi thư ngay cho nữ gia sư Henriette hẹn tới giờ nào đó thì đi chơi ở đâu đó. Đúng giờ, Balzac lại nơi hẹn, thấy một bà đương ngồi đọc sách ở bờ hồ. Bà lại cố ý đánh rớt chiếc mùi soa ở dưới chân ghế. Balzac lại gần, nhìn vào cuốn sách thì là một tiểu thuyết của mình. Họ đóng trò như vậy mà cả hai đều rất cảm động. A ! cái thế kỷ lãng mạn của Pháp ! Bà không ngờ rằng bậc thiên tài của mình tròn như thùng ton-nô, tóc bù xù, răng gẫy mất vài chiếc, nên mới đầu hơi khó chịu, nhưng nhìn vào cặp mắt của Balzac thì cảm tưởng đó tiêu tan hết, chỉ thấy «chàng» lanh lợi, thông minh. Còn chàng mới đầu cũng hơi vỡ mộng một chút : nàng tiên của mình mập quá, cổ lớn, trán dô, môi dày, nhưng khi nàng cất tiếng lên, có vẻ nửa nghiêm trang, nửa lơi lả, thì chàng cũng mê ngay.

Ông chồng đã nghe danh Balzac, vui vẻ tiếp đãi chàng. Coi bộ ông ta suy nhược rồi, Balzac rất mừng. Họ dắt nhau đi coi phong cảnh, rồi lại hẹn lễ Noël gặp nhau ở Genève nữa.

Mấy tác phẩm bất hủ

Về Paris, Balzac cắm cổ viết bù, vì nợ réo ở bên tai. Trong mấy năm từ 1832 tới 1835 ông làm việc kinh khủng : nguồn hứng rất dồi dào, phí bao nhiêu thì giờ và sức lực vào những chuyện tình ái như vậy mà đều đều năm nào cũng sáng tác được bốn năm cuốn ; có lẽ nhờ sự khuyến khích của bà De Castries, bà Hanska mà viết được những cuốn hay nhất của ông như : *Le Médecin de campagne, Eugénie Grandet, Le Père Goriot, Le Lys dans la vallée*...

Truyện *Le Médecin de campagne* (Y sĩ làng) — cũng như truyện *Le Curé de village* (Mục sư làng) — diễn những tư tưởng chính trị của Balzac. Hồi đó phong trào xã hội đương phát triển mạnh, ông cũng như George Sand, Victor Hugo bênh vực dân nghèo. Nhân vật chính là Bác sĩ Benassis, có con trai với một người đàn bà rồi bỏ người ta ; người đó chết sau khi tha thứ cho ông ; ông hối hận, ở vậy nuôi con, đứa con cũng chết nữa. Ông về một làng, tận tụy hi sinh cho dân quê để chuộc lỗi cũ. Lời văn rất mạnh mẽ, nhiều đoạn hay như đoạn một người lính kể lại đời Napoléon lúc đó đã gần thành một nhân vật thần thoại.

Thành công nhất là truyện *Eugénie Grandet*. Hai cha con, mà cũng là hai nhân vật chính, tính tình tương phản nhau. Cha, lão Grandet, trước làm nghề đóng thùng chứa rượu, nhờ cho vay cắt cổ và vắt cổ chày ra nước mà có một sản nghiệp rất lớn ; con gái là Eugénie Grandet trái lại, rất nhân từ, cao thượng, hi sinh cho người khác, cho « đời của đàn bà là cảm xúc, yêu, đau khổ và tận tụy với người ». Lão Grandet là một lão hà tiện điển hình, như lão Harpagon trong kịch Molière, nhưng truyện không có tính cách hài kịch, mà bi đát.

Lão Goriot trong *Le Père Goriot* cũng có một tật nặng, một đam mê như hầu hết các nhân vật điển hình của Balzac. Ông già đó rất nhu nhược, cưng con

gái quá mức, chỉ sống cho chúng thôi, mà chúng hư hỏng, vong ân, không xứng với tấm lòng của cha. Hễ cái gì chúng thích thì ông cho là tốt, là thiện. Cô Delphine (con gái ông) mến gã Rastignac, thế là ông khuyến khích, khuyên nhủ gã, làm trung gian cho gã và con gái mình. Ông đau, chúng bỏ mặc ông nằm liệt ở giường chờ chết, mà giong xe đi chơi ; ông không những an phận, còn bênh vực chúng nữa : «Tôi hay rồi, các cháu đi có công việc làm ăn . » hoặc : «Để cho các cháu nó ngủ». Khi ông hấp hối, chúng cũng không tới, nhưng ông vẫn tưởng rằng chúng đứng ở bên, thều thào gọi tên chúng, rồi tắt thở.

Balzac vẽ nhiều nét đậm quá, và đọc xong ta đã không thương xót mà còn giận ông già lố bịch đó nữa.

Le Lys dans la vallée gần là một tự truyện của tác giả. Một thanh niên Félix de Vandenesse (tức Balzac) tỏ lòng yêu bà De Mortsauf ở Tours (tức bà De Berny) lớn tuổi hơn mình nhiều. Mới đầu bà ta bất bình vì là một hiền phụ, rất tận tụy với chồng con. Chàng bám riết rồi lòng bà ta siêu siêu, nhưng mối tình của họ vẫn trong sạch. Sau De Vandenesse về Paris, yêu một người đàn bà khác. Bà De Mortsauf ghen, rầu rĩ rồi chết, khi gần chết ân hận rằng đã quá tiết hạnh, không được hưởng thú nhục dục với chàng. Truyện có nhiều đoạn quá dài, giọng văn hơi cầu kỳ, nhưng cảm động, rất hợp thời lãng mạn đó.

Ngoài ra còn những truyện : *Le Colonel Chabert, Louis Lambert, La fille aux yeux d'or, Contes drolatiques...* nghệ thuật không cao nhưng cũng được hoan nghênh.

Balzac thu được khá nhiều tác quyền nhưng vẫn không đủ tiêu — những chuyến đi Aix, đi Thụy-sĩ để gặp tình nhân rất tốn kém - ông phải viết không nghỉ tay mà vẫn thấy thiếu thì giờ. Phải uống cà phê thật đậm, gần như đặc quánh lại để thức đêm mà viết. Thứ cà phê, bụng trống mà uống vào thì bào bọt, làm cho bao tử nóng bỏng, sưng lên ; những lúc đó ý xô đẩy trong đầu ông, lóe ra, ông lia lịa chép lên giấy. Ông đau bao tử, đau tim, đau gan, mặc, cứ viết, phải viết cho xong truyện này đến truyện khác. «Tôi như con dê bị cột vào cọc. Bao giờ số phận mới cởi mở cho tôi đây?» Ông than thở như vậy, nhưng rồi lại bảo : «Ngừng lại đó, Thần Chết ! Tôi chưa xong công việc của tôi.»

Bán-non tác phẩm và trốn nợ

Biết bao giờ mới xong. Ông chỉ có một thân một mình, mà sáu bảy năm cắm cổ viết như vậy, số nợ vẫn không giảm. Năm 1829, sau khi thất bại về kinh doanh, (mở nhà xuất bản, nhà in, xưởng đúc chữ), ông thiếu nợ trên trăm ngàn quan, thì cuối năm 1835, ông vẫn còn thiếu nợ 105.000 quan, nghĩa là trừ số 45.000 quan thiếu mẫu thân mà ông chưa trả được đồng nào, còn thiếu người ngoài 60 000 quan nữa.

Ông phải dùng cách cổ điển là vay nợ mới để trả bớt nợ cũ, nhưng trừ một số bạn thân lâu lâu giúp ông một số nho nhỏ dăm bảy trăm quan mà họ coi là tặng ông vì biết ông không sao trả nổi, còn thì ai mà dại gì đưa tiền cho ông nếu không có gì bảo đảm. Ruộng đất, nhà cửa không có, dĩ nhiên ông chỉ có thể dùng cây viết để bảo đảm :

bán non các tác phẩm chưa viết, nghĩa là bán da con gấu như trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine.

Ông ký những hợp đồng mà từ xưa đến nay chưa nhà văn nào dám ký, bán trước cả một loạt mười cuốn mà ông hứa viết trong bao lâu. như bán bộ *Etudes philosophiques* cho nhà *Gosselin Etudes de Moeurs* cho nhà Mame, những bộ đó tuy mang nhan đề là Nghiên cứu (*Etudes*) nhưng chính là tiểu thuyết.

Các nhà đó già giặn kinh nghiệm, ghi thêm trong hợp đồng là hễ giao trễ tác; phẩm thì mỗi tuần ông phải bồi thường cho họ một ngàn quan (tức trăm ngàn bạc của ta hiện nay). Không làm việc đêm ngày thì không thể kịp được. Gần tới hạn, ông phải gắng sức một cách kinh khủng. Trong thư cho bạn bè hoặc tình nhân, lời than thở xuất hiện như một điệp-khúc :

«Công việc ngập tới cổ. Đời tôi thay đổi hẳn, máy chạy khác nhịp rồi. Sáu bảy giờ chiều, tôi đi ngủ như gà mái một giờ khuya tôi thức dậy và làm việc tới tám giờ sáng; tám giờ sáng tôi ngủ một giờ rưỡi, ăn một món gì nhè nhẹ, uống một tách cà phê nguyên chất rồi lại kéo xe tới bốn giờ chiều; tiếp khách, tắm rửa hoặc ra phố, rồi ăn xong bữa chiều là đi ngủ liền. Phải sống đời đó trong vài tháng mới giữ được lời cam kết với các nhà xuất bản».

Chính những lúc đó, Vệ quốc quân còn lại nhà bắt ông phải đi làm lính gác như mọi công dân khác, nếu không thì bị nhốt khám. Ông phải trốn, dọn lại căn nhà số 13 đường Bataille, mượn tên một nhân vật ma, bà quả phụ Durand để thuê nhà. Bất kỳ ai muốn vô nhà, cũng phải dùng một mật khẩu (mot de passe); mật khẩu đó thường thay đổi: *Mùa táo đã tới rồi* .. hoặc... *Tôi đem hàng ren ở Bỉ qua*... Từng dưới và từng lầu nhất đều bỏ trống. Lên từng lầu nhì, đi tới cuối một hành lang buồn thảm, mới tới cửa phòng làm việc của ông.

Khi nghệ sĩ ra báo

Thấy công việc viết tiểu thuyết đó chỉ làm cho ông sa lầy thêm, không sao trả hết nợ được, đầu năm 1836 ông rán vùng vẫy nữa: kiếm bạn hùn vốn mua lại tờ *Chronique de Paris*, vay thêm bốn mươi lăm ngàn quan để khai thác tờ báo. Cũng như Alexandte-Dumas-cha, ông được nhiều bạn văn hứa giúp : Victor Hugo, Théophile Gautier...; nhưng cũng như Dumas-cha rốt cuộc ông phải viết gần hết ; và cũng như Dumas-cha Balzac-chủ nhiệm tự trả lương cho Balzac-chủ bút một cách rất hậu.

Có một tòa soạn để các văn hữu hội họp, còn gì thú bằng Balzac nợ thì nợ chứ vẫn tiêu xài một cách đế vương, mời bọn họ lại thết tiệc, ăn uống no nê, cười giỡn hả hê, rồi khi chia tay, xin họ bài thì bài chưa sẵn.

Mới đầu tờ báo rất được hoan nghênh : thấy tên một tá danh sĩ trong tòa soạn, ai mà chẳng muốn mua nhất là những bài bình luận thời sự của Balzac lại rất hóm hỉnh, chẳng hạn : «Ông Thiers—[bộ trưởng Nội vụ]—hồi nào tới giờ chỉ có mỗi một ý nghĩ : là nghĩ đến ông Thiers» - «Ông Guizot—[bộ trưởng Giáo dục rồi Ngoại giao]— là một cái chong chóng đặt trên ba ngôi nhà ; ông Thiers là một cái chong chóng mặc dầu quay hoài mà vẫn đặt hoài trên một ngôi nhà».

Nhưng số độc giả mua dài hạn cứ

giảm xuống : tháng giêng : 160, tháng hai : 40, tháng ba : 19, tới tháng bảy chỉ còn 7. Rốt cuộc phải bán lỗ tờ báo. Lần thứ tư ông thất bại về kinh doanh.

Bán xong tờ báo, ông qua Turin Ý để bênh vực quyền lợi của một người bạn trong một vụ kiện về gia tài ; khi trở về Paris thì hay tin Dilecta (bà De Bérny) đã mất ngày 27 tháng bảy 1836. Niềm vui cuối cùng của bà là đọc lại *Le Lys daus la vallée* mà Balzac đã gởi tặng bản in đầu tiên. Bà thấy lại hình ảnh của bà non hai chục năm trước trong cuốn đó. Balzac nhận thấy rằng bà đã tận tâm với mình nhất, lại hướng dẫn mình trong văn nghiệp một cách sáng suốt nhất. Bà Hanska (Người Lạ) từ nay thay bà De Berny trong đời ông.

(*Còn tiếp 1 kỳ*) NGUYỄN-HIẾN-LÊ

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C
NeuroTonic
KN. 783/BTT/QCDP/16.4.68
Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Vitaplex
CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C_D_PP_B2_B6_B12

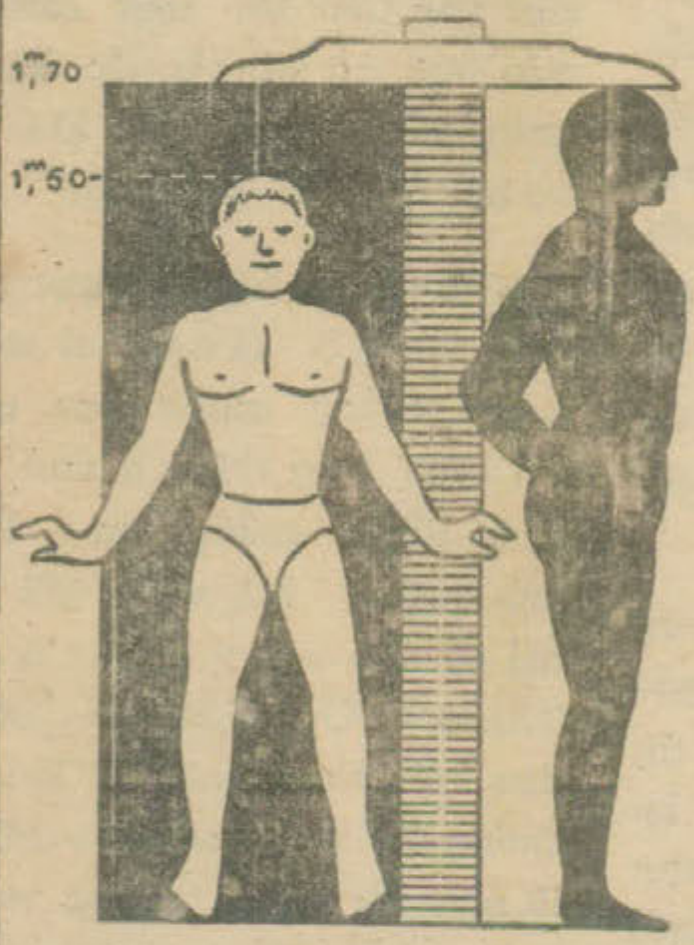

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER
VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

SỐ KN 18 MBYT/QCPD

KIM-ĐỊNH *

VIỆT NHO

Muốn bàn đến Việt Nho cách vắn tắt ta có thể tóm vào ba mục sau :

Nguồn văn minh là *Nông-nghiệp*

Gốc văn hóa là *Viêm-tộc* mà

Việt tộc nằm trong khối đó.

Điểm trước nhất là nông nghiệp. Nông nghiệp vẫn trường tồn ngược với du mục đã tiêu trầm nhưng đã trao tính chất sang *công thương* nghiệp, nên công thương nghiệp là kẻ kế-tự của du-mục, muốn tìm hiểu du-mục thì phải tìm hiểu qua thương, công. Thương công thường ở thành thị, còn nông nghiệp phải gắn liền với đồng quê. Văn hóa Tây Âu nặng về thương công, thuộc homo mercator (thương nhơn) và homo faber (công nhơn) cả hai đều xem vật tự ngoài, nhất là mercator. (Instinct. Baudoin 158). Bởi thường sống ở thành thị xa thiên nhiên nên dễ để trụt mất nội-dung của các biểu-tượng, vì thế dễ trở thành trừu-tượng (Creel 297). Ngược lại, văn-hóa nông-nghiệp vì không thể cưỡng ép thiên-nhiên như bắt thảo mộc mọc mau hậm theo ý mình, nhưng phải hòa-hợp với tứ-thời, bát tiết, nhịp theo hai mùa ớn là Xuân, Thu với gieo gặt. Vì thế có một sự liên đới rất cụ thể và mật thiết giữa người và thiên nhiên, được kế tinh trong câu «thiên nhơn đồng đ» (Need, II 597). Chính vì đó mà tính chất của nó là yêu chuộng hòa bình, chống chiến tranh (Creel 77) nên không có anh-hùng-ca (của riêng dân hiếu chiến). Văn-minh nông-nghiệp còn một đặc tính nữa là yêu nhà, yêu nước, ngược với văn-minh du-mục lang thang không nước không nhà, hay *thương công* cũng không thiết gì lắm với nước vì «đâu dễ sống, dễ kiếm ra tiền thì đấy là tổ quốc»(ubi bene vivere ibi patria) Vì thế trào lưu vô gia đình, vô tổ quốc phát xuất từ văn minh thương-nghiệp và ngày nay hai chữ nhà và nước đã trụt mất rất nhiều nội-dung là do sự lấn át của nền văn-minh công-thương du-mục vậy. Nền văn-minh này đã khởi đầu lấn át nông nghiệp từ lâu lắm: mãi tự ngày Caïn giết em là Abel. Caïn và Abel là hai biểu - tượng cho hai nền văn-minh nông-nghiệp và du-mục. Khi nói Caïn giết Abel là nói «du mục lấn át nông-nghiệp» và được thể hiện qua lịch sử như anh Héllens đối với em Minoens, anh Aryen đối với em Dravidien, anh Hoa đối với em Viêm v.v. . và đâu đâu cũng thế anh Caïn giết em Abel cách nầy hoặc cách khác, ít hoặc nhiều.

Phần lớn là nhiều, đôi khi là ít và ít hơn hết thì phải kể đến các em Viêm bởi các em này đã không để cho các anh Hoa làm mưa làm gió như bên Tây-Âu

---

(*) LTS Xin xem Bách Khoa T.Đ số 305. bài «*Ba đợt văn minh*», trang 17, có giới thiệu tác giả và tác phẩm.

hay Ấn-Độ, mà đã chiến đấu, nhất là trên phương diện tinh-thần, để cuối cùng đưa người đại-diện vào việc kiến-thiết văn-hóa. Và những người đại-diện đó chính là dân-tộc. Vì thế dân-tộc chính là yếu-tố thứ hai định tính nền văn-minh Viễn-Đông Thực ra thì ở đâu cũng có câu «tiếng dân là tiếng trời » = « Vox populi vox caeli» «The people are never wrong». Nhưng không đâu người ta chịu để cho dân có tiếng nói, hoặc khuyến-khích dân nói, hoặc gần dân để nghe dân nói, vì dân bao giờ chả nói và lời nói của dân đã kết tinh lại trong các câu ca dao, tục ngữ. Trên thế giới này không đâu là không có ca dao, tục ngữ, chính nó làm nên cái minh-triết của dân gian, của các dân tộc = la sagesse populaire, la sagesse des nations. Tuy nhiên đâu đâu ca dao tục ngữ cũng chỉ có ở đợt tản mát, vụn mảnh không được kể đến. Đặt biệt Viêm tộc đã tranh đấu cho ca-dao có một địa vị và do đó tiếng dân đã được đóng góp vào việc làm nên kinh-điển, tức làm nên những sách cao quí nhất của một nước. Cũng như sau này đến lượt các sách cổ-điển dân chúng vẫn đóng góp vào việc sáng tác. Vì thế tác-quyền bên Viễn-Đông không được chú ý nhiều là vì nó không có tính chất cá nhân nhưng là công cộng.

Điểm thứ ba là trong khối dân lớn lao của Viêm tộc đó thì ngành lớn hơn hết chính là Lạc-Việt. Lạc-Việt là miêu-duệ gần của Viêm-tộc đến nỗi đã chiếm-lãnh toàn bộ Trung-Hoa cổ đại và xuất hiện lâu trước thị-dân là Hoa-tộc (Socio XVII) và đã lập quốc ở miền *Lạc* ấp. Và cũng mở đầu cho một cuộc tháo chạy dần dần trước kẻ xâm lăng : chạy từ Tây sang Đông từ Bắc xuống Nam, cuối cùng giữ cho mình được hai miền Đông-Nam, nhất là Nam, nhưng khắp nơi đều để lại nhiều đại-biểu, và tuy vì chính-trị nên phải ly biệt kẻ Bắc người Nam nhưng tình trong thì vẫn một nhà. Không hiểu vì hậu ý nào mà phần lớn học-giả đời nay lại cố ý chối bỏ mối liên-hệ này, cho đó chỉ là những « ước đoán mong manh ». Mong manh sao được khi có đầy những tang chứng nằm tản mát trong nhiều sử liệu nước Tàu, bởi vì cuộc di cư này không phải chỉ có xảy ra một lần lúc nước Sở diệt nước Việt, nhưng là trước nữa, rất lâu trước nữa, và mãi cho tới gần đây chỉ chừng vài trăm năm vẫn còn. Thời Vương-Mãn (đầu kỷ-nguyên) biết bao nhân sĩ miền Bắc (Hoàng-hà) chạy xuống lập nghiệp ở xứ Giao-Chỉ mà đại-biểu điển-hình hơn cả là Sĩ-Nhiếp, người đã lập ra « học phái nước Nam » lấy khẩu hiệu là « Đạt ư tòng chính » để vượt qua những tranh-luận suông giữa hai phái *kim-văn* và *cổ-văn* trên Bắc, nhờ đấy văn-hóa Giao-Chỉ ảnh hưởng quật lại Trung-Hoa [1]Cũng như Triệu Đà đại-diện chính-trị nhân lúc Hán Sở tranh hùng đã đứng ên giết quan lại nhà Tần lập ra Nam-Việt. Lại còn những vụ bắt cóc người Quảng-Đông Quảng-Tây bán làm nô-lệ cho người Việt-Nam. Trong quyển «Văn hiến thông khảo» (tr 26) Mã-Đoan-Lâm có kể lại văn-kiện nhắc đến vụ này và nói mỗi năm tới hàng trăm người Tàu bị bắt như thế, Nho sĩ thì giá đắt gấp bội. Đây là một sự kiện hiển nhiên mà bất cứ ai khởi công nghiên cứu cũng gặp thấy. Đến nỗi gần đây có người quả quyết dân Việt-Nam là người Trung-quốc di cư sang đây trong thời Bắc thuộc. Đó là câu nói quá đáng kiểu duy-sử nghĩa là coi huyền-sử như truyện nhảm nhí nên không nhìn ra chỗ đứng lớn lao của Việt-tộc. Địa vị này chỉ nhận ra được khi chịu chú ý đến huyền-sử vì chính huyền

sử mới là thời quyết định cho việc khai quốc, chính trong thời xa xăm đó mới kết tinh nên những thói tục riêng biệt và nhất là ngôn ngữ để làm thành một lò đúc mạnh đủ đồng hóa các lớp dân cư đến sau. Các lớp này dầu có Tàu đến một trăm phần trăm và đó đông đến mấy cũng chỉ ít thế-hệ là đã bị tôi luyện trong cái lò Việt rồi.

Sự kiện này có đã lâu đời lắm như có thể nhận ra được trong huyền thoại ba vì tích của Lạc-Long-Quân. Ta nên coi Lạc-Long-Quân như đại diện phương Bắc thờ vật-tổ thú như ghi lại trong hai chữ Lạc và Long. Vậy mà Lạc-Long-Quân đã cảm hóa theo văn hóa phương Nam trọn vẹn. Huyền sử kể rằng Lạc-Long-Quân đã tiêu diệt được *ngư* tinh, *hồ* tinh, *mộc* tinh. Câu truyện có nghĩa rằng Lạc-Long-Quân đã bỏ văn minh phương Bắc (ngư tinh là cá sống dưới *nước*. Bắc phương hành *thủy*) phương Tây (*Hồ* tinh: vật tổ *thú*) Mộc tinh = phương Đông, để theo về phương Nam hành *hỏa*, của *Xích* quỉ, của Đế-Minh Chính ngọn *lửa* này đã phun ra tự miệng con ngựa của Phù-Đổng *Thiên-Vương* để đuổi quân thù. *Thiên* là dân, *Vương* là chủ. Phù-Đổng Thiên-Vương là tinh thần *dân chủ* của văn-hóa phương Nam, của Việt tộc. Xem thế đủ biết tinh thần văn-hóa Việt tộc đã thành lập trước đời Lạc-Long-Quân.

Vậy thì trên giải đất này bản chất Việt mạnh hơn bản chất Tàu, nên phải gọi là Việt tộc mà không thể gọi là Tàu, và như thế muốn tìm đến nguồn gốc chân thực của Việt-Nam thì không nên theo óc duy-sử nhưng phải tìm về tới thời Hồng Bàng; óc khoa học trung thực đòi phải như thế, vì nếu bỏ quãng đó thì không thể nào giải nghĩa nổi thực -thể Việt-Nam. Chẳng hạn nếu bảo người Việt-Nam là Tàu di cư sang đây thì tại sao Việt Nam lại chống đối Tàu cách mãnh liệt khiến Tàu phải nể vì hơn hết trong các nhóm Di Địch bao quanh nước Tàu. Vì thế chúng ta cho câu nói người Việt Nam là Tàu là câu nói quá đáng. Tuy nhiên câu nói có tác dụng hay ở chỗ giúp người Việt nhớ lại nguồn gốc dòng tộc mình không nên tìm từ phía Nam (Mã-lai, Indonésien) nhưng phải tìm ở phía Bắc. Tìm phía Bắc mới là theo đúng chiều toàn thể, tức là con đường di chuyển chung của nhân loại. Không cứ gì người Việt người Thái từ Bắc tiến dần xuống miền Nam, mà bên Âu-châu cũng xảy ra một hiện tượng như thế với các đợt tràn lấn của các dân miền Bắc: Người Aryen từ Bắc tràn xuống Ấn-Độ chiếm đất của Dravidien... Tất cả còn trờ trờ ra đó, không thể vì thiếu sử-liệu mà phủ nhận cái thực thể lớn lao này được. Huống chi còn biết bao tang chứng sống động khác thuộc thể chế của nước nhà: quan, hôn, táng, tế... Không nên để cho tiểu tiết che lấp cái toàn thể. Chúng ta cần vượt qua lối giải nghĩa của sử-học khách -quan này, để tìm ra cái ý-nghĩa uyên-nguyên gắn liền với tiềm-thức (Psychanalyse du Feu Bachelard P. 91)có rất nhiều bảo đảm. Làm như thế mới có nhiều hi vọng nhìn ra cái di sản thiêng liêng của tổ tiên mà chúng ta có sứ mạng phải khai quật và vun sới. Vì thế một lần nữa chúng tôi xin nhấn mạnh đến mấy việc lớn sau đây:

Việc lớn hơn cả là trong khắp thế giới các dân bản thổ hoặc bị tiêu diệt hầu trọn vẹn như bên Úc, Mỹ, hoặc một phần như bên Phi-Châu hoặc bị đồng hóa hay nằm trọn vẹn trong vòng nô lệ như bên La-Hi và Ấn-Độ. Riêng có Viễn-

Đồng thì dân bản-thổ đã không bị tiêu diệt lại còn đồng hóa chính người xâm lăng. Việc này ở những thời khuyết-sử có phần lu mờ nhưng đã được kiện chứng do các đời sau : Hung-Nô, Hồi-Hột, Kim Nguyên, Mãn.. tất cả đều bị đồng hóa. Điều này không ai chối cãi được. Vậy chúng ta có thể nương vào đó kết luận ngược trở lên đến Hoàng-Đế, Thần-Nông và con cháu Thần-Nông (tức văn minh nông-nghiệp) đã đồng hóa con cháu Hoa-tộc của Hiên-Viên du-mục. Dầu trong tiểu-tiết có thể sai chạy ít nhiều, nhưng trong đại cuộc thì kết luận được như thế.

Việc thứ hai là Kinh-điển do dân gian của Viêm-Việt khởi công.. Điều này cũng xảy ra mãi từ thời khuyết sử, nhưng lại được kiện chứng bằng các đời sau với những sách như Tam-quốc, Thủy-Hử, Tây-du-Ký... Trước khi thành tác phẩm bất hủ thì những sách đó đã trải qua một quá trình thai nghén hình thành dài lâu trong dân chúng. Điều này không ai chối cãi được, và vì thế nó là kiện chứng rất vững cho chúng ta suy luận ngược lên về tác giả Kinh-điển.

Việc thứ ba là sự trường-cửu bền bỉ của nền văn-hóa Nho-giáo Không có một cuộc xét lại nào từ nền tảng giống các nền văn-hoa khác cả. Ở đây tuy có biến đổi nhiều lắm nhưng toàn ở ngành ngọn định-chế tùy thời, còn về tinh-túy thì trường-tồn y-nguyên thế mà các đợt tấn công từ ngoài vào thì cứ liên miên hết các loạt Hung-Nô, Hồi-Hột. lại đến các đợt Kim, Mông, Mãn.. Dầu vậy nó vẫn đủ tiềm-lực chối dậy nổi, tỏ ra nó không phải là một cái gì hời hợt như một ý-hệ do một cá nhân suy nghĩ ra. Cá-nhân dầu có tài ba tới đâu cũng là cá-nhân, có tác động lâu lắm cũng trong vòng ba bốn chục năm. Ngược lại dân là «vạn đại chi dân» nó trường tồn và những gì do dân kiến tạo, lớn lên với dân đều bền bỉ như dân vậy.

Điều thứ bốn cũng rất lớn lao và thuộc riêng nước nhà đó là một đàng lịch-sử nước ta chứng tỏ một óc quật cường bất khuất thế mà lại không bao giờ chối bỏ Nho giáo thì phải kể là nó có mối liên hệ thâm sâu nào đó. Và mối liên-hệ đó thuộc văn-hóa như chính những người muốn chối rồi cũng phải công nhận (Maspéro. Chine P. 17). Và nền văn-hóa này, sau những suy-luận trên, ta nhận ra không chỉ là vay mượn nhưng chính là cha ông tiên tổ ta đã đóng góp vào việc tạo dựng lên nó, và như thế Nho-giáo là của nước ta cũng như của nước Tàu, cả hai đều là tác giả. Và đó là lý do sâu xa nhất nằm ẩn trong tiềm - thức khiến cho tiền nhân ta không hề chống Nho giáo mặc dầu về chính-trị vẫn chống Tàu mãnh liệt.

Đó là mấy sự kiện lớn lao về văn-hóa Việt-Nho, chính nó đã cho phép chúng tôi đưa ra nhiều quyết đoán mới lạ. Những quyết đoán đó nếu chỉ dựa vào chính-sử, hay khảo cổ thì không dám đưa ra. Nhưng chúng ta biết chính sử đã bị nhà cầm quyền bóp méo và xuyên tạc quá nhiều lần, còn khoa khảo-cổ thì phạm-vi quá hẹp-hòi lại còn rất bấp bênh, vì thế chỉ dựa vào có hai khoa ấy thì không đủ. Trái lại khi nhìn dưới ánh sáng của 4 sự kiện lớn-lao vừa kể trên thì những câu quyết đoán tuy đi ngược chiều xưa nay lại tỏ ra có nền tảng hơn. Những sự kiện lớn lao đó có thể ví như cung đầu cung cuối của câu nhạc mà mỗi nhạc khí cần hòa hợp. Thí dụ câu «*hồ* sự hồ sự *sang*», thì ba nốt giữa có thể bỏ, hoặc đổi hoặc thêm bớt tùy cái hứng riêng, miễn

sao hợp ở cái nốt đầu và cuối là vẫn giữ được hòa âm của giàn nhạc. Những điều chúng tôi quả quyết về tác quyền của Việt-Nam cũng thế : đúng với những điều lớn, còn các chi tiết có sai chạy đôi chút cũng không quan trọng đến nỗi làm hại được đường hướng lý-tưởng đã đề nghị ra, mặc dầu vẫn còn phải nghiên cứu thêm để tăng phần chính xác. Durkheim nói rất đúng rằng khi nhận thấy một phong tục đã sống lâu đời với một dân tộc nhất định nọ, thì phải hiểu là nó đã thích nghi được với những hoàn cảnh khu vực đó. Viễn-Đông ta nói "thuận thiên giả tồn" cũng một ý nghĩa, tức cái gì trường tồn thì là thuận thiên hiểu là thuận tâm lý phong thổ và những điều kiện thời-gian không-gian, nên là những thực thể cần phải kể tới không thể vì thấy không hợp định-đề của mình mà gạt bỏ đi được.

KIM-ĐỊNH

Trích trong « Việt-lý tố nguyên » sắp xuất bản

REGAST. T.

— *Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.*
— *Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan*

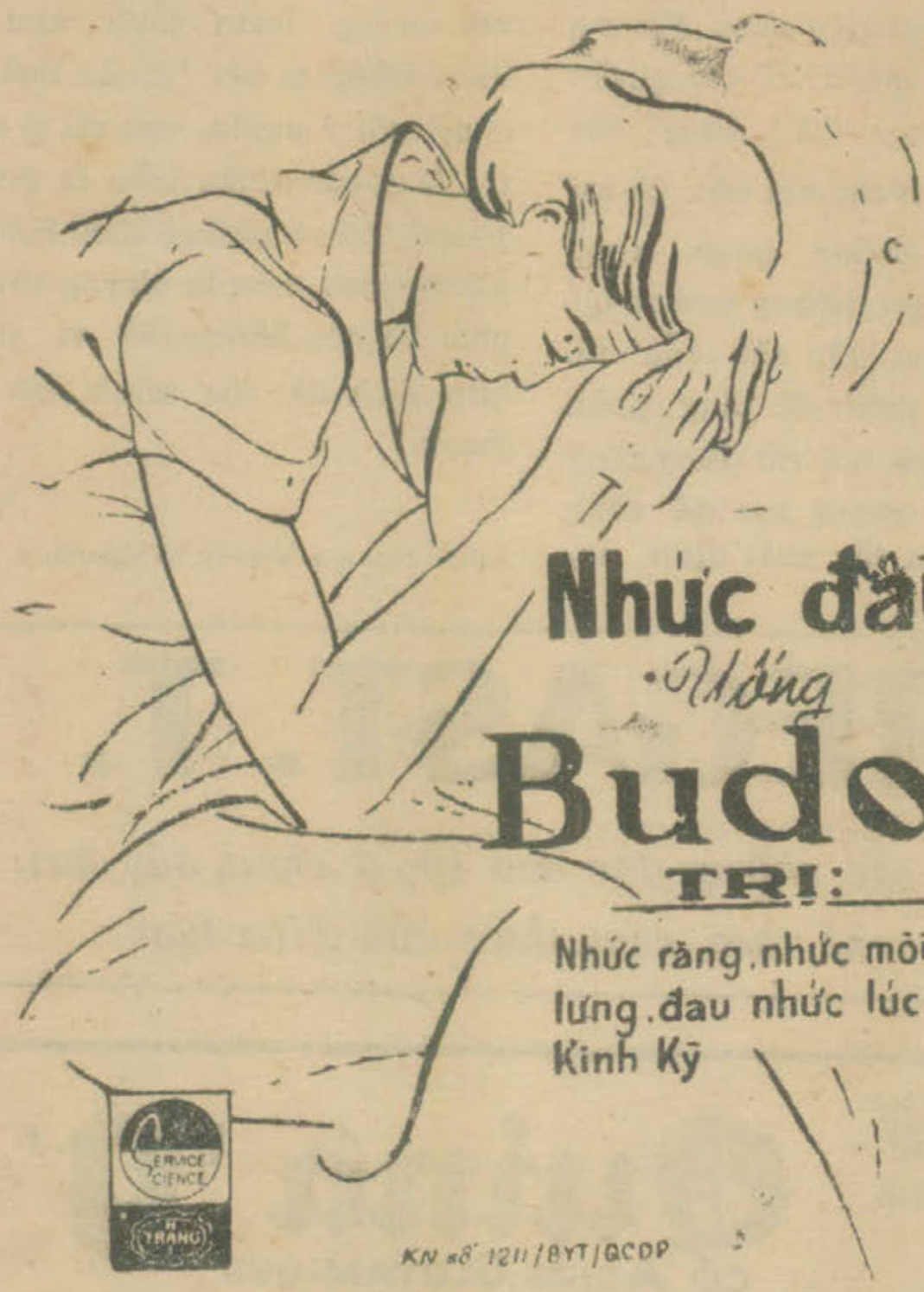

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon

Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH

SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

4 / (*Xin xem B. K. từ số 308*)

Một cái nhìn đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH-DỤC

II.— NHỮNG BÌNH-DIỆN SINH-HOẠT CỦA TÍNH, DỤC

(*tiếp theo*)

Những mẫu người nam và nữ

Quả thực, nơi người đàn ông, tinh thần được phân biệt rõ rệt hơn với vật chất, và tinh thần trong trường hợp này đã trở thành lý trí. Lý trí vốn trừu tượng và phân tích nên nó đứng ra ngoài sự sống và tâm tình. Đó là một khuyết điểm đối với duy nhứt tính con người, nhưng ở bình diện dưới, thì đó lại là một ưu điểm, bởi đó là dấu hiệu của khả năng để vượt mình và vũ trụ bao quanh.

Thực ra, con người, do bản tính, có thể vượt bản tính. Nó vượt bản tính nhất là do một hành vi của ý chí muốn làm chủ mình bằng hướng mình theo lẽ phải, và gọt đẽo mình theo một mẫu người lý tưởng tự mình chọn lấy.

Cho nên, đàn ông tính lý tưởng không thể định nghĩa hoàn toàn theo tương quan với tính dục, nghĩa là trong liên đới với người đàn bà. Đàn ông lý tưởng, đó là con người thiện lý (éthique) nó vượt trên đám đông và chế ngự bản năng. Đó là mẫu người anh hùng mà bộ giáp là tài ba và khí phách. Đó là kẻ tạo được thời, chứ không bị thời lôi cuốn. Ở một bình diện thiêng liêng hơn, thì người anh hùng ấy là đạo sỹ, người đã thoát lên khỏi phàm tục và thuần-bản tính, đã rạng ngời lên trong ánh sáng thuần dương và siêu nhiên, trong ánh bất diệt của Thần linh mà nó là hình ảnh trung thực.

Như chúng ta đã nói, lý trí chỉ vượt bản tính ở bình diện thấp mà thôi. Do lý trí, người đàn ông tách ra khỏi con người tâm tình và nhục thể của mình, nên có một sự giằng co và căng thẳng trong họ, khiến họ khó tìm thấy duy nhất tính nơi mình. Vả lại, nếu họ chỉ bay lên được với cái đầu (ức lý trí) thôi, thì họ sẽ cứ lơ lửng, «trên không chẳng, dưới không rễ», chẳng bao giờ đạt tới cõi thuần dương, nhờ đó hiệp thông với nguyên khí, với Tinh thần (purusa, âtman) chân thực. Sự hiệp thông này nhiều khi là ở một trực giác huyền-nghiệm trực-giác nó choán cả con người, tự cái chiều sâu thăm thẳm của nó.

oOo

Còn đàn bà khi sống thì bao giờ cũng sống với tất cả con người của mình. Do đó, họ khó lòng tách ra khỏi thể xác

---

1) Cho nên, khi Một thần nam giới giáng lâm, thì thường ngài xuất hiện với hình thức anh hùng hay đạo sỹ, vì đó mới là người đàn ông lý tưởng, hình ảnh của ngài.

hay tình cảm để từ trên cao phê phán về mình theo lẽ phải, và để vượt lên khỏi mình bằng một quyết định dứt khoát. Nhưng một khi họ đã bay lên được, thì họ cũng bay lên với tất cả con người của mình, để thoát tục rồi, tất cả sức sống họ sẽ biến thành năng lực siêu nhiên, thành Sakti cho Siêu-việt

Đàn bà tính thuần túy là Bản nhiên (prakriti), nên biểu hiệu là Trinh nữ và Người mẹ.

Tiếng đồng trinh đây có một ý-nghĩa siêu hình, chứ không phải luân lý. Đó là sự trong sạch của nước; tuy rửa tất cả và tiếp nhận tất cả, nhưng để tất cả chìm sâu và tan mất trong nó Vì thế, luôn luôn nước vẫn nguyên thuần là nước, không dính bụi. Đó cũng là sự trong trắng của Đất, của chất thể nguyên sơ, tuy thành đủ mọi hình dạng mà vẫn không bị nhơ do một hình dạng nào cả. Nên trinh tuyết, đó là một vực thẳm, tuy nuốt tất cả mà không để lại một dấu vết của một cái gì Đó là Bản nhiên nguyên thuần (prakriti), không gì có thể chạm tới và chiếm đoạt được.

Nhưng chính ở chỗ ấy mà đồng trình lại là một mãnh lực quyến dũ Nó quyến dũ, vì nó là một trái cấm, và nó hứa hẹn nhiều khám phá Nó thu hút, vì nó là một vực thẳm bên chân Nó hút dương khí như một cái túi không đáy, vì nó là một khoảng âm cực bao la như trái đất.

Cho nên, sự trinh-tuyết của người đàn bà quả có một chức vụ tính dục. Cả sự e-thẹn nơi họ, nhằm bảo vệ trinh tuyết, cũng đầy sắc thái tính dục như thế, vì bảo vệ trinh tuyết, họ linh cảm thấy là bảo vệ mãnh lực quyến dũ và giá trị tính dục của mình.

Vị trinh nữ hay bản nhiên nói trên cũng tàng chứa nguồn gốc của sinh hóa và biến dịch. Chính vì nàng đồng trinh, nên dù sinh sản vô tận, mà khả năng và khuynh hướng sinh sản vẫn không chút tiêu hao, chiếc dạ con tuy sinh sản mà không bao giờ hé mở.

Xét theo đấy, thì chỉ có người mẹ đồng trinh mới là người mẹ lý tưởng, lòng đầy như biển cả không hề vơi. Ngược lại, chỉ có một tấm lòng mẹ bao la như biển cả mới bảo tồn được tính cách thuần nhiên, hay sự trong trắng tâm hồn của người đàn bà.

Cũng như khuynh hướng bảo vệ đồng trinh tình mẫu tử là một bản năng đầy sắc thái tính dục, và chung cho cả động vật vô tri. Người mẹ dù cho là mẹ cọp, cũng sẵn sàng chết để bảo vệ đứa con. Nhưng, để bảo vệ đứa con, họ lại sẵn sàng phạm trăm ngàn tội ác. Cho nên, mẹ yêu con không vì một người con trong lý tưởng, nhưng bởi người con đó là một sở hữu, một con riêng của mẹ. Phải người cha yêu con không tha thiết lắm, nhưng có thể thà để con chết chẳng thà thấy nó hư; còn mẹ thì «con hư tại mẹ, cháu hư tại bà», họ thà để đứa con hư hỏng chẳng thà mất nó, nhưng lại thà giết nó như mèo mẹ, chẳng thà thấy nó trở nên một sở hữu chung cho kẻ khác nữa.

Cố nhiên, chúng ta không chối cãi rằng nơi người đàn bà, sự yêu con cũng như yêu vẻ đẹp của đồng trinh đó là một tâm tình, nghĩa là một cái gì thiêng liêng rồi Nhưng để cho những tâm tình ấy mặc tính cách thiện lý một cách rõ hơn, cần phải có một cố gắng vượt bản năng bằng một thứ khổ hạnh tinh thần. Phải, chỉ có tập làm chủ tình cảm của mình, thì rồi người phụ nữ mới biết yêu con

thực sự, và mới thực sự đồng trinn. Khi ấy là lúc họ hướng về phía trời cac để hiệp nhất với Sakti ở chỗ mà Vị thuần âm thiêng liêng ấy cũng hướng về Siêu Việt trong ánh sáng thuần dương của ngài. Và khi ấy người đàn bà cũng trở thành tình nương đúng nghĩa. Đó là lúc họ nhìn chồng mình hơi Siêu việt. nghĩa là yêu chồng mình theo hình ảnh của người đàn ông lý tưởng : người anh hùng và đạo sỹ.

Tính dục ở bình diện suy tư.

Chúng ta không bàn tới chuyện nguyên tý âm dương có thực chi phối vũ trụ và có mặt ở địa hạt siêu hình hay không. Chúng ta chỉ chứng minh rằng nó chi phối hoàn toàn con người, chẳng những trên bình diện lâm lý, một bình diện đã có gì thiêng liêng và vượt trên vật chất, mà còn cả trên bình diện suy tư nữa.

Như ta biết, tiếng nói vừa biểu diễn ý tưởng thuần túy, vừa biểu diễn ý tưởng gần như đồng hóa với ảnh tượng cụ thể. Thế mà ở phần lớn các tiếng nói (langues),từ ngữ được phân ra theo giống đực và giống cái, cả đến từ ngữ về khoáng vật hay về những thực tại thuần trừu tượng. Ngay khi từ ngữ mang một giống trung hòa (neutre), nó cũng gián tếp tố cáo khuynh hướng suy tư theo đực cái, cái khuynh hướng nó khiến ta bất đắc dĩ phải đặt ra một giống trung hòa cho những gì ta không tìm thấy lý do để ghép vào trong hai giống đực và cái

Âm dương còn mặc nhiên xuất hiện trong cách suy tư bao giờ cũng được thúc đẩy để đặt ra những ý tưởng đối chọi nhau từng đôi một : trắng và đen trời với đất, đóng và mở, v.v. Những ý tưởng ấy đối diện nhau không phải một cách lạnh lẽo, nhưng đầy tính cách bi đát của sự đối chọi trong phân cực, nghĩa là tương phản nhau.

Và như thế, ý thức trong cường độ cố gắng của tâm trí, bao giờ cũng xuất hiện như một biện chứng pháp (dialectique) với đầy đủ đề, phản đề, và hợp đề trong viễn ảnh của nó, dù mặc nhiên. Biện chứng pháp này có thể nhấn mạnh về khía cạnh đối chọi như của Hegel, hay khía cạnh tương hợp như của thuyết âm dương. Và đó cũng biểu dương sự đối lập giữa hai khuynh hướng Tây và Đông: Tây thiên về đối chọi, nên gay cấn, hăng say và hoạt động ; Đông thiên về tổng hợp, nên hòa dịu và đề cao an dự.

Các tư tưởng gia, dù có để đạt ra một hình thức biện chứng pháp nào như Hegel hay không, thì cũng luôn luôn suy tư theo biện chứng pháp. Bên trời Tây, duy nguyên tử phái đối lập cái đầy với cái rỗng, Anaxagoras đối lập vật chất và tâm trí, Aristote đối lập chất và mô, hiển và tiềm, Platon đối lập sự vật và lý tưởng, Descartes đối lập vật thể và tinh thần, trương độ và tư tưởng, Spinoza đối lập bản nhiên chủ tác và bản nhiên thụ tác, Leibnitz đối lập khả hữu với thực hữu, Kant đối lập bản thể và hiện tượng, Hegel đối lập hữu và vô hữu, ý tưởng và thực tính, Husserl đối lập thực và lý, hữu và dịch, thân và tha, hữu hạn và vô hạn, riêng các nhà lý học hiện nay đối lập vật chất với năng lượng, sóng với vi-thể v.v...

Còn bên Đông phương chúng ta, Lão tử đối lập hữu danh với vô danh, Bà la môn giáo đối lập thần với nhân, để rồi nối kết hai bên lại bằng hiến tế, Vedân ta đối lập luân hồi và giải thoát, ngã và vô ngã, vĩnh cửu và biến dịch, Đức

Phật đối lập trục xe với nan xe, luân hồi với Niết bàn, Tantra đối lập Tối-thiện và Tối-ác, Sâmkhya đối lập Tinh thần (purusa) với Bản nhiên (pradhâna), v.v.

Đối lập, minh nhiên hay mặc nhiên, chỉ là khởi đầu cho một cố gắng tổng hợp và hòa giải. Vậy Hegel đã vượt qua đối lập ý tưởng — Thực tại bằng ý niệm Tinh thần, cũng như Râmânuja đã đưa vật chất lại gần với tinh thần bằng ý niệm thân thể vô chất.

Như thế, xem hình như không có gì trong con người thoát khỏi sự chi phối của tính dục. Sự chi phối này đã vượt xa hơn bình diện sinh lý, và càng không thể quy về tham dục. Do đó, con người tuy không thoát ra ngoài sự chi phối của tính dục được, nhưng con người có thể sống đầy đủ tính dục ở một địa hạt không phải là sinh dục nữa, vì dù sao, tham dục cũng chỉ là một trong những hình thức phát hiện của tính dục mà thôi.

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

Kỳ tới : **Tính dục và tình yêu**

upaniṣad
kālī
gītā
Pārvatī
puruṣa
hay
pūruṣa

prakṛti
rūpinī
śakti
sāṃkhya
Śiva

PHIÊN ÂM ĐÚNG

Những chữ chưa phiên âm đúng trong bài

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Kỳ thị địa phương

Thủ tướng rồi Tổng thống Diệm, xuất thân từ hàng ngũ quan lại, tưởng đám quần chúng di cư đồng tôn giáo đã mang đến Miền - nam đủ sự thực để bắt người khác phải theo rồi. Chính quyền tuyên truyền ồ ạt về thành quả di cư như là chiến thắng chính trị — không phải chỉ ở riêng Việt-nam mà là chiến thắng chính trị đầu tiên của cả thế giới tự do trên chủ nghĩa Cộng-sản vốn được coi là độc chiếm về công cuộc vận động quần chúng. Sự thổi phồng quá đáng này tạo cho đám người còn lông bông chật vật hôm qua, nay trở thành một thứ *kiêu dân* vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính quyền. Chính quyền về sau giật mình muốn lấy lại một ít quyền bính nơi các vị lãnh đạo tinh thần — mà thực ra là nắm quyền thế tục, thì vấp phải phản ứng mạnh mẽ của họ. Chiến tranh, phát động lại, càng nâng cao thế lực của tập thể chống cộng này. Sự đề cao và vuốt ve ưu đãi đã tạo cho một số người di cư năm 1954, có hành động lấn át dân địa phương một cách thản nhiên. Dân quê lục tỉnh hồi đó đã từng thấy cảnh những người «trọ trẹ» hùng hồ xưng «chúng ông» nhảy ùa xuống ao bắt cá, vác rựa đẵn tre, không cần biết chủ là ai hết.

Người ta tưởng chữ Nam kỳ, Bắc kỳ là đầu mối gây nên chia rẽ bởi quá khứ dính dáng tới chính sách «chia để trị» của người Pháp. Thực ra chữ «kỳ» với nghĩa là «đất» có từ thời Thịnh Nguyễn để chỉ 5 vùng đất của nước Việt : Bắc kỳ, Nam kỳ, Trả kỳ, Hữu kỳ kẹp lấy Kinh kỳ ở giữa ! Gán cho *chữ* có *nghĩa* phân ly, người ta cải danh gọi Bắc Việt Nam Việt, rồi Bắc phần, Nam phần rồi mới thấy sự việc không đi tới đâu.

Củng cố chính quyền xong, nhà Ngô tưởng có thể gỡ lần lại những lầm lạc của mình để thu hút quần chúng Miền Nam gần mình hơn. Họ đưa một ông Đốc phủ sứ lên địa vị Phó Tổng-thống, một người dòng dõi Trương-Vĩnh-Ký lên làm Chủ tịch Quốc hội, chiếm địa vị số 2, số 3 của nước Việt-Nam Cộng hòa. Nhưng không nhằm gì họ Ngô đã sửa sai sai lầm vì cứ tưởng dân chúng là một số thế gia vọng tộc, vốn gần như không dính líu gì với dân chúng, mà họ còn không lường được những biến cố hồi 1954 - 56 đã ảnh hưởng sâu xa đến chừng nào trên vùng đất họ cầm quyền.

Thắng lợi chính trị lôi cuốn theo những

ưu thế về quyền lợi — quyền và tiền. Thái độ bất động đưa tới những thua thiệt khác. Chiến tranh bắt đầu năm 1945 ở miền Nam nhưng chiến trường chính lại ở Miền Bắc vì địa thế tiếp cận Đại-lục, thuận tiện cho bộ phận đầu não nơi này có hậu phương rộng lớn để chống đối lại. Phí tổn chiến tranh phần lớn đổ nhiều vào Miền Bắc lại lọt qua tay những nhà mại bản trong vùng, để khi đất nước chia cắt họ đem tài sản khổng lồ vào miền Nam áp đảo giới kinh doanh ở đây. Trong lúc đó, chúng ta biết những nhà giàu Miền Nam đã bán bớt tài sản của mình, mua vàng lót tay cả vali cho con cái tập kết ! Cho nên cả ưu thế kinh-tế cũng về tay người di-cư sau năm 1954 !

Thực ra cũng không nên quên sự cần cù, tháo vát, kiệt lực mưu sinh của những người di cư nghèo khó đã đem lại đời sống sung túc cho họ. Có thể lấy ví dụ ở một nhóm di cư khác ít được chú ý hơn để làm bằng cớ về kết quả lao tác tốt đẹp của họ trong hoàn cảnh tha phương cầu thực, giữa đám dân địa phương có nếp sống sắp sẵn rồi, không thấy duyên cớ gì phải cố gắng hơn. Một người dân Cầu Đá đứng trên bờ nhìn qua bên kia bến nước, chỗ xóm nhà ngói khang trang bên sườn núi nhô ra ngoài biển mà trả lời cho người khách lạ tò mò : "Ông thấy không, họ làm ăn khá lắm. Xóm đó là xóm Bảy Miêu. Hồi trước kia chỉ vài cái nhà ngói, lơ thơ ít người ở. Bây giờ họ cất nhà đầy bên đó. Mấy chiếc ghe đò ông thấy sắp xả máy chạy về bến là của riêng họ Họ, những người di cư đó mà. Dân Bình Định, Phúc Yên. Họ chịu khó làm ăn lắm, dân mình không tranh lại đâu. Họ bắt từng con cá nhỏ làm mắm để dành ăn, không sót con nào. Cá lớn để bán, không dám đụng đũa vô. Ông qua bên đó mà coi, nhà nào cũng có thùng mắm Hôi lắm. Mà ai cũng giàu hết".

Cuộc tổng-tuyển cử dự định năm 1956 qua đi, nhưng nhu cầu thống nhất vẫn tiềm tàng trong người Việt nên có ảnh hưởng đến sự sắp xếp vai trò của những người di cư trên cả hai vùng. Chúng ta thấy phía bắc vĩ tuyến 17 tuy cố nắm giữ chủ động trong đòi hỏi thống nhất nhưng rõ ràng là những đòi hỏi tổ chức xã hội mới cùng với những khó khăn nảy sinh (rối loạn của công cuộc cải cách ruộng đất, đòi hỏi tự do của đám thị-dân có căn bản tranh đấu từ khi về thành) đã thu hút hết mọi chăm chú của người dân lên phần đất mà họ đang sống. Ngỡ ngàng, lạc lõng vì chỉ chuẩn bị sống tạm bợ là những người tập kết. (Có những người trẻ tuổi không tham dự mấy vào kháng chiến, nhưng phút cuối cùng cũng lấy vẻ hăng hái xuống tàu Ba-lan, vì nhân dịp "2 năm chờ đợi thống nhất, đi cho biết Hà-nội một chuyến» !) Đó là lực lượng dự-phóng cho ý định thống nhất trên đất Bắc. Cho nên, ta thấy những khuôn mặt chính trị nổi bật ở Miền Bắc là những nhân vật tập kết — gốc Nam vĩ-tuyến 17, hay đã lãnh đạo phong trào ở đấy : Nguyễn duy Trinh, Phạm văn Đồng, Ung văn Khiêm, Mai văn Bộ, Lê Duẩn...

Ở miền Nam, như ta đã biết, nhu cầu lập lại quân bình chính trị kháng cộng đặt người di cư len lỏi vào khắp cấp bực quyền hành. Một ông linh-mục cũng nắm được quyền sinh sát tận mũi Cà mâu. Người cán bộ tuyên truyền nói tiếng Bắc đến tận xóm làng hẻo lánh bắc loa tố cộng. Một nền văn chương tố-cộng

đã đem vinh dự lại cho một số nhà văn...

Nhưng khả năng điều hành xã hội của những người cầm quyền ở Miền-Nam thật là có giới hạn trước những rối loạn gây ra hoặc từ phía đối phương, hoặc từ sự bất lực của chính họ. Thành thử sự hiện diện của những người Bắc ở đây đáng lẽ là một yếu tố tích cực cho nhiều hướng thống nhất, rốt lại chỉ là thêm bằng chứng về sự thua kém của phía người quốc gia mà thôi. Không chịu tổng tuyển cử, lấy lý do bên kia độc tài mà không chịu coi mình có trách nhiệm với dân chúng của cả phần đất bên kia để đòi hỏi và tìm cách cải biến chế độ bên kia cho hợp với ý nguyện dân chủ muốn tiến tới. Sự thực thì, như đã nói, chính quyền Diệm không đủ khả năng và rảnh rang để đòi hỏi được như vậy. Kết quả tiêu cực hiển hiện trên hình trạng văn nghệ. Văn nghệ trình diễn cải lương miền Nam bị ngăn cấm nói bất cứ chút gì dính dáng đến giải phóng dân tộc, tình trạng tệ hại xã hội. đành đem tuồng La-mã, Nhựt-bổn, tuồng chiến tranh để lấy màu sắc khích động khán giả. Văn chương trốn nấp trong những phân tích tâm lý, chẻ sợi tóc làm tư. Văn chương và nhạc khúc của những người di cư, gần như độc chiếm sinh hoạt văn nghệ ở miền Nam, thì đầy những nuối tiếc về một quê hương đủ vẻ tươi đẹp, dịu dàng nay đã mất không còn mong gì gặp lại được. Đối với những người sản xuất có ý thức, một hình trạng văn nghệ như vậy là một thú nhận bất lực. Thực ra ban đầu những nỗi luyến nhớ, than tiếc ấy quảng bá trên làn sóng điện, tràn lan trên giấy trắng, cũng có tác dụng tích cực tô xấu chế độ bên kia như một chế độ hà khắc, khiến dân chúng phải tìm đường trốn lánh. Nhưng mãi mãi, thời gian qua để cho anh chàng làm văn nghệ, ngày di cư còn bận quần hồng đít mà bây giờ vẫn kể chuyện nhớ Hồ Gươm, con đường Cổ Ngư... thì câu chuyện lại trở thành khôi hài. Và là một điều phỉ báng nữa. Các cậu bé từ Miền Đông xuống, Miền Tây lên, từ các ngõ hẽm Saigon lớn dậy, ngơ ngác nghe đài phát thanh rên rỉ những âm giọng *không giống mình*, đọc văn chương phô bày những sinh hoạt của một vùng họ không tưởng tượng tới nổi, với một tình cảm mê luyến thiết tha họ không cảm thấy được. Hình ảnh xứ sở họ lớn lên, cảm thấy yêu mến thực sự với những vẻ đẹp, điều xấu họ biết được, lại không thấy nhắc tới. Xứ sở đó đang nuôi dưỡng, che chở những giọng rên rỉ kia, xứ sở đó như không có mặt ở đây, bây giờ. «Đất này có gì bạc đãi các anh mà các anh cứ một mực chối bỏ, lãnh đạm, dè bỉu để mơ về một vùng khốn khổ đã xua đuổi các anh ?»

Được dịp tung hoành khắp các lãnh vực, dân di-cư có lúc cũng chợt thấy mình hiện diện đơn độc. Thế là phải tìm một anh địa-phương lôi vô, hoặc cho đóng trò phụ, hoặc làm bình phong cho mình đạo diễn.

Dằng dai qua năm tháng, thế hợp tác chưa thành thì chiến tranh lại nổ bùng đem thêm sự cách biệt trầm trọng. Phải thấy có một ít cố gắng về phía một số người quốc gia đã làm cho cuộc chiến lần thứ hai này mang một tính chất khác với cuộc chiến lần thứ nhất Họ cố tách rời Cộng sản và Kháng chiến để

giành lấy quần chúng. Nhưng có sự tiếp nối quá rõ rệt nơi bản chất kẻ cầm quyền và tầng lớp thừa hành của Đệ I Cộng-hòa với chế độ Bảo-đại khiến cho cuộc chiến mang thêm tính chất xã-hội, làm suy sụp chính phủ trung ương và mời gọi quân đội ngoại quốc đến để tình trạng quốc gia lại mang sắc thái cũ.

Chính quyền Diệm bắt chước «tố khổ» đưa phong trào «tố cộng» ra đời mà không lưu ý rằng Việt-cộng chỉ tố khổ sau khi họ đã nắm chắc dân chúng trên 7.8 năm trời, và họ «tố khổ» để tạo ra một tầng lớp cán bộ trung kiên mới thay thế lớp cán bộ cũ, phần nhiều là tiểu-tư-sản thành thị, con cháu địa-chủ, có thể vẫn còn làm việc được, nhưng đã thấm mệt nhiều. Thế mà dù đường lối chính sách có đúng (với họ) và thành công, họ vẫn phải cho lệnh ngưng ở một vài nơi để dân chúng bớt hoang mang. Còn phong trào «tố cộng» chỉ mang ý nghĩa chỉ điểm, không kèm theo một chính sách rõ rệt hấp dẫn nông dân, thành vô tình như một cuộc trả thù, xua đuổi những người cựu kháng chiến — kể cả địa chủ — chạy tuốt ra bưng. Rối loạn rõ rệt, sâu rộng ban đầu là ở đồng bằng Cửu-long, vì tiếp nối với cuộc kháng cự của quần chúng giáo phái. Tình trạng ung thối ở thôn quê dẫn đến sự cô lập của thành thị như hồi những năm 1945-51, ảnh hưởng đến ý thức của đám cầm quyền ở đấy. Nhóm di cư không được dịp — dù là tình cờ — tiếp xúc với dân chúng thôn quê để đi vào thực tế Miền nam, mà mở rộng nhãn giới của những ngày thu hẹp cũ (Cho đến đám người định cư ở nông thôn cũng sống như những ốc đảo giữa dân chúng địa phương vì nguồn tiếp tế của họ là từ ngoại quốc, liên lạc qua thành thị). Chiến tranh nổi loạn đe dọa đến quyền lợi và sinh mạng họ khiến họ càng cứng rắn hơn và chính quyền cùng lực lượng tiếp trợ vẫn coi họ là thành phần trung kiên của chế độ. Hố cách biệt đào sâu hơn.

Nhưng sự yên tĩnh lâu dài của thành phố cũng tạo dịp cho đám thị dân địa phương củng cố lực lượng. Nhất là khi chế độ, muốn bù đắp lại những thiệt thòi của dân chúng thôn quê, đã dồn những quyền lợi đáng lẽ dân quê được hưởng vào cho dân chúng địa phương ở thành phố nơi vùng họ kiểm soát. Bản chất quan lại, trưởng giả của chế độ chỉ bao gồm được giai cấp «đốc phủ sứ»— danh từ vẫn được dùng để gọi tầng lớp phú hào địa phương. Cũng nên kể thêm, với sự thăng tiến xã hội khá tự nhiên, một số đông ở các thành phần khác thấp kém hơn lần lượt chen được vào các cấp cầm quyền.

Sự sụp đổ của nhà Ngô đánh dấu một hình thức cầm quyền đã trôi qua. Những người cầm quyền cũ đã chứng tỏ bất lực, càng rõ rệt hơn qua những cố gắng đổi thay bạo động 1960, 1962. Cuộc đảo chính 1963 đưa lực lượng quân đội lên cầm quyền với các tướng lãnh miền Nam làm bình phong, những người không hề chuẩn bị nắm chính quyền và làm chính trị. Chính phủ «chuyên viên» Nguyễn Ngọc Thơ, quan niệm về chính trị của tướng Dương Văn Minh và trò đùa hí lộng quyền bính của tướng Nguyễn Khánh chứng tỏ sự lúng túng vụng về của những người được đào tạo làm kẻ thừa hành mà nay thời cuộc lại đưa

đẩy lên nắm quyền điều khiển. Tuy nhiên, sự hiện diện của họ cũng gây được sắc thái mới trong hành phần chính quyền các cấp và tâm lý dân chúng địa phương. Mâu thuẫn tôn giáo cũng là dịp để ý thức ấy bộc lộ. Phe Phật giáo thành công cố tìm cách hãm cái đà phản kháng độc bá tôn giáo mà họ không kiểm soát được. Nhưng sự việc vẫn xảy ra và lồng trong sự chống đối công giáo — đám dân di cư 1954 ấy, có sự chống đối di cư.

Cuộc thí nghiệm vụng dại làm suy đồi thêm cuộc chiến Chiến tranh càng lan rộng và khốc liệt Tính chất quyền bính cũng biến cả cho hợp với tình thế quyết liệt. Lá cờ Phật-giáo không xài tới nữa — chúng ta hiểu rõ một lý do của những biến động miền Trung — nhưng người ta vẫn sử dụng những người có thể khoác áo Phật tử để có chút mầu sắc 1963. Tính chất chủ chiến phải đủ rõ để người công giáo an tâm.

Chúng ta hiểu rõ nỗi hậm hực của những người trẻ địa phương. Bị chẹn mất con đường chính trị họ xoay qua những tập hợp, hoạt động văn hóa. Chúng ta hiểu rõ điều này khi tình thế cho phép họ giải bày tư tưởng chính trị một thứ tư tưởng bất lợi cho chính quyền. Tạp chí *Đồng nai văn tập* (chúng ta chú ý đến cái tên đầy tính chất địa phương) bị đóng cửa và chính quyền cho ta biết lý do : những người chủ trương khi xin phép ra báo đã cam đoan «chỉ đề cập tới vấn đề tư tưởng văn hóa» mà nay lại nói chuyện chính trị !

Thực ra cho đến nay, trên lãnh vực báo chí hằng ngày, mọi tập trung và hướng dẫn dư luận đó, chúng ta vẫn thấy có sự phân biệt Nam Bắc từ quan điểm chính trị, bản sắc văn chương, cho đến lời hoạt kê, trào phúng. Tất nhiên phải hiểu với một chút uyển chuyển : trang feuilleton phải có lẫn lộn Bà Tùng Long, Bình Nguyên Lộc với Thanh Nam, Mai Thảo... Nhưng người, dù không tinh ý, vẫn thấy được người xứ nào đã viết «chứ bộ», «số rách», nham nhỡ», chớ không phải «chớ bộ», «số đách», «nham nhở» v.v... Trên cái quang-phổ báo chí Saigon, người ta vẫn biết rõ ở 2 đầu mút có gì: Thời Sự Miền Nam, Tiếng Nói Dân Tộc, Tin Sáng.. , Hội ký giả Nam Việt, Hội chủ nhiệm Báo chí Việt Nam (mới thành lập) hay Sống, Tiếng Vang, Hòa Bình..., Hội ký giả Việt Nam, Hội Chủ báo Việt Nam (cũ).

Tình trạng đó bắt đầu từ 1954. Ngôn Luận, Tự Do .. đối với Saigon Mới, Tiếng Chuông .. Báo di cư mạnh dạn nói chuyện chính trị, chống cộng báo địa phương nói chuyện ba xi-đô và văn chương mùi mẫn. Tạ nói không nên lấy làm lạ ở điều đó Muốn sống được, sống lâu 9,10 năm trong một khung cảnh chính trị bấp bênh, khỏi mắc cái vạ của Phương Đông, Thần Chung... thì hoặc nói chuyện chính trị của chính quyền hoặc bà chuyện xi căn-đan đào kép. Cho nên, ta thấy áp lực «chống cộng» của tờ Ngôn-Luận nắm vào Hồ Hữu Tường chẳng han, khiến người chính khách quá khôn ngoan này, khi trở lại tự do, đã phải chuẩn bị trước lại chính trị cho mình — và để thoát cái án tử hình còn treo — bằng những lời biện-hộ rần rộ. Người ta được dịp mỉa mai chuyện «khỉ Cà mâu», giải thưởng văn chương truyện ngắn (của Tiếng Chuông)... mà không để ý đến nỗi đau lòng của người địa phương. Thành ung hễ được dịp là bùng ra. Người địa phương lui bước ở Saigon, quay về miền Tây như căn cứ cuối cùng (tờ «Tiếng gọi Miền Tây» yểu

mệnh nhưng cũng đủ cho người ta thấy sự phản kháng mạnh mẽ, gay gắt và hơn nữa, hằn học.

Áp lực ồ ạt đó cũng đem lại một thành công : Đại-học Cần Thơ được thành lập. Tình hình chiến tranh mới chuyển trọng tâm về Miền Trung. Quân Đồng-minh ồ ạt vào đối phó với quân hồi kết rồi quân Bắc Việt chính cống. Vị trí rừng núi mênh mông và tiếp cận với đường đồ quân từ Bắc khiến nơi này thuận lợi cho quân du kích. Những cuộc khủng hoảng chính quyền ở Saigon làm trầm trệ thêm tình hình ung thối ở các tỉnh xa, cách trở. Chiến tranh ở Duyên hải, Cao nguyên thực sự khoác tính chất chính quy. Tiền bạc đổ vào đó, thế giới chăm chú vào đó, những vuốt ve chính trị được dành cho ngoài đó.

Thảm họa khốc liệt của chiến tranh — nhất là ở thôn quê—gây khích động mạnh nhất đối với người địa phương vì những mối liên lạc máu mủ, kinh tế, kiến thức với làng xóm chịu đựng tàn phá. Chúng ta thấy rõ ảnh hưởng đó trong sự phân ly của Phật giáo về nhận định hòa bình, chiến tranh của 2 phái Trí Quang và Tâm Châu. Áp lực hòa bình của thế giới từ Mỹ ảnh hưởng mạnh vào Việt-Nam qua cuộc bầu cử Tổng thống 1967. Áp lực địa phương và chiều hướng chiến tranh dùng dằng khiến Thiếu tướng Nguyễn-Cao-Kỳ ngậm ngùi hi sinh mộng làm nguyên thủ. Ông Phan khắc Sửu và nhất là ông Trần văn Hương đã được một sự ủng hộ nồng nhiệt nhất là sự ủng hộ của những người trẻ Miền Nam. Nhưng những người này lại thất vọng lần nữa vì lãnh tụ *bất chợt* của họ không được chuẩn bị làm chính trị. Nhất là thứ chính trị vận động quần chúng của thời đại này. Sự thành công của liên danh Du-Chiêu chứng tỏ điều đó.

Cứ nghĩ rằng luật sư Du là một vật trắc nghiệm của Robert Kennedy cho cuộc tuyển cử Tổng Thống Mỹ 1968. Cứ nghĩ rằng Việt-Cộng đã xúi dân chúng bỏ phiếu cho một ứng cử viên «hòa bình» (theo quan niệm của họ). Nhưng những

Sách của nhà xuất bản An-Tiêm :

- **SA MẠC PHÁT TIẾT** (*thơ*)
  của Bùi Giáng 240 trang, giá 180 đ.
- **NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC TÍNH KHÔNG**
  biên khảo của Sơn-Nam 116 trang, giá 90 đ.
- **TÂM TÌNH HIẾN DÂNG** (*The Gardener*)
  của Tagore ; bản dịch của Đỗ-Khánh-Quang-108 trang, giá 90đ.
- **HỒI KÝ VIẾT DƯỚI HẦM**
  của Dostoeivsky, bản dịch của Thạch ; 80 trang, giá 180 đ.
- **BẾP LỬA**
  của Thanh-Tâm-Tuyền 128 trang, giá 80 đ.
- **CÁI CHUỒNG KHỈ**
  truyện ngắn của Nguyễn-Đức-Sơn 136 trang, giá 80 đ.

sách đo nhà An-Tiêm xuất bản, tự phát hành lấy, các hiệu sách ở xa muốn mua xin liên lạc với nhà Lá-Bối 120, Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn.

sự đó không thay đổi gì hết về ao ước thực sự của dân chúng bày tỏ trong sự thất bại thảm hại của liên-danh chủ chiến Lý quốc Sỉnh — Hoàng cơ Bình, bo bo giữ lấy những ý kiến của thời di cư cũ đã bị thời gian và thực tế vượt qua từ lâu.

Liên danh 9 đã đắc cử như mọi người có thể dự đoán được. Người thứ 3 trong guồng máy Hành pháp đệ nhị Cộng hòa có tiêu chuẩn sẵn rồi : « Vị Thủ-tướng phải là người Nam, Phật giáo, dân sự .. » nếu có chút hơi hướng với kháng chiến cũ thì càng đẹp đẽ hơn : nhà thơ Sơn Khanh Nguyễn văn Lộc thật thích hợp với vị Phó Tổng Thống chịu chơi và đúng người để Tổng Thống lựa chọn, trả ơn cho người chịu hy sinh để đứng chung liên danh với mình. Nhưng một Nguyễn văn Lộc hay Trần văn Hương nào có việc gì phải làm và có thể làm được trong những biến chuyển ngoài tầm tay họ ? Chỉ còn lại tiêu chuẩn chọn lựa, như một đoạn nhạc cho đủ khúc : «Thủ tướng phải là người Nam... »

Điệp khúc này đáng lẽ phải trồi từ lâu, khi đối phương dàn ra toàn là những người địa phương để trình diện. Nhưng, như ta đã phân tích, tình thế không kịp để có những khuôn mặt người ta muốn tìm kiếm. Người Mỹ còn chưa dám tin, nhưng nhóm Sống tưởng đã góp phần vào việc phát kiến «người Miền Nam» sau khi đọc những bài văn có tác dụng thanh minh của ông Hồ hữu Tường, để đi đến quyết định đưa ông vào Hạ viện. Cuộc vận động thật kỳ quái nhưng đã đạt được kết quả vì nhắm khai thác cái huyền hoại dày 30 năm về ông này. Người ta đã nghe nói nhiều về một lý-thuyết-gia đệ tứ, bạn của đám Thâu-Hùm - Thạch, chết sạch từ lâu — càng tăng giá trị cho người sống sót. Người ta đã được đọc sách của con người xuất thân từ ngành khoa-học, theo một chủ-nghĩa xã-hội khoa học mà viết sách như là sách Tàu «muốn biết thế nào xin xem hồi sau sẽ rõ...» và nói toàn chuyện dự tri, giả tưởng nhuốm màu thần thuyết. Người ta cũng có dịp đọc được những lời của người-từ-cõi-chết-về viết ra. Nhưng nếu để cho con người đó mà nhảy ra ứng cử trong một cuộc tuyển cử bị-chê-trách trước, trong một xã-hội rối loạn, bị khinh thường, thì huyền-thoại kia sẽ biến mất. Cái trò «hô,ứng» của Chu Tử đem vào, Hồ hữu Tường ngúng nguẩy làm điệu, dợm bước chân ra, cứ tưởng chỉ là nghề của bà mối xưa, không ngờ lại là một chiến thuật đắc dụng để vào nghị trường.

Vụ tranh chấp, xung đột Nam Bắc quanh cá nhân ông Trần văn Hương còn mới quá nên chưa đủ tiết lộ để phán đoán được. Nên lưu ý rằng «cựu thù» đã có từ 1965 và khi được thay thế Nguyễn văn Lộc, ông đã phải thanh minh về dư luận gán cho ông tính chất kỳ thị Sự thực, điều đó nếu có cũng không lạ. Đã nói, các lãnh tụ quốc gia vốn chỉ kết hợp người trong khuôn khổ của nghề nghiệp, địa phương, tôn giáo, nên khi có quyền thì chỉ có thể tin cậy ở những người trong giới hạn đó mà thôi. Một ông tướng không quân cầm mối nước thì Công-an cũng không quân, chễ át tiếng thiên hạ (đài phát thanh) cũng không quân, ải địa đầu cũng không quân. Và ông Hương lên, nếu có thay người then chốt, rồi sự thay đó gây ra phản ứng dây chuyền để người mất quyền lợi la lối, thì cũng là chuyện dĩ nhiên.

Đáng lấy làm lạ là bộ tam đầu chế Hành pháp chia đều chân vạc ! Chắc phải vững bền lắm, tại sao lại rã ra để có sự

la lối ồn ào như vậy ? Câu trả lời hình như ở tận Balê.

Đánh nhau mãi trong rừng, chết nhiều mà ai cũng ráng nói ít, người ta tưởng có thể mua được chiến thắng trên bàn hội v i giá rẻ hơn Việt cộng tính rằng lối bàn bạc công khai có thể lợi cho họ về mặt tuyên truyền bằng cách gây áp lực quần chúng quốc tế. Kết quả của cuộc vận động tâm lý đó cũng khá rõ : Không quân Mỹ ngưng oanh tạc miền Bắc, đảng Dân Chủ Mỹ mất ghế Tổng thống. Nhưng người Mỹ không phải là con hổ giấy như Cộng sản vẫn thường rêu rao, để họ cứ cho một mồi lửa là xong. Mức độ phát triển kỹ thuật nguyên tử của Mỹ đã cho phép họ coi Thái bình dương là Biển Mỹ rồi. Con sư tử Trung-hoa vừa thức dậy, nhú nanh nguyên tử, chận được họ ở lục địa, nhưng họ vẫn còn đủ sức tung hoành ngoài biển cả, ở các bán đảo nhỏ ra biển : họ bám vững được ở Đại Hàn, thắng ở Nam Dương và đang đặt chân lên Việt-Nam, Thái Lan Tính chất dân chủ tư sản của chế độ đã i nghị khiến họ phải làm việc theo những khối áp lực. Cho nên, dưới sự thúc đẩy của các nhóm chủ hòa ở quốc nội, họ phải mở hội nghị Ba-lê để giải tỏa bớt những khó khăn mà vẫn hi-vọng đạt được chiến thắng theo đòi hỏi của tư bản quân sự. Những đòi hỏi quá đáng — ta gọi là *chủ bại*, — của những người trước kia cầm quyền, nay không còn trách nhiệm, không bị ràng buộc nữa, đủ chứng tỏ chủ trương trên : người ta hiểu hai con người trong mỗi một H mphrey, Clifford, Harriman, Vance Nay mai, nếu Nixon, Laird, Roger, Lodge... ra đi mà vấn đề còn nguyên thì cũng vậy thôi).

Là việc theo khối áp lực, theo thực tế, người ta không lấy làm lạ khi người Mỹ thay đổi. Trong hiện tại, ta thấy họ tìm ra chiến thuật phối hợp bàn hội và chiến trường. Họ lợi dụng được sự hòa hoãn của dân chúng dành cho chính quyền mới để tránh những nhượng bộ quá gắt gao mà đối phương đòi hỏi Họ lại nhử chuyện rút quân, giải pháp chính trị để bó tay đối phương. Việt Cộng không phải không lúng túng : Bắc Việt không chịu nhận có quân ở Miền Nam và chỉ nói chuyện với Mỹ thì Mỹ vận động tuyên truyền với thế giới về xuống thang chiến tranh, mặt trận không thể khuấy động du kích khắp nơi được. Không nhờ du kích khuấy động thì các toán quân chính quy không thể ở trong nội địa mà phải kéo ra vùng biên giới để khỏi bị tiêu diệt quy mô bởi B. 52, phi pháo. Không có quân chính quy, du kích thiếu vùng ảnh hưởng để hoạt động phải chịu ép mình ẩn trốn để rồi hoặc chán nản dễ quyến rũ bởi triển vọng hòa bình mà ra hồi chánh, hoặc bị chương trình Xây Dựng Nông Thôn, Phượng Hoàng lùng diệt. Cả chiến lược du kích chiến của Võ Nguyên Giáp đang bị khủng hoảng, thử thách vì chính ngón đòn hòa bình của họ.

An ninh tương đối của thời xuống thang giả tạo khiến cho người Mỹ tưởng được dịp xây dựng cơ cấu chính trị ở Miền Nam. Họ cũng dùng ngón đòn của Cộng sản : tranh đấu cho quyền dân tộc tự quyết. Chỉ hơi đổi một chút : cả 2 phe đều muốn nó tới một thứ dân tộc Nam Việt Nam (?) và đều giành thứ dân tộc ấy về phe mình. Dựa trên cái thế đó, người Mỹ phải lo củng cố Chính phủ Saigòn. Họ hi vọng sự rút lui từ từ và những lời tuyên truyền về cuộc rút quân ấy của họ khiến khơi dậy bản căng tự tồn ở người quốc gia để họ kết hợp lại, hăng hái hơn. Như đã nói, họ lại có thể bó tay Việt Cộng

một ít để rảnh tay cho chính phủ quốc gia tiêu diệt Cộng sản. Về phía Mỹ quốc, họ mong muốn hạ áp lực chủ hòa xuống để đám Tướng lãnh ở mặt trận ít bị ràng buộc hơn. Họ muốn thi đua cù cưa với Việt cộng, tin rằng bộ máy kỹ nghệ chiến tranh khổng lồ của họ có thể đè bẹp các bộ xương sườn ốm đói nếu họ thuyết phục được dân chúng họ biết kiên nhẫn. Chúng ta biết rõ dự tính đó khi thấy chiến trường Lào bỗng sôi động sát đường mòn Hồ Chí Minh và những lời tuyên bố rửa mặt cho địch thủ : «Chiến tranh sẽ tự tắt dần, không ai thua ai thắng ! » Chiến tranh nổi loạn mà tự tắt dần thì hẳn không phải phe nổi loạn thắng !

Nhưng muốn nói đến sự đổi thay không khí chính trị, thông thường người ta nói sự đổi thay Nội các. Việt Cộng vẫn đòi thay Chính phủ Saigòn như một điều kiện để cho hòa đàm Ba-lê khỏi đứng ì một chỗ. Không thể thay tất cả, hay những thành phần có liên quan đến căn bản của Hiến Pháp -- vì như thế tức là chấp nhận điều kiện của đối phương—mà không thay thì thế giới nóng ruột có hại cho chiến thuật dằng dai đang có vẻ hiệu nghiệm. Thế là Thủ-tướng Trần văn Hương bị hi sinh.

Đang giả vờ lảng ra bên ngoài để khỏi mang tiếng xen vào nội bộ nước bạn, người Mỹ phải vội vã nhảy vào vì khủng hoảng dằng dai quá sẽ gây nguy hiểm chung Ngón đòn thông thường mà mãi mãi vẫn hiệu nghiệm của hình thái kinh tế viện trợ được tung ra. Chính phủ Hương không tiền trả lương lính, công chức, không ngoại tệ nhập cảng vật dụng : thiếu đường, cấm làm bánh Trung Thu ông Thủ-tướng đã bị đem làm trò hề trước khi lời đả kích của một địch thủ đánh thẳng vào tự ái nhà giáo của ông, khiến ông không gượng dậy để dắt dẫn các ủng hộ viên của ông được nữa.

Cuộc tranh chấp đã kéo dài tới 15 năm Và chắc còn nữa. Có những lý do xấu hổ, đạo đức giả, khiến người ta không dám bàn đến. Có những lý do quyền lợi liên kết khiến người ta gạt đi. Nhưng nó vẫn xảy ra. Chính những ràng buộc chính trị thời đại vào sự việc đã làm trầm trọng thêm một sự kiện vốn là tự nhiên. Mà đã là tự nhiên, người ta có thể quấy động nó lên được thì người ta cũng có thể xóa mờ được. Xung đột vì quyền lợi thì phải thanh toán bất công Xung đột vì ý thức tự kỷ chật hẹp thì phải đem hoàn cảnh mới mở rộng nhãn giới ra .,

Thường thường, một ý thức kết tập rộng rãi, mang nhiều nhân tính có thể hấp dẫn người ta phá bỏ những ràng buộc địa phương « tứ hải giai huynh đệ » là ước muốn từ lâu. Người Mác-xít lý tưởng cũng mong ở tính chất quốc tế của giai cấp để phá bỏ biên giới. Người Công-giáo Nam hay Bắc gì cũng không

NEUROTONIC
Viên thuốc hồng -- Có sinh tố C - Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

thích Cộng sản — khác nhau ít hay nhiều mà thôi. Thượng tọa Thích Tâm Châu vướng mình trong tranh chấp tiềm tàng cũng tưởng tìm ra được lối thoát : «Người Phật-tử không có Nam, Bắc...» Nghe thật như lời vị sư Thiếu-lâm mắng Tạ Tốn : «Ngươi ngu quá, «Không» là *không*, «Viên» cũng là *không*, chọn lựa làm gì ..»! Các ủng hộ viên của ông Trần văn Hương có chú ý đến chi tiết nhỏ này không : bậc «lãnh tụ Miền Nam» của họ thua phiếu xa ngay ở quê nhà Vĩnh long. Bởi vì dân ở đó, cũng như ở các nơi khác sau 25 năm chiến tranh — không thể nào chối cãi được ! — không muốn nghe những chuyện trừu tượng xa vời cho dù của người sinh cùng xứ. Họ chỉ mong chờ im tiếng súng. Đó mới chính là điều đáng suy nghĩ.

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

12-10-69

REGAST. T.

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
— Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

PHÁT HÀNH SÁCH BÁO VÀ
CÁC TÁC PHẨM ÂM NHẠC
VÀ HỘI HỌA TẠI NGOẠI QUỐC

Cơ quan Nghiên cứu Văn hóa và Xã - hội « MAI » có tổ chức một hệ thống phát hành nhằm phổ biến sách báo và các tác phẩm âm nhạc và hội họa, tại Ý, Đức, Anh, Bỉ, Pháp..... đặc biệt tại Ba-Lê.

Mong được các vị tác-giả, chủ nhiệm cùng các nhà xuất bản lưu tâm và hưởng-ứng Xin liên lạc với : „BAN PHÁT HÀNH SÁCH BÁO VÀ TÁC PHẨM VĂN HÓA DÂN TỘC" của cơ-quan trên tại :

254B, Phan-Đình-Phùng, Saigon, H. T. 1004 Đ. T. 92.642.

BUI-BẢO-SƠN

Khoa học không gian và chương trình APOLLO

Bài nói chuyện trên Vô tuyến Truyền hình V.N. của Kỹ sư Bùi-Bảo-Sơn tối Thứ Hai 24-11-69

Kỷ nguyên không gian bắt đầu vào ngày 4 tháng 10 năm 1957 khi Nga sô đặt vệ tinh đầu tiên của nhân loại Sputnik vào quỹ đạo quanh trái đất.

Những năm kế tiếp các chương trình không gian Hoa kỳ bao gồm các chuyến bay *Mercury* và *Gemini* nhằm thám sát khoảng không gian tiếp cận địa cầu và thử sức chịu đựng lâu dài của con người trong tình trạng đặc biệt ngoài không gian.

Kế hoạch *Apollo* sau đó được dự trù nhằm thám hiểm mặt trăng đã thâu hút gần nửa ngân sách của NASA, khoảng 24 tỷ Mỹkim cho tới năm 1972. Trong những bước đầu tiên, chương trình này bị chậm trễ gần 2 năm vì trong một cuộc tập dượt tại mặt đất, phi thuyền điều khiển trên đỉnh Saturn tại giàn phóng đã bùng cháy làm thiệt mạng 3 phi hành gia ưu tú : Virgit Grissom, Edward White và Roger Chaffee

Sau những chuyến bay thăm dò từ Apollo 7 đến Apollo 10 để trắc nghiệm hỏa tiễn Saturn, phi thuyền đổ bộ và việc ráp nối ngoài không gian Chuyến bay thành công đầu tiên đưa người đổ bộ lên nguyệt cầu đã được các phi hành gia Amstrong, Collins và Aldrin thực hiện vào trung tuần tháng 7 vừa qua là một bước tiến vĩ đại trong lãnh vực khoa học không gian của nhân loại.

Bốn tháng sau đó, một cuộc đổ bộ nguyệt cầu khác được hoạch định : phi thuyền Apollo 12 theo chương trình đã được phóng lên vào thứ Sáu 14 tháng 11 năm 1969 vào lúc 0g22, phút giờ Saigon.

Ba phi hành gia trong chuyến bay là :

Charles Conrad, Jr. Trung Tá Hải quân Hoa-kỳ, phi đoàn trưởng chuyến bay Apollo 12.

Richard F. Gordon, Jr. Trung tá Hải quân Hoa-kỳ, Hoa tiêu phi thuyền chỉ huy Yankee Clipper

và Alan L. Bean Thiếu tá Hải quân Hoa-kỳ, Hoa tiêu phi thuyền đổ bộ Intrepid.

Trong chuyến bay nàycác phi hành gia đưa phi thuyền đáp nhẹ nhàng xuống Đại dương *Bão tố*. Sau đó Conrad và Bean đã chụp ảnh khảo sát các miền đất xung quanh, thâu lượm một số mẫu đá mặt trăng, và sau đó họ đi tới phi thuyền Surveyor III nằm trong một hố

sâu cách đó khoảng 200 m đã được phóng lên từ tháng 4 năm 967. Tại đây họ tháo gỡ mang về một số bộ phận của phi thuyền để các khoa - học - gia nghiên cứu các ảnh hưởng sau thời gian hai năm trên mặt trăng. Trong chuyến bay này Conrad và Bean ở lại mặt trăng lâu hơn khoảng 36 giờ. Họ thám sát mặt trăng hai lần tại các miền đất cách vị trí đổ bộ khoảng 800m Trong lần thứ nhất sau khi nhặt đá phi hành gia Alan Bean đặt một số dụng cụ khảo sát Nguyệt cầu như :

— máy ghi chấn động

— nhật phong quang phổ kế

— máy đo từ trường

— máy kiểm soát các sóng ly tử ở nhiệt độ cao.

Tất cả dụng cụ thí nghiệm trên được điều động do một máy phát điện nguyên tử để có thể hoạt động trong thời gian một năm.

Trong lần thứ hai sau khi lấy thêm dưỡng khí và nhiên liệu, các phi hành gia đi xa hơn để tháo gỡ một số dụng cụ thiết yếu của phi thuyền Surveyor III đáp cách đó gần 200m.

Mục đích của chuyến thám hiểm là thâu thập thêm một số dữ kiện để có thể định được các thành phần xung quanh mặt trăng. Nếu mặt trăng có những đặc điểm đồng nhất thì sẽ được dùng để thiết lập các trạm quan sát và thí nghiệm cho những sự khảo cứu khoa học lâu dài về sau.

Sau thời gian thám hiểm họ trở vào phi thuyền đổ bộ khai hỏa tầng trên của phi thuyền này, dùng tầng dưới làm giàn phóng để bay lên cao. Sau đó họ thực hiện việc ráp nối với phi thuyền chỉ huy Yankee Clipper do Richard Gordon điều khiển trên quỹ đạo 100 km xung quanh mặt trăng.

Sau khi hội ngộ phi thuyền đổ bộ Intrepid được điều khiển để đâm thẳng vào mặt trăng, cách máy đo địa chấn khoảng 1000 m, hầu tạo một chấn động để khảo nghiệm sự rung chuyển trên bề mặt mặt trăng. Chấn động này được ghi nhận và truyền trở về trái đất nhờ máy ghi chấn động trong chuyến bay Apollo 12.

Chuyến bay kéo dài khoảng 10 ngày và sau đó chấm dứt vào ngày thứ hai 24 tháng 11 năm 1969 vào đúng 4g57 phút, giờ Saigon.

Trong ba năm tới đây, sau chuyến bay thành công của Apollo 11 và Apoll 12, Hoa-kỳ sẽ thực hiện nhiều cuộc đổ bộ khác mỗi lần cách nhau khoảng 4 tháng.

Nhiệm vụ chính của các chuyến bay Apollo 13 14 và 15 trong năm 1970 sẽ đặc biệt dành cho việc khảo sát địa chất nhờ vậy chúng ta mới biết được lợi ích và khai thác bằng cách thiết lập những trạm không gian ở người trên mặt trăng.

Apollo 13 phóng vào tháng ba 1970 đổ bộ tại vùng Cao nguyên bằng phẳng Fra Mauro.

Apollo 14 phóng vào tháng bảy 1970, đổ bộ tại miệng Hỏa diệm sơn Censorinus để khảo sát xem các miệng hố trên mặt trăng có phải do sự đụng chạm mạnh của các thiên thạch gây ra hay không ?

Apollo 15 phóng vào tháng 11-1970 đổ bộ lên vùng Littrow nhiều núi lởm chởm để thực tập việc đổ bộ rất chính xác lên vùng đất đã chọn trước.

Đầu năm 1971, chuyến bay Apollo 16 sẽ ở lâu hơn khoảng 70 tiếng để thám

sát vùng Copernicus, một trong những miệng hố lớn và ngoạn mục nhất trên nguyệtcầu.

Cuối năm 1971, Apollo 17 được phóng đi để trắc nghiệm hệ thống xe lăn Rover trên mặt trăng, xe này sẽ chuyển dịch các phi hành gia từ nơi đổ bộ tới một vùng cách đó 16 km rồi trở về nhờ vậy các phi hành gia có thể thám sát mặt trăng xa hơn và tường tận hơn. Các phi hành gia Apollo 18 19 và 20 phóng liên tiếp sau đó để tìm các nguyên liệu trong đáy đồi Marius, thung lũng Schroeter và Hyginus Rill là một vùng núi lửa trở chứa đựng trong lòng đất nhiều phún thạch.

Apollo 19 phóng vào năm 1972 sẽ cố gắng tìm lớp nước đá, theo các khoa học gia, nằm dưới lớp đất sâu tại đáy thung lũng Schroeter.

Cách phóng phi thuyền vào quỹ đạo

Muốn bay tới mặt trăng chúng ta cần đưa phi thuyền vào quỹ đạo trái đất và cho phi thuyền tách rời quỹ đạo để bay tới gần mặt trăng. Muốn phi thuyền lọt vào quỹ đạo trái đất ta cần tăng tốc độ của phi thuyền tới một vận tốc thích hợp nếu không nó sẽ rơi trở về mặt đất như thí dụ sau đây :

Giả thử chúng ta đặt 1 khẩu đại bác thật lớn trên một đỉnh núi cao và từ đó bắn đi những viên đạn theo đường chân trời (bắn ngang). Viên đạn sau khi rời nòng súng trong mấy giây đầu sẽ bay ngang. Nhưng sau đó vì sức hút của mặt đất viên đạn sẽ bị kéo lệch khỏi đường bay xuống phía dưới theo một đường đi ngắn nhất trong hình vẽ.

Nạp đạn lại khẩu súng với số lượng thuốc súng nhiều hơn viên đạn sẽ bay xa hơn trường hợp đầu nhưng sau cùng cũng rơi trở về mặt đất. Đường quỹ đạo (đường bay) của viên đạn lúc đó ít bị cong hơn vì lực ly-tâm tác động vào viên đạn đã được gia tăng nhờ vận ốc lớn hơn - Lực ly tâm sinh ra hướng ra ngoài để làm giảm bớt sức hút mặt đất tác động vào viên đạn.

Nếu chúng ta có thể bắn viên đạn bay với vận tốc nhanh hơn khoảng trên 8km/giây viên đạn sau khi thoát khỏi nòng súng sẽ tiếp tục đi ngang - đường đi cong xuống của viên đạn sẽ có cùng độ cong của mặt đất — và viên đạn tiếp tục bay mãi, 85 phút sau khi bắn viên đạn này chúng ta phải rời ngay vị trí đặt súng vì viên đạn sẽ bay tới phía sau để phá tan ổ súng này.

Đường đi của viên đạn khi đó là một quỹ đạo tròn. Lực ly tâm sinh ra khi viên đạn bay quanh trái đất sẽ ảnh hưởng đến quỹ đạo của viên đạn.

— Quỹ đạo tròn xảy ra khi lực ly tâm sinh ra cân bằng với sức hút mặt đất.

— Nếu sự cân bằng giữa lực ly tâm và sức hút mặt đất không đồng đều, viên đạn sẽ có một đường bay hình thuẫn quanh trái đất, tương tự đường đi của sao chổi trong không gian.

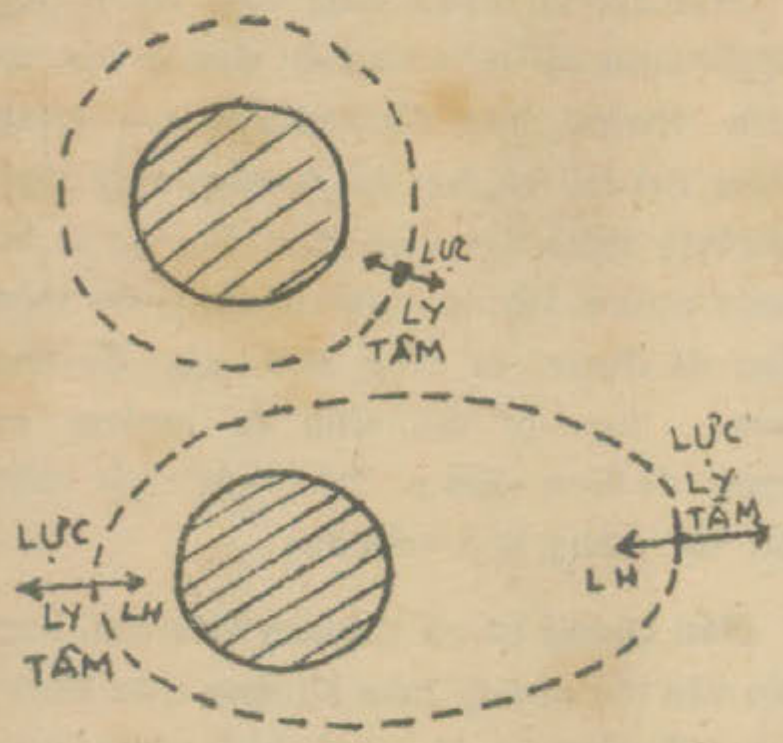

Đưa phi thuyền vào quỹ đạo ngoài yếu tố vận tốc còn tùy thuộc nhiều vào góc độ phóng phi thuyền Nếu lực đẩy tác động không đúng góc độ, phi thuyền sẽ bay đâm xuống mặt đất như hình sau đây :

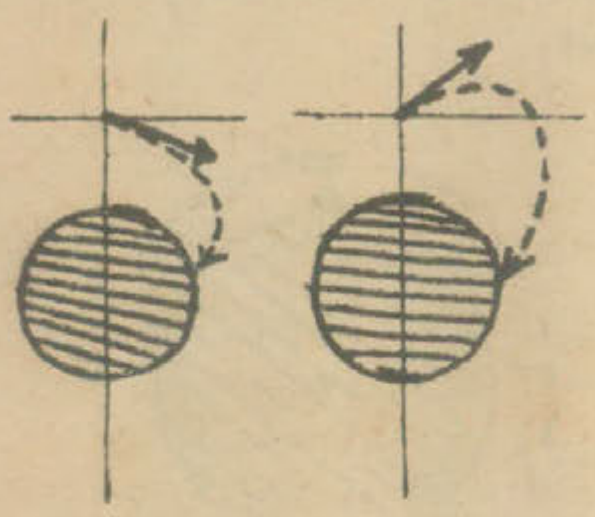

Cách phóng một vệ tinh đứng yên trên một vùng nào đó

Mội số các vệ tinh viễn thông như Early Bird. Telstar đã được phóng lên một quỹ đạo tròn trong mặt phẳng xích đạo và nó di chuyền từ Tây sang Đông trong thời gian 24g một vòng, trong khi đó mặt đất chúng ta xoay quanh trục thẳng góc với mặt phẳng xích đạo từ Tây sang Đông cùng một thời gian, nhờ vậy các vệ tinh được phóng lên sẽ đứng yên trên một vùng nào đó dưới mặt đất.

Để đạt vận tốc 24g một vòng quanh quỹ đạo, các vệ tinh này thường có cao độ 36.000km rất thích hợp cho các việc liên lạc và truyền hình với các vùng khác nhau trên mặt đất.

Ba vệ tinh viễn thông nếu đặt trên cùng một quỹ đạo, cách góc nhau 120o, sẽ hoạt động hữu hiệu cho toàn thể mặt đất ngoại trừ 2 miền cực Bắc cực Nam địa cầu.

Vì vệ tinh ở cách xa mặt đất hàng chục ngàn cây số, các tín hiệu từ mặt đất truyền tới vệ tinh khi dội trở lại thường chậm mất 1/3 giây. Điều này không ảnh hưởng cho việc truyền hình nhưng chúng ta có thể nhận thấy khá rõ khi điện đàm.

Cách thay đổi quỹ đạo để ráp nối ngoài không gian

Trong các chuyến bay Apollo việc ráp nối hai phi thuyền trên đường bay tới mặt trăng và xung quanh quỹ đạo được thực hiện nhiều lần. Sau đây là cách thức thay đổi quỹ đạo để hai phi thuyền xáp lại gần nhau mà ráp nối ngoài không gian.

Giả thử chúng ta cột con quay vào một sợi dây rồi quay nó xung quanh các ngón tay Lực ly tâm sinh ra do việc xoay vòng sẽ cân bằng với sức căng của sợi dây khi đó nó sẽ tiếp tục xoay tròn xung quanh ở trên đường cong nhất định. Khi vận tốc giảm lần con quay sẽ di chuyền trên một vòng tròn nhỏ hơn, ngược lại nếu ta quay thực mạnh để tăng tốc độ con quay, nó sẽ vạch một đường bay lớn hơn. Do đó chúng ta thấy rằng muốn thay đổi quỹ đạo cao hơn hay thấp hơn các phi hành gia chỉ việc điều chỉnh vận tốc của phi thuyền cho nhanh hơn hay chậm hơn.

Thí dụ một phi thuyền A bay trong quỹ đạo thấp hơn so với phi thuyền B, nếu phi thuyền A muốn ráp nối với B nó phải gia tăng tốc độ bằng cách khai hỏa các hỏa tiễn để cùng lọt vào một quỹ đạo của B. Nếu hai phi thuyền khi đó còn cách nhau, cả hai phi thuyền phải cùng điều chỉnh tốc độ để có thể xáp lại gần nhau mà ráp nối.

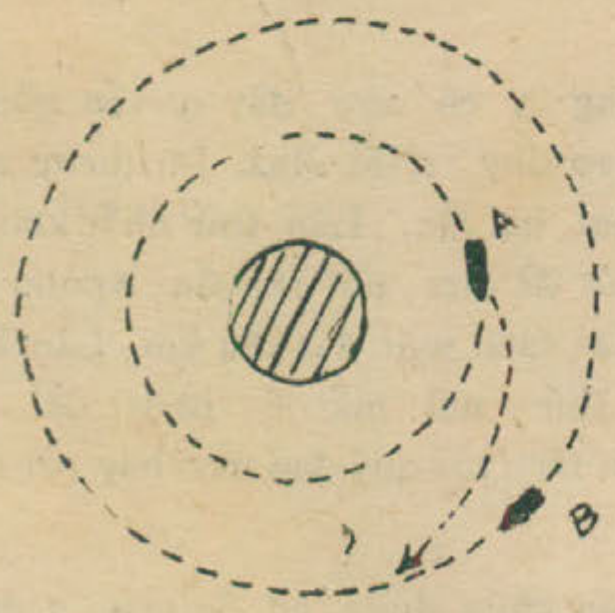

Phi thuyền A gia tăng tốc độ để vào quỹ đạo cao hơn của B

Trường hợp ngược lại nếu phi thuyền B muốn ráp nối với A nó phải giảm tốc độ bằng cách khai hoả động cơ hỏa tiễn nghịch chiều để lọt vào quỹ đạo thấp hơn của phi thuyền A.

Cách lái phi thuyền thoát khỏi quỹ đạo quanh trái đất để tiến tới mặt trăng

Với con quay và sợi dây, nếu ta quay thật mạnh đến một vận tốc nào đó lực ly tâm sinh ra sẽ lớn hơn sức căng của sợi dây, sợi dây đứt và con quay bị văng đi. Đó là cách thức các phi hành gia sẽ điều động để phi thuyền tách khỏi quỹ đạo quanh trái đất bay tới mặt trăng Trong chuyến bay Apollo 12, sau khi phi thuyền được đặt vào quỹ đạo quanh trái đất, các phi hành gia đã tăng tốc độ của phi thuyền tới vận tốc thoát ly 25.022 dặm một giờ khi đó nó sẽ tách rời khỏi quỹđạo và thẳng đường bay tới mặt trăng.

Vận tốc thoát ly ở trái đất : 25. 022 dặm 1 giờ.

Vận tốc thoát ly ở mặt trăng : 5.318 dặm 1 giờ

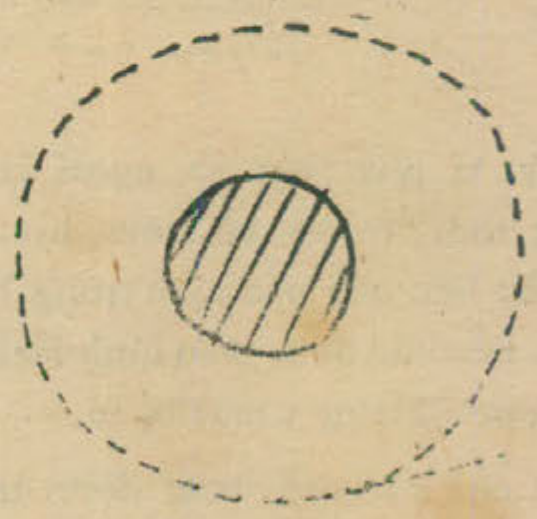

Phi thuyền khi đạt tới vận tốc thoát ly nó sẽ tách quỹ đạo và bay tới mặt trăng.

Muốn tạo một sức đẩy để đưa phi thuyền đạt tới vận tốc lớn hơn 11km/giây chúng ta phải dùng tới sức đẩy của hỏa tiễn. Sau đây là nguyên tắc hoạt động của hỏa tiễn khi được khai hỏa.

Tương tự như sự vận chuyển của con mực dưới nước và sự vận chuyển của trái bóng bơm hơi. Hỏa tiễn sẽ tiến về phía trước khi được khai hỏa.

Hơi nổ trong hỏa tiễn sẽ tạo những áp lực đồng đều lên thành trong bồn cháy. Nếu một đầu bồn cháy để hở, các luồng hơi sẽ phụt mạnh về phía đó, với vận tốc siêu âm. Một phần lực sinh ra tác động lên thành đối diện của bồn cháy sẽ tạo những sức đẩy thật mạnh đưa hỏa tiễn tiến về phía trước.

Nguyên tắc hỏa tiễn giống như các động cơ phản lực nhưng vì phải di chuyển ra ngoài không gian nơi không có dưỡng khí cần cho sự cháy, trong phần nhiên liệu đem theo, ta thấy có những bình chứa dưỡng khí thực lớn phía trong.

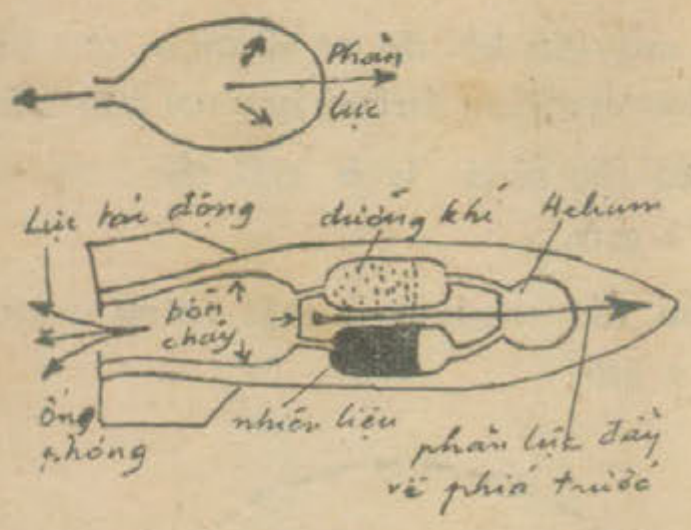

Tuy vậy vì phải bay ra ngoài không gian trong tình trạng vô trọng lực, để tránh nhiên liệu bay náo loạn trong bình chứa, hỏa tiễn còn đem theo bình Helium có công dụng như một máy bơm.

Hỏa tiễn có thể hoạt động trong khoảng chân không cũng như nơi có không khí là phương tiện duy nhất hiện nay để đưa phi thuyền ra ngoài không gian.

Hỏa tiễn Saturn 5 dùng trong chuyến bay Apollo 12 do Tiến sĩ Von Braun nghiên cứu và thực hiện với chi phí lên tới 9 tỷ Mỹ kim.

Đó là loại hỏa tiễn lớn nhất hiện nay cháy bằng nhiên liệu lỏng có thể đặt vào quỹ đạo trái đất 1 phi thuyền nặng 100 tấn hoặc đưa vào quỹ đạo mặt trăng một phi thuyền khoảng 40 tấn.

Hỏa tiễn Saturn 5 và phi thuyền Apollo trên đỉnh cao 110 m bằng một tòa nhà 36 tầng. Nếu chứa đầy nhiên liệu sẽ nặng khoảng 3.000 tấn.

Nhiên liệu chứa trong hỏa tiễn chiếm tới 90% trọng lượng, chỉ được xử dụng trong khoảng 11 phút để đưa phi thuyền Apollo thẳng đường tới mặt trăng.

Saturn 5 gồm có 3 tầng và trên 3 triệu bộ phận khác nhau ghép lại.

Tầng 1 có sức đẩy 3.500 tấn, khoảng 160 triệu mã lực do 5 động cơ F1 chạy trong 2 phút 30 giây — mỗi giây ngốn hết 15 tấn nhiên liệu — để đưa phi thuyền lên cao độ 61 km với vận tốc 9.600 km một giờ trước khi tầng này được tách ra rơi xuống Đại-Tây-Dương.

Tầng 2 có sức đẩy 450 tấn gồm 5 động cơ J2 cháy trong 6 phút 30 giây, mỗi giây ngốn 1 tấn nhiên liệu cháy hết tầng này đưa phi thuyền tới cao độ 173 km và đạt được tốc độ 27 800 cây số 1 giờ.

Tầng 3 có sức đẩy 90 tấn gồm 1 động cơ duy nhất loại J2, được khai hỏa làm hai lần. Lần thứ nhất khoảng 2 phút để đưa phi thuyền Apollo vào quỹ đạo cách mặt đất 184 km. Lần khai hỏa thứ nhì mất 6 phút để phi thuyền tách rời quỹ đạo này bay tới mặt trăng.

Ngăn chứa dụng cụ Saturn 5 dưới phi thuyền Apollo nặng 2, 5 tấn chứa nhiều máy móc điện tử phụ trách việc chuyển vận và ấn định động tác của 3 tầng hỏa tiễn.

Phi thuyền Apollo 12 cao 25 m và nặng 49 tấn gồm có 3 phần.

- Phi thuyền chỉ huy Yankee Clipper
- Hỏa tiễn dịch vụ
- Phi thuyền đổ bộ Intrepid

Ngoài ra còn 4 tấm che chở phi thuyền đổ độ và một hệ thống hỏa tiễn thoát hiểm gắn trên cao.

1) Hỏa tiễn dịch vụ là một phi thuyền hình ống dài 7m có đường kính gần 4m, nặng khoảng 24 tấn gồm một máy phát điện cung cấp điện năng cho các máy móc bên trong và một hệ thống 16 hỏa tiễn nhỏ màu đen, để phi thuyền thay đổi cao độ và xoay trở dễ dàng trong khi bay. Một hỏa tiễn

lớn phía đáy giảm tốc độ lúc đưa Yankee Clipper vào quỹ đạo mặt trăng hay tách phi thuyền khỏi quỹ đạo cũng như điều chỉnh đường bay lúc trở về mặt đất.

2) Phi thuyền chỉ huy Yankee Clipper là đơn vị duy nhất sẽ trở về mặt đất sau chuyến bay, đó là phòng điều khiển dành cho các phi hành gia trong suốt cuộc hành trình. Nó gồm có phòng làm việc rộng rãi của phi hành đoàn, khoảng 6m3 và các hệ thống máy móc điều động toàn thể chuyến bay.

Phi thuyền có hình chóp nón đường kính đáy khoảng 3,91m và cao độ 3,23m. Nó gồm có hai vỏ để chống áp suất và nhiệt độ gia tăng lúc phóng đi cũng như lúc trở về bầu khí quyển.

Trọng lượng lúc phóng khoảng 6 tấn, phi thuyền này được trang bị hoàn hảo để các phi hành gia cảm thấy thoải mái và dễ chịu trong suốt thời gian chuyến bay. Phần không khí bên trong chứa đựng đủ dùng cho 3 người. Phía trước phi thuyền gồm 2 cửa sổ để quan sát, 1 cửa chính và 2 cửa sổ nhỏ hướng về mũi phi thuyền dùng trong việc ráp nối.

3) Phi thuyền đổ bộ Intrepid nặng khoảng 15 tấn là phần phi thuyền tách khỏi phi thuyền chỉ huy trên quỹ đạo mặt trăng, rồi sau đó hạ thấp xuống đưa Conrad và Bean đáp an toàn trên mặt trăng.

Tầng trên phi thuyền gồm 2 cửa sổ để quan sát lúc đáp xuống, 1 cửa tròn phía trên để phi hành gia bò vào hay bò trở lại phi thuyền chỉ huy. Tầng dưới phi thuyền tương đối bằng phẳng trong chứa nhiên liệu và các dụng cụ khoa học nhằm thám sát mặt trăng. Chung quanh có 4 chân nhện vươn ra để phi thuyền có thể đáp xuống mặt trăng một cách an toàn.

Phi thuyền đổ bộ có hệ thống hướng dẫn, hỏa tiễn, máy tính điện tử, hệ thống liên lạc và các hệ thống hỏa tiễn điều chỉnh đường bay ở chung quanh.

Muốn đưa con người lên mặt trăng ngoài những hệ thống máy móc phức tạp phải giải quyết, việc huấn luyện các phi hành gia cũng đòi hỏi rất nhiều thời gian và khổ nhọc. Thường các phi hành gia đều là các phi công lão luyện, dân sự cũng như quân sự; họ được tôi luyện về hai phương diện đặc biệt để vừa là những hoa tiêu đầy kinh nghiệm trong những chuyến bay phức tạp, cũng như phải có một kiến thức khoa học đầy đủ để họ có thể khảo sát mặt trăng một cách khoa học ngay sau khi đổ bộ.

Tiêu chuẩn cao về sức khỏe và tinh thần là một trong những điều căn bản của việc chọn lựa các nhóm phi hành gia cho từng chuyến bay.

Phi hành gia phải quen thuộc với tất cả máy móc trong phi thuyền. Ngay tại Trung tâm phi thuyền có người điều khiển ở Texas, các khoa học gia đã chế tạo một hệ thống các phi thuyền giả từ khi bay đi cho đến khi bay trở về. Với những phi thuyền cố định, các phi hành gia thuộc dự án Apollo đã thành công trong chuyến bay giả lên mặt trăng. Họ làm chủ được các hệ thống máy móc phức tạp, biết sửa chữa khi trục trặc và phản ứng với những sự thay đổi của thời gian, khí hậu cũng như khoảng cách.

Thời gian huấn luyện này bao gồm hàng trăm giờ. Trong khi bay ngoài không gian họ luôn luôn sống trong tình trạng vô trọng lực. Để làm quen với

tình trạng này họ được thực tập trong những chuyến phi cơ đặc biệt. Phi cơ không có ghế ngồi, chung quanh là những tấm nệm đóng chặt lên thành trong. Phi cơ bay ngược lên cao, tới một độ cao thích hợp nó đổi hướng chúi mũi xuống. Trong thời gian 1 vài phút đó lực ly tâm sinh ra sẽ cân bằng với sức hút mặt đất các phi hành gia sẽ lơ lửng phía trong. Họ thực tập nhiều lần để vận chuyển, tập ăn uống cũng như cách giữ thăng bằng trong tình trạng đặc biệt trên mặt trăng.

Việc sinh sống trong tình trạng vô trọng lực gặp rất nhiều trở ngại thí dụ về đêm muốn ngủ được an toàn, các phi hành gia phải được cột chặt vào thành ghế vì lúc ngủ hơi thở của chính họ sẽ là những động cơ hỏa tiễn có thể đưa họ bay lên trong phi thuyền.

Vấn đề ăn uống của các phi hành gia đã được sửa soạn thật kỹ lưỡng vì nó ảnh hưởng tới tinh thần phi hành đoàn trong suốt thời gian thám hiểm kéo dài trên 10 ngày.

Đồ ăn phải đầy đủ chất bổ, ngon miệng nhưng không được chiếm quá nhiều chỗ trong phi thuyền Tất cả món ăn được đóng khô sau khi nấu chín và chứa trong những túi nhựa gồm đủ các loại rau, đậu, xà lách, thịt gà, nước cam, chololat v.v. Muốn ăn tráng miệng các phi-hành-gia cũng có đủ trái cây như cam, táo, nho, dâu đã được cô đọng thành từng viên đựng trong các bao nhựa Muốn ăn họ chỉ việc mở nắp bơm nước nóng hoặc lạnh vào, chờ đợi một vài phút cho đồ ăn tan thành chất lỏng rồi hút thẳng vào miệng. Nếu không ăn uống như vậy đồ ăn sẽ bay lên ngay trong phi thuyền và gây nhiều phiền toái. Các phi hành gia không được ăn bánh mì vì người ta sợ rằng những vụn bánh bay ra có thể làm kẹt các hệ thống máy móc điện-tử trong phi thuyền.

Tuy ăn uống như vậy nhưng các phi hành gia cũng được cung ứng một số năng lượng từ 2.100 đến 2.500 đơn vị mỗi ngày.

Khi ăn xong, trước khi vất vào thùng rác, các phi hành gia bóp viên thuốc khử trùng ở đầu miệng túi để các đồ ăn còn dư không lên men tạo một không khí khó thở cho các phi hành gia.

Nước uống trong phi thuyền được cung cấp đầy đủ nhờ những hệ thống phát điện chạy bằng dưỡng khí và khinh khí. Mỗi ngày họ lấy nước vào các túi nhựa để khinh khí thoát ra trước khi xử dụng. Các phi hành gia muốn uống họ chỉ việc bấm nút là nước được bơm thẳng vào miệng hoặc cái túi đồ ăn gồm cả nước nóng cũng như nước lạnh.

Để các phi hành gia quen thuộc tình trạng hấp lực yếu của mặt trăng (chỉ bằng 1/6 hấp lực trái đất) họ được huấn luyện nhiều lần trước khi đổ bộ thật sự. Trong tình trạng hấp lực yếu này các phi hành gia tập đi lại, cử động để xem con người có gặp trở ngại nào không.

Một bộ máy đặc biệt được cơ quan không gian Hoa-kỳ chế tạo nhằm giúp các phi hành gia di chuyển, những hệ thống máy móc và dây chằng rung chuyển đã tạo một tình trạng đặc biệt tương tự như trên mặt trăng.

Ngoài việc luyện tập trên, các phi hành gia cũng như phi thuyền bổ bộ đã được nhúng vào những hồ nước thực lớn Tại đây với sự hướng dẫn của người nhái, các phi hành gia sẽ tập di chuyển ra khỏi phi thuyền cũng như các hoạt

động khác. Nhờ sức đẩy của nước họ cảm thấy nhẹ nhàng tương tự tình trạng đặc biệt của mặt trăng.

Được huấn luyện kỹ lưỡng như vậy mà phi hành gia Edwin Aldrin Jr. khi đi lại trên mặt trăng còn cho biết : Việc tập luyện tại mặt đất còn nhiều khuyết điểm và ông khuyên cáo phi hành gia, trong những chuyến bay sau, nên dành 10 đến 20 phút đầu tiên sau khi đổ bộ, để làm quen với tình trạng hấp lực yếu trên mặt trăng hầu giữ thăng bằng trong suốt thời gian hoạt động.

Khó khăn của các phi hành gia gặp trường hợp điện bị hư trên đường bay tới mặt trăng.

Giả thử trên đường bay tới mặt trăng đột nhiên các máy phát điện trong phi thuyền ngưng hoạt động, các phi hành gia được lệnh tắt tất cả đèn trong phi thuyền và các máy móc không cần thiết khác. Sau đó họ giương ra những tấm gương đặc biệt để hấp thụ năng lượng mặt trời hầu biến thành điện. Lượng điện này khoảng 10% được xử dụng để nạp bình điện đã bị hư và các công việc xét ra cần thiết nhất. Các phi hành gia bỏ ngay chuyến đổ bộ mặt trăng và tiếp tục cho phi thuyền trôi đi. Tới một vị trí nào đó trong không gian phi thuyền sẽ rớt trở về trái đất theo 1 đường quỹ đạo hình thuẫn

Khi tới gần bầu khí quyển, tương tự chuyến bay về, họ tách phần hỏa tiễn dịch vụ và đưa phi thuyền trở về mặt biển bằng những chiếc dù lớn.

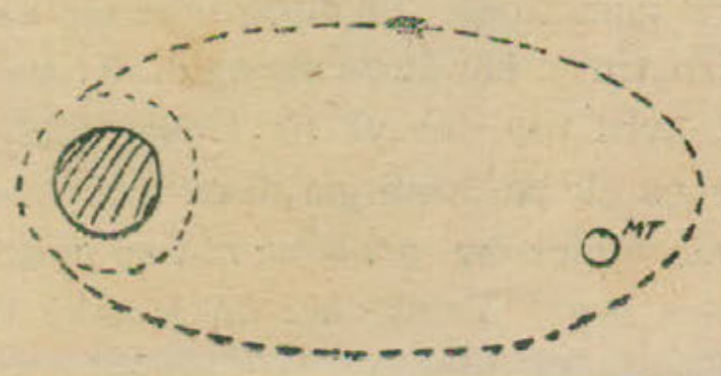

Cách đưa phi thuyền Apollo vào quỹ đạo mặt trăng

Sau khi thoát khỏi sức hút địa cầu, phi thuyền Apollo sẽ bay tới mặt trăng mỗi lúc một nhanh hơn, các phi hành gia phải điều chỉnh đường bay thật chính xác để có thể đưa phi thuyền lọt vào quỹ đạo mặt trăng.

Sau đây là các trường hợp có thể xảy ra.

— 1) Nếu đường bay đâm thẳng vào mặt trăng, vận tốc phi thuyền khi đó gia tăng rất mau vì sức hút mặt trăng mỗi lúc một mạnh hơn, các phi hành gia không hãm kịp phi thuyền và trường hợp này phi thuyền đâm thẳng vào mặt trăng bể nát tại đây.

— 2) Nếu phi thuyền bay xa quá mặt trăng, sức hút mặt trăng quá yếu không thể kéo phi thuyền về phía nó, trường hợp này phi thuyền sẽ đi luôn ra ngoài không gian và không tài nào lọt được vào quỹ đạo mặt trăng.

— 3) Nếu phi thuyền bay cách mặt trăng khoảng 120km, vận tốc phi thuyền được giảm đi nhờ động cơ lớn phía đáy, khi đó sức hút mặt trăng đủ sức kéo phi thuyền về phía nó và nhờ vậy phi thuyền sẽ lọt vào một quỹ đạo hình thuẫn quanh mặt trăng Sau khi bay vài vòng, các phi hành gia sẽ điều chỉnh tốc độ để đặt phi thuyền vào một quỹ đạo tròn hơn với khoảng cách 100km như chuyến bay Apollo 12.

Bộ áo : Muốn di chuyển trên mặt trăng trong những điều kiện đặc biệt các phi hành gia được trang bị bộ áo không gian A 7 L. nhằm chống lại nhiệt độ, vẫn thạch bay nhanh trong không gian và cung cấp các tiện nghi thiết yếu cho phi hành gia.

Bộ áo gồm 28 lớp trị giá trên 25 triệu VN (100.000 Mỹ kim) nhằm chống lại khoảng chân không, nhiệt độ quá cao, các vẫn thạch bay nhanh hằng trăm ngàn km và cũng để cung cấp dưỡng khí trong suốt thời gian hoạt động.

Dưỡng khí cung cấp cho bộ áo chứa trong các hệ thống của phi thuyền chỉ huy cũng như trong phi thuyền đồ bộ. Một túi lớn đeo phía sau là hệ thống trợ sinh xách tay sẽ cung cấp cho phi hành gia một số dưỡng khí đủ dùng trong 4 giờ, thời gian lâu nhất của mỗi lần thám hiểm, để họ hoạt động trên mặt trăng. Ngoài hệ thống trên còn một túi nữa để cung cấp dưỡng khí khẩn cấp trong vòng 20 phút cho các phi hành gia lúc khẩn cấp.

Cách trở về :

Sau khi hoàn tất phi vụ đổ bộ người lên mặt trăng lần thứ hai, phi thuyền hình chóp nón Yankee Clipper đã bay trở về địa cầu với vận tốc trên 40 000km một giờ. Với vận tốc khủng khiếp đó nếu phi thuyền không được hướng dẫn trở về với một góc độ thích hợp nó sẽ bị cháy tiêu đi hoặc văng luôn ra ngoài không gian tương tự khi chúng ta thia lia một viên gạch xuống mặt nước.

Phòng chỉ huy được khai hỏa cho xoay trở đầu hướng khiên kỵ nhiệt về phía trước, sau đó sẽ vượt qua hành lang sinh nhiệt với một góc độ thích hợp để giảm bớt tốc lực và nhiệt năng lúc trở về. Khi tới cao độ 8km dù được bật ra hãm dần phi thuyền xuống mặt bể tại vùng thâu hồi.

Sau đây là những lý do tại sao phi thuyền cần hướng mặt đáy về lớp khí quyển.

Phi thuyền từ quỹ đạo trở về cần giảm ngay tốc độ nhưng với các hỏa tiễn của phi thuyền chỉ huy, việc này không thể thực hiện được vì lúc đó cần tới một sức đẩy tương tự lúc đặt phi thuyền vào quỹ đạo. Các phi hành gia hướng mặt đáy để, nhờ sức ép và sự cọ sát của lớp không khí, giảm lần tốc độ của phi thuyền.

Hiện tượng này sinh nhiệt rất nhiều nhưng nhờ các lớp sóng dội đi trong khí quyển, nó đã truyền bớt nhiệt năng sinh ra do sự cọ sát.

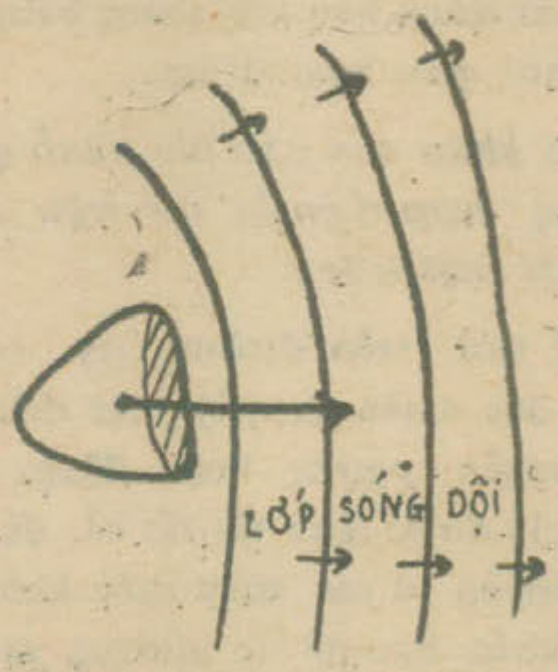

Phi cơ không cần áp dụng tính chất này vì với vận tốc khoảng 2 đến 3 lần vận tốc âm thanh, hiện tượng sinh nhiệt không ảnh hưởng đến chất liệu cấu tạo. Trong khi đó phi thuyền từ không gian trở về thường có vận tốc 40.000km một giờ người ta cần lưu ý tới để có thể đưa phi hành gia an toàn trở về mặt đất.

Việc thâu hồi

Vấn đề thâu hồi sau khi các phi hành gia hoàn tất công tác thám hiểm rất quan trọng, họ được thực tập nhiều lần trước khi được phóng đi. Trong các chuyến bay trở về từ không gian của Nga, các phi hành gia được thâu hồi tại các vùng băng giá bằng những chiếc dù thật lớn. Trong khi đó Hoa-kỳ thâu hồi các phi hành gia tại vùng biển Thái-

Bình Dương sau mỗi chuyến bay. Tại đây tàu cấp cứu đã chờ sẵn với những toán người nhái có nhiệm vụ giúp các phi hành gia bước vào phao cấp cứu

Tuy nhiên để phòng ngừa trường hợp phi thuyền rớt trở về tại một vùng xa lạ nào đó, hoặc có thể họ rớt xuống một khu rừng hay một bãi sa mạc, các phi hành gia cũng được huấn luyện và trang bị đầy đủ để sinh sống trong thời gian chờ đợi các toán cấp cứu. Trong phi thuyền có những phao với đầy đủ đồ dự phòng như máy phát thanh, hiệu báo SOS pháo hiệu, thuốc màu, nước uống, dao v.v. và các vật dụng cần thiết khác.

BÙI-BẢO-SƠN

THUỐC BỔ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔPHỔI,
BỔI BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

TỦ SÁCH ĐẠI-NAM VĂN HIẾN

IN BẰNG ANH - NGỮ

Bản dịch của ĐÀM-XUÂN CẬN

1 — THẾ PHONG BY THE THẾ PHONG 400 đ

2 — I WAS AN AMERICAN MILITIAMAN 200 đ

3 — VIETNAM : THESKY UNDER FIRE AND FLAMES 200 đ

4 — VIETNAM : THE BABY IN THE ARMS OF THE AMERICAN NURSE 200 đ

5 - THE RUBBISH TIPOUTSIDE THE CITY AND OTHERS STORIES BY THẾ PHONG 250 đ

Viết thư cho ĐÀM XUÂN CẬN *Hộp thư 1123 Saigon*

BNP

A votre service

tous les services de la

banque

nationale

de Paris

● TRẦN-ĐẠI

Sinh viên V. N. tại Âu-châu

Hai giờ tiếp xúc với NGUYỄN-ĐỨC-QUANG

"Sinh viên Việt Nam không thể nào không bị ảnh hưởng bởi tinh thần tả phái tại Pháp. Hiện nay tinh thần tả phái đang lan tràn trong giới trẻ Pháp Quan niệm của họ về tả phái ? Xin hãy quan sát : Vào các câu lạc bộ sinh viên, họ phải vào cửa trái, ngồi ăn trong quán cơm, tranh nhau ngồi hàng bàn ghế bên trái, hết chỗ họ mới sang bên phải, sinh viên nào làm ngược lại bị coi là cổ hủ , không có tinh thần cấp tiến. »

Với nước da trắng trẻo hơn khi ở nhà, vì khí hậu ngoại quốc tốt, sinh viên Nguyễn-Đức-Quang đã cho biết như trên sau 58 ngày xuất ngoại tiếp xúc với thanh niên, sinh viên Việt-Nam tại Âu Châu (1).

Anh Nguyễn-Đức-Quang, tốt nghiệp Cử nhân chính trị kinh doanh, là sinh viên hoạt động xã hội nhiều năm và khởi xướng ra phong trào du ca, đã tiếp xúc với tôi và vài người bạn trong một căn phòng nhỏ tại thành phố Đalat, nơi trú ngụ của gia-đình anh, sau vài ngày anh trở về nước.

Được hỏi về ý kiến của anh đối với sinh viên Việt-Nam ở Pháp, anh Quang hóm hỉnh trả lời như trên rồi anh tiếp :

— Không khí tại Pháp khác hẳn với không khí tại Việt Nam. Cảnh sát không được vào khu học xá (cité). Sinh viên tự do phát biểu tư tưởng; những cuộc hội thảo được tổ chức liên miên. Sinh viên Việt Nam thế nào cũng bị ảnh hưởng.

— Anh cho những thái độ về chiến tranh, về thiên tả của sinh viên Việt-Nam giản dị như vậy sao ?

— Nhìn như trên là dưới một nhãn quan khôi hài. Thực sự, sinh viên Việt-Nam tại Pháp không hiểu biết liên tục về Việt-Nam. Lại không có những thanh niên Việt Nam nào, khả dĩ được họ tin cậy, trình bầy cho họ rõ. Các tin tức họ đều biết qua báo chí và các sinh viên Cộng-sản. Các báo chống chính quyền tại Miền Nam tất nhiên bầy tỏ những thối nát tại Việt-Nam. Tờ Chính Luận với lập trường chống Cộng nhất cũng phơi bày thực trạng trên. Câu hỏi đầu tiên : Tại sao tại Việt-Nam tham nhũng quá vậy ? Họ lập lại câu hỏi đó với bất cứ người Việt-

---

(1) Phái đoàn gồm có các nghệ sĩ trình diễn : Thanh Lan, Khánh Ly, Phương Canh, Ngọc Dung, Nguyễn-Đức-Quang, Nguyễn-Xuân-Định (tân nhạc) Ánh Hồng, Kim-Ngọc Huỳnh-văn Thưởng (cổ nhạc) khởi hành ngày 29-8-69 và về nước ngày 25-10-69

Nam nào qua đây. Họ là những thanh niên được ưu đãi. Họ là con ông cháu cha. Họ không biết tại Việt-Nam ngoài tệ trạng, vẫn còn hiện diện một đám đông thanh niên cố gắng «làm một cái gì» hiện diện. E ngại của họ là nếu về nước sẽ không làm gì được trong một xã hội như vậy !

— Anh có cho e ngại đó là một cách trốn tránh trách nhiệm của những người được ưu đãi không ?

— Có thể. Có một sinh viên đã trốn từ Canada qua Paris và nói với tôi như sau về lý do «không về nước» : Chúng tôi chán xứ Việt-Nam vì nơi nầy đầy đói khổ, chiến tranh. Các anh có thể ở đó được vì các anh đã quen tiếng súng rồi ! Chúng tôi đang ở không khí yên lành, không quen được với môi trường đó.

Đa số những sinh viên du học rất ít suy nghĩ. Khi du học họ không mong đem tài học về giúp nước, nhưng trong tâm trạng của họ, sau nhiều lần tiếp xúc, tôi hiểu là họ chỉ mong về nước để có một «chỗ tốt». Trong lời nói của họ, luôn luôn họ cho là họ phải giữ từ chức Giám-đốc trở lên ! Câu họ hay nói là : «Thí dụ tôi về làm Giám-đốc Nha này tôi phải làm gì ? » Họ là những «học trò ngoan». Chỉ một thiểu số là nghĩ vô trách nhiệm như tôi vừa nói ở trên. Còn một thiểu số theo Cộng-sản. Lỗi là tại chúng ta không có một chính sách cho du học sinh. Những người học hành không trôi chảy, những người hoạt động chính trị — chưa hẳn là cộng sản — cũng bị cúp chuyền ngân. Thường là những người này bất mãn rồi theo Cộng-sản.

— Như vậy, theo anh tình trạng Sinh viên Miền Nam Việt-Nam du học tại Pháp bi đát quá. Vậy theo anh có những nhóm sinh viên nào khá hơn không ?

— Có chứ. Có hai nhóm : Một nhóm người đã ra trường Họ là những Giáo sư Đại học, Bác sĩ, Kỹ sư. Họ cũng nghĩ tới Việt Nam, nhưng điềm tĩnh hơn. Hiện nay, họ đang khảo cứu nhiều đề-án. Họ không quan tâm tới chính trị nhưng chỉ nghĩ đến kỹ thuật chuyên môn. Họ không về nước, nhưng có thể giúp Việt Nam bằng cách nghiên cứu các dự-án.

Nhóm thứ hai là Tổng-hội Sinh-viên Việt-Nam tại Pháp, Chủ tịch là anh Nguyễn-Xuân-Nghĩa. Trước kia Tổng hội Sinh viên Việt Nam rất bết. Bị Cộng sản xỉ vả họ chỉ làm thinh. Nhưng sau lần đánh lộn giữa sinh viên Miền-Nam và sinh viên Cộng sản, họ đã lên tinh thần. Những người này tổ chức các buổi hát hò, trại hè v.v.. Bây giờ họ tiến thêm bước nữa là hoạt động «Liên minh Sinh viên và Thợ thuyền». Tổ chức này nhằm liên kết thợ thuyền và sinh viên Việt Nam tại Pháp. Tổ chức này có thể thành tựu nhờ những sinh viên vừa đi học vừa đi làm.

— Theo anh sinh viên Việt Nam tại Âu châu, ít ra tại những nước anh qua, vùng nào cần quan-tâm nhất ?

- Paris và Tây-Đức.

Tại Paris có chừng 4000 sinh viên V.N, và chia ra làm nhiều khuynh hướng: nhóm bảo hoàng, nhóm cộng sản, nhóm tự túc v.v. Tính chất phức tạp của họ và tinh thần của họ, như tôi đã nói, là điều cần quan tâm hơn cả

Tại Tây-Đức số sinh viên ít hơn. Họ ở nhiều nhất tại Bonn, Stuggart và Munich. Quan trọng là vì sinh viên ở đây đang bị một nhóm người thiên tả nắm giữ. Theo qui chế của chính phủ Đức tất cả các chi hội sinh viên Việt-Nam tại các tỉnh phải thành lập thành một liên hội mới được công nhận Tình trạng này là tình trạng chung của các hội đoàn tại Đức. Các sinh viên Việt Nam không họp các chi hội lại thành liên hội. Thực tế có một nhóm sinh viên tự động họp thành một liên-hội rồi tiếp nhận các sinh viên tại các tỉnh làm hội viên Nhóm sinh viên liên-hội này là những người đã học lâu năm, đã «sống lâu lên lão làng», đã trở thành những «sinh viên già». Trong khi đó, các sinh viên ở các tỉnh là những sinh viên còn non nớt. Họ bỡ ngỡ, lo âu tại xứ người và thường thường là sợ đám sinh viên trên như sợ cọp. Nhóm sinh viên liên hội đã chứng tỏ có rất nhiều uy quyền với đám sinh viên tại các tỉnh Họ bảo đám sau này cái gì, là đám sau này nghe cái ấy.

— Làm sao anh biết được những điều đó ?

— Qua các lần tiếp xúc cá nhân với nhiều sinh viên tại Đức Hơn nữa, tôi xin kể cho anh nghe một trường hợp : Hôm tôi tới Stuegart để trình diễn, phái đoàn chia làm hai nhóm. Một nhóm đi trước đã tới nơi Một nhóm sau, trong đó có tôi vào các nghệ sĩ trình diễn. Mặc dù biết tụi tôi đã tới rồi nhưng những người trong nhóm liên-hội đã tìm cách phá, bằng cách phao lên rằng phái đoàn khinh người không tới trình diễn cho anh em sinh viên nghe Họ hô hào đòi dẹp bỏ luôn tất cả chương-trình trình-diễn. Và cuộc trình diễn hôm đó phải hủy bỏ. Nhưng sau đó, nhờ sự liên lạc của tôi với một nhóm sinh viên khác, nên chúng tôi đã trình diễn được trở lại. Đám sinh viên này tỏ ra rất e ngại. Họ phải nói đi nói lại là cuộc trình-diễn của tôi được mời chỉ với tính cách cá nhân chứ không phải với tính cách của Liên-hội sinh-viên Việt-Nam tại Tây-Đức.

— Anh có gặp một sinh viên cộng sản nào không ?

— Có một lần . Một hôm lớ ngớ thế nào, tôi vô trong một tiệm ăn tại Paris và gặp một sinh viên Việt-nam. Anh ta tiếp đãi tôi rất tử tế. Nhưng sau đó anh bắt đầu đổ tội cho người Mỹ về cuộc chiến tranh tại Việt nam và bắt đầu ca ngợi cuộc chiến đấu của Mặt-trận Giải-phóng.

— Anh có nhận xét gì về người sinh viên cộng sản đó ? Anh ấy có gì khác với người cộng sản tại miền Nam không ?

— Tôi không thấy có gì khác biệt. Giữa một sinh viên cộng sản và một cán bộ cộng sản, không có gì khác nhau. Tôi đã tiếp xúc với các cán bộ cộng sản ở Bộ Chiêu-hồi và tôi thấy anh ta cũng như vậy Nếu chấp nhận một

cách nhìn nào đó, những người cộng sản không làm tôi khó chịu bằng những sinh viên tại Pháp. Vì những người cộng sản còn có lập trường của họ, còn những người sinh viên Việt-Nam tại Pháp thì mù tịt về Việt-Nam. Họ không biết gì về Việt-Nam. Họ chưa từng chịu một chuyện gì đau khổ của những thanh niên Việt-Nam đang dự. Nhưng họ đứng ở ngoài mà vẫn phán xét về người Việt-Nam. Có nhiều người xem xong phim «Sóng đỏ» mới ngẫn ngơ nói rằng : Tại sao cho tới bây giờ mới đem phim này sang đây chiếu ? Lỗi cũng ở tại thông tin quốc ngoại mình quá kém.

— Điều đó cũng giống nhiều nhà trí thức hiện tại ở Saigon. Nữ ca sĩ Khánh-Ly trong một cuộc phỏng vấn của phóng viên cũng báo chí cũng cho biết là tới 80% sinh viên tại Pháp cho là cộng sản đã chiếm hết Saigon. Thưa anh, như vậy tình hình sinh viên Việt ở ngoại quốc cũng đã khá tạm đủ. Điều chúng tôi muốn biết : Anh nghĩ có cách nào để thay đổi những thái độ trên của họ hay không ? Anh có thấy bi quan về tình trạng anh vừa mô tả hay không ?

- Không có gì đáng gọi là bi quan cả. Có thể nói sinh viên Việt-Nam thuần túy cộng sản rất ít. Số đông chính là sinh viên tại miền Nam Việt-nam sang du học có tư tưởng thân cộng. Cũng còn một số sinh viên ba phải, và một số sinh viên hoạt động cho phía quốc gia. Nhưng chính ngay cả những người thân cộng này cũng không đáng ngại lắm. Vì chính họ không phải là cộng sản. Ngay miền Bắc họ cũng ít khi lôi kéo những sinh viên này về nước và chính những người sinh viên đó cũng không muốn ở miền Bắc. Họ chỉ ở ngoại quốc và có tư tưởng thiên cộng thôi. Tôi nghĩ cách hay nhất là cho họ về thăm nhà với bảo đảm sẽ cho họ trở lại tiếp tục việc học. Việc thăm nhà này sẽ tổ chức vào kỳ hè, như vẫn tổ chức tại Úc và Tân Tây Lan. Tôi đã gặp một vài sinh viên thuộc Tổng hội Sinh-viên Việt-nam tại Paris, sau khi về thăm nhà vào kỳ hè vừa rồi đã có lập trường khác hẳn.

— Anh quên là ở Pháp ảnh hưởng của các sinh viên cộng-sản tại đó cũng quan trọng. Tôi muốn nói tới các quán cơm Việt của sinh viên, các tiệm sách do họ tổ chức. ..

Thực ra họ đã quan trọng hóa vấn đề Các quán cơm cộng sản tổ chức cũng luộm thuộm, vắng vẻ và những tiệm sách, tôi đã đi qua, cũng chỉ lèo tèo như những quán nhạc Minh-Phát ở đường Lê-Lợi mà thôi.

— Như vậy theo cái nhìn của anh, vấn đề sinh viên tại Pháp không có gì đáng lo ngại nếu có một đường lối đối với sinh viên du học một cách rõ rệt Có nghĩa là, bằng cách này hay cách khác, phải cho họ rõ tình hình Việt-Nam một cách cụ thể, thay vì cứ hơi một chút lại dọa cúp chuyển ngân, tức là gây nên những bất mãn và đẩy họ vào con đường cộng sản. Nhưng từ nãy tới giờ bàn quá nhiều về lập trường sinh viên ở ngoại quốc, chúng tôi đã quên hỏi anh một điều, cũng là một trong những chuyện chính-yếu khi anh xuất ngoại. Đó là thái độ của các sinh viên ở ngoại quốc ra sao đối với những người trình diễn ca nhạc ?

— Như bất cứ đồng bào ly hương nào khác, khi xem trình diễn nhạc Việt-Nam họ rất thích, nhất là khi nghe trình diễn về dân ca.

Trong các ca sĩ đi theo phái đoàn họ thích nhất người nào ?

— Có lẽ Khánh-Ly. Tuy nhiên cũng khó nhận định một cách đích xác Một số người thích Khánh-Ly vì trình diễn đẹp. Một số người thích Thanh-Lan vì vẻ mặt xinh xắn của nữ ca sĩ này. Một số khác thích Phương-Oanh vì khoái nghe những bản nhạc dân ca v.v ...

—Có cuộc trình diễn nào làm anh xúc động nhất ?

— Cuộc trình diễn cho kiều bào tại một làng ở Bordeaux. Làng này tập trung những đồng bào Việt, quốc tịch Pháp. Đó là nơi ở của những người đã lập gia đình với những người Pháp, thời quân đội viễn chinh trước đây. Hơn mười năm nay các đồng bào tại làng này chưa hề được tiếp xúc với một người Việt-Nam nào trong nước qua đây, kể cả những người ở miền Bắc. Khi chúng tôi trình diễn họ nghe những bài vọng cổ, những bài dân ca miền Bắc, miền Trung họ đã khóc như mưa như gió.

— Anh có thể cho biết nhạc sĩ nào được người Việt khoái nhất hiện nay ?

— Trịnh-Công-Sơn Đi đâu tôi cũng được nghe nhạc Trịnh-Công-Sơn thâu băng Khi tôi tới nơi, các sinh viên đều hỏ : Trịnh-Công-Sơn có sang hay không ? Tại sao không sang ?

—Xin được hỏi anh một câu hỏi chót, trước khi chấm dứt buổi nói chuyện anh đã dành cho chúng tôi : Nếu anh được tự do, anh có ở lại ngoại quốc hay không ?

— Tôi chỉ xin kể cho anh nghe đời sống sinh viên ở bên Pháp và ở vài nước tôi qua. Đời sống tại Pháp và Tây Đức rất hối hả không phù hợp với tinh thần và cá tính của người Việt-Nam. Xin lấy một vài con số tại nước Pháp :

Chi tiêu trung bình của một sinh viên Việt-Nam du học tại Paris là 1000 quan. Mọi người nhận được số chuyển ngân hợp pháp là 600 quan. Trừ những sinh viên nhà giàu tìm cách chuyển tiền một cách lén lút, còn đa số phải đi làm thêm. Mỗi kỳ hè họ sang các nước A Phi để kiếm việc làm. Họ kiếm được khá nhiều tiền, có thể từ 5000 tới 8000 quan trong một tháng Những tiền đó dùng để ăn học cho cả năm. Họ phải dè xẻn lắm mới đủ sống. Giải trí ? Đi Opéra 50 quan, nhảy đầm 50 quan, xem Striptease 50 quan v. v. Tóm lại giải trí rất tốn kém. Hầu như họ chỉ còn thú giải trí là đi ciné hoặc la cà trong các quán cà phê tại khu sinh viên. Giờ học ở Pháp cũng như ở Việt Nam. Hôm nhiều giờ, hôm ít giờ. Những hôm có một, hai giờ học xong họ lại la cà vào quán. Đời sống rất buồn nản. Một số khác vùi đầu vào học. Sống như vậy, rất chán Tôi có gặp một ký giả trẻ anh T.C.S. hiện đang làm việc cho tờ "Tin Quê Hương" của Việt-Nam Anh cũng nói với tôi cảm nghĩ tương tự. Hiện S không bận bịu gì lắm. Tôi hỏi anh có học hành thêm g không S trả lời Ở nước này có cái chó gì để mà học ! Thực vậy, nền hành chánh của Pháp cũng bê bối Về giấy tờ, tôi đã phải gặp nhiều viên chức Pháp. Họ cũng chạy hỏi lung tung như ở Việt Nam dù chính việc của họ

Có lẽ những người ở xa, những người chưa rõ về Việt-Nam, nên không dám về nước...

Chúng tôi cười, nói với anh Quang : Nghĩa là anh «xin chọn nơi này làm quê hương cho dẫu khó thương » ?

Anh Quang cũng cười.

TRẦN-ĐẠI

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão Sài-gòn :
Dây nói . 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Truyện của BÙI-KIM-ĐÌNH

ĐỐT XÁC

Ngọn đèn bấm trên tay Quyên loang loáng sáng. Nàng thoăn thoắt đi tới bờ giếng, dừng chân đứng trên một bực cao, nhìn qua bức tường. Ba Xâm đang lui cui bên một bếp lửa. Ánh sáng lập lòe làm khuôn mặt. Ba Xâm già nua thêm. Vóc dáng chú thu nhỏ hơn trong bộ đồ cũ kỹ nhăn nheo tiệp với màu đất. Mái tóc Ba Xâm dài gần phủ ngang vành tai, dầy cộm, lắc lư theo chiều tay cầm con dao mài trên phiến đá. Ba Xâm có vẻ chăm chú miệt mài với công việc. Thỉnh thoảng bếp lửa bừng lên sáng rỡ, vẽ vài một vệt sáng phản chiếu từ lưỡi dao thoang thoáng trong bóng tối của một cụm tre. Tiếng dao soèn soet làm Quyên hơi rùng mình :

— Chú có hay tin gì lạ hôn, chú Ba ? Hình như có lộn xộn đó.

Ba Xâm ngẩng mặt lên, giọng chú thoáng ngạc nhiên :

— Cô Tư đó heng ? Cô chưa hay gì sao ? Mấy ông đó dìa đông lắm, nếu họ kéo vô ấp mình là có đụng lớn à.

Ba Xâm vẫn mài lưỡi dao trên phiến đá. Quyên nói đùa :

— Bộ chú tính mài dao đón mấy ông đó hả ?

— Dỡn sao cô Tư ! Lúc nãy ra đơm cá tôi bắt gặp con heo chết kẹt cầu con heo bị đạn, còn nóng hổi cô Tư à. Qua coi tôi mổ heo cô Tư — Ba Xâm chỉ vào một gốc tre — Chừng mổ xong tôi sẽ có chút đỉnh mang biếu ông bà Hai và cô Tư ăn lấy thảo.

Quyên thấy lờ mờ một vệt đen trong bóng tối. Nàng vừa định bước xuống thì giọng Ba Xâm níu lại :

— Cô Tư cho tôi ít tiêu ớt nghe cô Tư. Thịt này ăn cay nồng mới ngon. Ở bển, ông Hai không bao giờ dùng rượu he cô Tư ? Nhà tôi còn chừng già nửa lít để cô Tư à. Mà điều đủ thiếu gì bao nhiêu đó.

Giọng Ba Xâm chợt lớn hơn và có vẻ hậm hực :

— Cái thằng chó đẻ bán tạp hóa thiệt dễ ghét cô Tư à Hội chiều tôi xém uýnh lộn với nó. Tôi muốn mua luôn một lít để mà không đủ tiền, thiếu có hai chục mà nó không chịu, nó chỉ bán cho tôi già nửa lít hà Thằng thiệt chó đẻ, tôi mua hàng nhà nó bao nhiêu lâu mà nó sợ tôi quỵt mấy chục.

Có vài tiếng súng nổ lác đác, giọng Ba Xâm hạ thấp có vẻ quan trọng:

— À cô Tư ơi, cậu Thìn theo V.C chừng bao lâu hả cô Tư ? Hồi tối tôi thấy bóng cậu Thìn cũng kéo về xóm dưới đó.

Quyên thở dài, bước vồn hà, bồn chồn lo lắng. Đầu óc Quyên chĩu nặng những ý nghĩ về Thìn, tuy là đứa em chú bác, nhưng Thìn đã sống trong gia đình nàng từ tấm bé, đến ngày nó trốn theo bên kia. Quyên ước mong là thìn không có mặt ở thôn ấp mình đêm hôm nay.

Trận chiến đổ xuống thôn ấp Quyên như một cơn bão tố đã kéo dài qua hai bữa cơm mà súng còn nổ liên hồi, thỉnh thoảng có tiếng súng lớn và lựu đạn nổ gần đâu đó làm đất cát rơi rào rào cùng với tiếng cây đổ ngoài vườn sau. Xen lẫn tiếng súng, đôi lúc có tiếng người kêu thét. Căn hầm trú ẩn tối om Quyên thấy bóng dáng ba má nàng ngồi dựa lưng vào vách đất. Những lúc bà Hai ngừng tụng kinh, Quyên tưởng chừng nàng nghe rõ từng nhịp thở của ba má nàng. Tuy thế nàng cũng không thể định hướng được nơi phát xuất tiếng súng và những tiếng la thét. Quyên nhìn ông bà Hai và nàng không nói lên ý nghĩ là mình đang lo lắng về chuyện Thìn.

Chợt trên miệng hầm có tiếng chân người và có ánh sáng lập lòe. Quyên lo sợ nép sát vào người cha và bóp bóp bàn tay mẹ Nhưng có tiếng trẻ khóc và có tiếng của Ba Xâm.

— Cô Tư ơi ! Ông bà Hai ở cả dưới hầm đó heng ?

Ông Hai lên tiếng :

— Chi đó chú Ba ? Xuống hầm lẹ lên chú Ba !

Một tay Ba Xâm ẵm một đứa nhỏ, một tay cầm chiếc đèn hột vịt nhảy tọt xuống hầm gọn và nhanh như một con sóc. Tuy thế ngọn đèn trên tay chú cũng chao đi. Ánh sáng chập chờn soi khuôn mặt chú dính đầy bụi đất. Ba Xâm nói một hơi :

— Trời đất ơi, uýnh lớn quá ông Hai ơi ! Chú đặt ngọn đèn và đứa bé xuống nền đất cùng một lúc — Ông bà Hai có biết thằng nhỏ con ai đây hôn ? Con thằng cha tạp hóa đó, nhà chả chết ráo trơn ráo trọi chỉ có thằng nhỏ sống sót.

Ba Xâm ngừng để thở rồi nói tiếp :

— Hồi tối đến cơn ghiền nên tôi len lỏi ra nhà thằng cha bán tạp hóa để mua vài xị đế. Sui cho tôi là mấy lít đế bể ráo trơn ráo trọi. Nhà chả bị đạn lớn, hai ba trái, một trái trúng ngay hầm. Vợ chồng con cái gì chết ráo. Chỉ có thằng nhỏ này đang loay hoay khóc bên xác má nó, tôi ẵm về đây.

Thằng nhỏ lại khóc, cặp mắt ngơ ngác xa lạ Bà Hai vuốt vuốt tay lên lưng nó.

Ba Xâm nhìn Quyên :

— Thằng nhỏ sống sót thiệt kỳ he cô Tư ? Tội nghiệp nó, hay cô Tư nhận nó làm con nuôi đi. Ở mà cô Tư còn nhỏ nhận nuôi con sao đặng mà ông Hai bà Hai thì già. Phải chi con vợ tôi mà còn sống, tôi bắt nó nuôi hà.

Vẻ thành thật ngô nghê của Ba Xâm làm Quyên cố nén một nụ cười :

— Vậy chớ chú nuôi con nuôi không được sao ?

— Tôi mà nuôi thì nó chết đói. À mà ông Hai, bà Hai và cô Tư qua nay dùng cơm gì chưa ? Nhà tôi không còn một hột gạo. Cô Tư cho tôi vài nắm gạo nghe Thiệt khổ, hết rượu, hết gạo luôn.

— Má tôi có cho tôi lên khỏi hầm đâu mà cơm với nước.

Một tiếng nổ lớn ngắt tiếng nói của Quyên. Thằng nhỏ lại khóc ré lên. Khuôn mặt nó càng thêm vẻ ngơ ngác vì một vệt máu đen còn bệt ở mang tay. Chợt giọng Ba Xâm nhỏ đi.

— Ông bà Hai thì già mà cô Tư còn nhỏ. Thôi tôi nhận thằng bé này làm con nuôi. Trong gia đình tôi, tôi cũng sống sót như nó.

Bà hai lên tiếng :

— Hũ gạo nhà tôi để ở trong bếp đó Chú đưa dùm tôi xuống hầm một bếp dầu với nồi gạo sẵn nước đặng nấu cháo nghen ! Chắc thằng nhỏ này khóc vì đói, bụng nó mềm xèo hà.

Quyên dợm đứng lên nhưng Ba Xâm đã nhảy lên miệng hầm. Bên ngoài tiếng súng nhỏ vẫn nổ dòn dã. Anh sáng mù mờ của ngọn đèn hột vịt làm Quyên có cảm tưởng là trong hầm trú ẩn giảm bớt mùi ẩm ướt của đất Quyên ngồi dựa lưng vào tường và nàng thấy bớt cái cảm giác lạnh ở sau lưng. Bà Hai vẫn tô dỗ đứa bé. Ông Hai tuy có lộ nét lo âu nhưng vẫn giữ được vẻ trầm tĩnh. Đầu ông hơi cúi xuống, những nét nhăn ở bên con mắt dài và sâu hơn.

Đứa nhỏ trong tay bà Hai vẫn khóc. Một vệt sáng hỏa châu rực rỡ trên miệng hầm. soi rõ khuôn mặt đứa bé nhăn nhó, miệng nó há ngoạc ra và một giòng nước mắt làm vệt máu ở mang tai nó nhòa đỏ Bà Hai có vẻ nôn nóng :

- Sao chú Ba Xâm ở trển lâu dữ thần. Thằng bé đói quá trời nè. Hổng biết có gì ..

Ông Hai lên tiếng :

— Chắc chú ấy đi kiếm rượu mà. Chú ấy nhanh như chuột, sợ gì.

Nhưng rồi chính ông Hai cũng phải nóng ruột vì sự vắng mặt quá lâu của Ba Xâm. Ông vừa định trèo lên miệng hầm thì Ba Xâm lom khom đi tới. Chú xách theo khay cơm có một chén nước mắm ớt và một đĩa thịt kho đang nghi ngút bốc khói. Quyên day mặt vào vách đất để dấu một cái nhíu mày, nàng chợt nhớ tới con heo trôi sông có cái bụng nở bự. Quyên đang bối rối thì ông Hai lên tiếng :

— Trời đất này mà có thịt kho nữa sao ? Thôi để chú nhậu. Lúc này có cơm ăn là quý lắm rồi.

Giọng Ba Xâm có vẻ thành khẩn :

— Tôi có lòng mà. Lẽ ra tôi biếu ông bà và cô Tư từ bữa qua nhưng bị có lộn xộn. Ông bà Hai và cô Tư ăn lấy thảo mà. Tôi thiệt tình có lòng mà.

Quyên nói dối :

- Bộ chú quên là ba má tôi ăn chay trường sao ? Thôi còn ít để chú nhậu đi.

Ba Xâm cười :

— Tôi nhậu đâu cần mồi mà thịt kho nhậu đâu có tới, cô Tư ! Mà cô Tư đừng xí gạt tôi chớ, ông bà Hai ăn chay có bốn ngày hà.

Bà Hai dùng ngón tay quén cơm đút cho đứa bé nhưng đứa bé vẫn khóc làm những hạt cơm vung vãi ra khỏi miệng nó. Ba Xâm khịt khịt mũi rồi nói :

— Người ta chết nhiều quá bà Hai ơi ! Ở dưới hầm này đỡ đỡ chớ ở trển hôi rình à. Chợt giọng Ba Xâm hạ thấp Bên mình rút vô đồn rồi. Bên kia họ đã chiếm hết đồng xã và đang công đồn. Hồi nãy họ đi ngang cửa nhà tôi, tôi thấy rõ ràng có cậu Thìn nữa đều tôi không dám lên tiếng gọi Toán cậu Thìn đi có ba người hà. Cậu Thìn với thằng Bình.

Câu nói của Ba Xâm đã kéo tia nhìn chăm chú của mọi người trong hầm về phía chú.

Ông Hai lên tiếng :

— Chú thấy tình hình sao ? Sao Saigon không tiếp viện.

— Chắc mới gửi xuống đây, ông Hai Lúc qua nhà thấy Tám xin rượu, tôi nghe thấy Tám nói là quân tiếp viện từ Giòng ông Tố đổ xuống đã vây

bên kia quanh đồn vòng nữa. Thôi, ông bà Hai và cô Tư dùng cơm đi.

Quyên không trả lời Ba Xâm mà nàng liếc nhìn đĩa thịt heo vẫn đang nghi ngút bốc khói một cách lo lắng. Quyên băn khoăn không biết là má nàng có biết đó à một thứ thịt đã trôi sông không ? Bụng đã đói meo, nhưng Quyên cố dùng dằng không sới cơm cho ba má nàng. Quyên nghe cái gì khó chịu vướng mắc nơi cuống họng, nhứt là từ lúc Ba Xâm nói là ở trên có mùi sình thúi của xác chết. Quyên nói để dấu sự lúng túng :

— Nhà thầy Tám có rượu không chú?

— Tôi thiệt sui, rượu thầy Tám để trên lầu mà cầu thang bị sụp vì trúng đạn lớn. Mà dù còn cầu thang chưa chắc tôi đã dám lên vì đạn bay veo véo mình đâu dám lên cao.

Ba Xâm nhìn ra phía nấp hầm rồi tiếp lời:

— No bụng cơm rồi, bây giờ tôi phải đi kiếm chút rượu. Thiệt không có rượu mình mầy như bị đơ dáy ngứa ngáy. Nói xong, Ba Xâm lại nhảy lên miệng hầm. Tiếng bước chân của chú xa dần. Tiếng súng vẫn dòn dã. Đôi lúc tiếng máy bay gào thét rú lên làm Quyên tưởng như máy bay đang chúc xuống đầu nàng. Sau bữa cơm đứa bé vẫn chưa ngủ, và mặt nó có vẻ ngơ ngác sợ hãi.

Đến sáng tiếng súng thưa thớt dần rồi ngừng hẳn. Bên ngoài có tiếng người đi rầm rập và tiếng nói lao xao. Quyên lên khỏi hầm trú ẩn với dáng mệt mỏi và nét lo âu vẫn còn trong tia nhìn. Cửa vẫn còn đóng kín nhưng căn nhà tràn đầy ánh sáng vì mái tôn có nhiều lỗ đạn nhỏ, chi chít màu da trời. Quyên đi thật chậm ngang qua bờ giếng. Bức vách ngăn qua nhà Ba Xâm đã xụp đổ, gạch vữa ngổn ngang trên lối đi, xác lá tre đầy trên mặt đất. Ông Hai đứng bên đống gạch vụn lên tiếng kêu Ba Xâm, nhưng không có tiếng chú trả lời. Đứa nhỏ trên tay bà Hai nói bi bô, mắt nó ánh lên vệt sáng khi bà Hai đi ngang qua tia nắng.

Một cơn gió lùa tới, lá tre xào xạc vẻ bóng lung lay trên lối đi. Nắng đã lên cao, gió không còn hơi lạnh sớm mai nhưng Quyên rùng mình vì một mùi hôi thối. Nàng lấy chai dầu thoa cay mũi rồi định mở cửa lớn nhìn ra đường. Ngoài đường có đông người đứng lố nhố bàn tán. Nhưng chỉ toàn là dân trong xóm. Hình như họ chưa dám đi xa, họ đứng lu bu quanh đống gạch đổ.

Cái cảm giác rờn rợn càng tăng khi Quyên thấy một xác chết nằm lừa một cánh tay vào đống gạch vụn trước cửa ông Tám nhà lầu. Xác chết dấu mặt trong một vạt áo màu nâu bị gió tốc lên Phần dưới xác chết trắng hếu, hơi phình ra loang lổ máu và nước vàng. Một vài chỗ rứt nẻ ruột phòng lòi ra như một con rắn trắng bất động và nổi vân vì kiến đỏ và ruồi. Tuy thế hai chân của xác chết, có dáng nằm dạng ra thoải mái nếu bàn chân không sưng vù và mất một vài ngón. Quyên không dám lại góp chuyện với mọi người chung quanh xác chết. Nàng tưởng như những sợi tóc đang chập chững trong gạch vụn còn vương khắp đâu đó. Nàng hướng tia nhìn về cột khói ở xóm trên. Quyên tưởng tượng ra căn nhà sụp đổ và những xác chết của gia đình anh Tạp hóa. Quyên nghe có tiếng khóc ở nhà chị Tư Quỳ Chợt mọi người đều hướng nhìn về con đường đất hẹp dẫn ra đồn lính theo lối tắt

Ba Xâm đang loay hoay quanh một xác chết dưới một cụm tre. Ba Xâm có vẻ chăm chú tìm tòi một thứ gì. Lát sau chú quay lại đi về hướng mọi người và lên tiếng:

— Êm rồi, họ rút đi hết cả rồi !

Ba Xâm trở thành cái đinh cho mọi người nhìn và nói Ba Xâm không trả lời từng người. Chú lên tiếng nói là chú vừa đi một vòng khắp xóm trên xóm dưới. Chú chỉ vào xác chết bên đống gạch vụn :

— Cái này mà ăn nhằm gì. Người ta chết nhiều lắm bà con ơi ! Xác đầy nghẹt trên dây kẽm gai quanh đồn, ruột gan lòng thòng. Ôi chao ! Chết gì mà kỳ, ở trước nhà chị tư Quỳ đó, ruột người ta còn tòng teng trên ngọn tre.

Chợt giọng Ba Xâm cao hơn:

— Bà con nhớ thằng Bình, em chị Tư Quỳ đi theo phe bên kia không ? Nó dự trận này và chết ở ven bờ sông. Tội nghiệp chị Tư Quỳ, đứa con gái lớn của chị, em thằng Bình đó cũng bị đạn chết hồi hôm. Nhà chỉ có hai cái xác nằm chình ình.

Mọi người nhao nhao hỏi, Ba Xâm không trả lời, chú lầm lì đi về hướng Quyên :

— Sáng giờ tôi có đi kiếm xác và nhìn mặt nhưng không thấy xác cậu Thìn. Còn nhiều xác tôi chưa coi, nhứt là ở bờ sông, thằng Bình chết ở bờ sông. Tôi nghi là xác cậu Thìn cũng dám ở bờ sông lắm. Hồi hôm, tôi thấy cậu Thìn đi chung với thằng Bình.

Quyên nhăn mặt khó chịu. Ba Xâm nói tiếp ;

— Lát nữa tôi đưa ông Hai ra bờ sông coi.

— Ba tôi già mà bịnh đi sao được ?

— Vậy chớ, cô Tư có đi không ?

— Phải đi chớ, chú phụ tôi nghen, mà chắc gì thằng Thìn chết, Biết đâu... Mà đều tôi phải hỏi ba tôi đã.

Nắng nỗi lúc một gắt, gió lùa bay hơi nồng nặc khắp đây đó. Chai dầu nhị thiên đường của ông Tám nhà lầu được chuyền qua tay người này người khác. Chợt ông Tám nhà lầu lên tiếng :

— Tôi đề nghị với bà con lối xóm điều này nghe. Nhà nào có bao nhiêu ét xăng, dầu lửa chung đụng lại hết để đốt mấy cái xác này. Bà con nghĩ xem, trời nắng to gió lớn, mùi hôi này cũng đủ bệnh mà chết. Nhứt là mấy con ruồi mắc dịch này. Người lớn cũng phải bệnh chớ đừng nói con nít.

Một người lên tiếng phản đối :

— Thế còn Hội đồng xã đâu ? Quân đội trong đồn đâu ? Họ phải lo chớ !

Có tiếng Ba Xâm :

—Hội đồng xã chưa dìa mần việc. Lính trong đồn còn đang truy kích Việt-Cộng.

Ông Tám nhà lầu nói điều mình đang nghĩ :

— Bà con nhớ hồi trận giặc ở xóm dưới không ? Xác để thành đòi thành bọ đó, con nít trong xóm bệnh hết ráo trọi. Mấy xác này độ chừng chiều tối là có bọ hà. Mà xóm dưới họ cũng đốt xác đó !

Chợt ông Tám quay nhìn Ba Xâm :

— Việc này phải nhờ tay chú Ba. Bà con lối xóm không quên ơn chú Ba đâut Chúng tôi sẽ gom góp mỗi người chú. đỉnh.

Mọi người đều nhao nhao lên tiếng nhờ cậy Ba Xâm. Ba Xâm nói :

— Đốt thì đốt nhưng phải kéo xác ra

đồng — Ba Xâm khịt khịt mũi — Làm cho lối xóm tôi hồng mong lấy tiền nhưng nhưng đều nhà thầy Tám còn rượu không ? Mấy chai trên lầu có bề không ? Tôi chỉ có rượu hà, không có rượu làm việc hết nổi.

Ông Tám vụt chạy vô nhà, lát s u trở ra tay xách chai rượu đưa cho Ba Xâm:

— Thiệt tình là nhà tôi không có để, chỉ có chai rượu này là còn nguyên

— Rượu gì đó, thầy Tám ?

— Rượu số 7

Ba Xâm mở nút rượu tu một hơi có vẻ khoan khoái. Chú khà một tiếng rồi hỏi :

— Rượu Huê Kỳ hả thầy Tám ? Rượu xếp hạng số 7 bèn chi hồng ngon bằng đế. Chắc rượu này nó không ủ lá chuối khô, không thơm, thiếu mùi lá chuối khô.

Ba Xâm quay sang Quyên nói nhỏ :

— Đợi tôi kéo xác này ra đồng rồi tôi dẫn cô đi tìm xác cậu Thìn ha cô Tư. Hồi nãy ông Hai biểu tôi dẫn cô Tư !

Quyên không trả lời Ba Xâm cầm chai rượu tu một hơn rồi cầm một viên gạch ném vào xác chết. Những con ruồi đen vo ve bạy lên, mọi nnười chạy dạt ra né tránh. Cạnh Ba Xâm bây giờ chỉ có chai rượu và con chó mực của nhà Quyên. Chợt Ba Xâm xoay người đá thật mạnh vào đít con chó. Con vật kêu ăng ẳng rồi chạy hút vào bụi tre.

Ba Xâm nói vọng với Quyên.

— Cô Tư à, hồi sáng tôi thấy con chó mắc dịch này gặm một bàn chân người ta, đi lang thang ở đồng đó !

Ba Xâm lại dốc ngược chai rượu tu một hơi dài. Sau một tiếng khà có vẻ khoan khoái chú lên tiếng bâng quơ đòi sợi dây thừng Rồi Ba xâm để chai rượu ở gần đầu xác chết và lom khom nhặt những cục gạch đè lên cánh tay xác chết ném ra xa Xong chú luồn sợi dây thừng qua khe hở giữa ngay xác chết và đất rồi dùng hai tay cầm hai đầu giây nâng lên và đẩy mạnh về phía trước. Đoạn chú luồn sợi dây qua hai bên nách và thắt nút sợi dây trên vòng ngực nạn nhân Tất cả mọi người im lặng theo dõi một cách vừa chăm chú vừa thận trọng dè dặt. Ba xâm vẫn lầm lì bình thản. Chú quay người lại đâu lưng vào xác chết. Tay trái Ba xâm cầm chai rượu và tay phải chú đưa ra sau lưng nắm đầu sợi giây kéo xác chết xê dịch một cách chậm chạp. Mọi người cũng chậm chạp di chuyển nối đuổi theo xác chết. Họ tẽ ra hai bên để tránh vết hằn do xác chết in trên nền đường.

Mặt Ba xâm đỏ và khô cằn trong nắng trưa Dáng lầm lì của chú có vẻ quan trọng của một người dẫn đầu một đám rước. Thỉnh thoảng Ba Xâm lại tu một hơi rượu nhưng chú không ngừng bước. Sợi dây thừng nối liền tay Ba Xâm và xác chết luôn luôn căng và dốc lên Hai vạt áo trước trên mặt xác chết bây giờ đã tuột xuống dưới nhưng không che nổi khoảng da thịt căng phình ra ở bụng. Một vài đoạn ruột ở miệng vết thương trên bụng nạn nhân như những con rắn lấp ló lay động ở miệng hang đen hịt máu. Cằm xác chết hếch ngược lên trời những ngón tay dậy nát co quắt, và hai cách tay của nạn nhân thỉnh thoảng lắc lắc như từ biệt mọi người, mỗi khi xác chết được kéo lê qua một cái ổ gà. Bầu không khí chỉ có tiếug gió.

Quyên bịt chặt khăn mùi soa ở mũi.

Có lúc Quyên định quay về khi nàng thấy choáng váng và hoa mắt. Quyên tưởng tượng là trong bụng xác chết có tiếng ọp ẹp và có hơi sì ra như một trái banh khi một vài chiết nút áo trên bụng nạn nhân bị bứt, chiếc thì bứt khỏi áo lăn xuống mặt đường, chiếc thì còn vướng sợi chỉ kéo lê theo xác chết. Quyên nhắm mắt cầu nguyện cho Thìn Nàng mong Ba Xâm đốt xác xong sớm để nhờ chú dẫn nàng ra bờ sông

Mặt Ba Xâm mỗi lúc một hồng lên trong nắng trưa. Chú vẫn cúi cúi bước đi, không lên tiếng và cũng không quay lại như thể coi phía sau không có ai Đến khi tới bờ ruộng, Ba Xâm dật mạnh dây lôi xác chết rơi xuống một rãnh khô.

Rồi ngọc lửa đốt xác bùng lên khói đen cũng lên cao và tỏa rộng. Quyên vẫn bịt chặt khăn mùi xoa ở mũi song nàng vẫn như thấy có mùi khét lẹt và gây gây. Quyên không khỏi rùng mình tưởng như xác chết đang cọ quạy, mình muốn dẫy dụa trong ngọn lửa. Mọi người vẫn im lặng. Bầu không khí bây giờ có gió mạnh hơn và tiếng lửa reo lách tách, chợt ông Tám nhà lầu chỉ vào trong xóm rồi nói reo lên :

— Bà con cô bác thấy không ? Trong xóm trên, xóm dưới người ta cũng đang đốt xác sình thúi. Những ngọn lửa nhỏ, khói đen kia đúng là lửa đốt xác rồi. Đúng là họ đốt dọc dọc theo bờ sông

Mọi người đều quay lại nhìn những cột khói đang vương lên cao. Nhưng tất cả đều im lặng vì có tiếng loa văng vẳng vọng tới :

«Đồng bào chú ý.

Yêu cầu đồng bào hãy ngừng việc đốt xác. Nếu xác nào đã đốt, xin đồng bào đốt cho cháy hết để giữ vệ sinh chung. Các anh em quân đội đã bắt đầu đi kéo xác về địa điểm ấn định. Ngoài ra xin lưu ý đồng bào là Hội đồng xã đã làm việc như thường lệ. Vậy nơi nào có xác chết, xin đồng bào thông báo gấp cho Hội đồng xã, để anh em quân đội tới kéo đi. Ai có thân nhân bị thương, xin đồng bào báo gấp Hội đồng xã để có phương tiện tải thương...»

Có tiếng ồn ào bàn tán của mọi người. Ba Xâm quay lại tìm Quyên :

Cô tính sao cô Tư ? Quân đội họ tập trung xác chết lại đó. Mình dợi chiều hãy đi tìm xác cậu Thìn hay tìm bây giờ.

Quyên nhăn mặt :

— Ba má tôi nóng ruột lắm vì chú thiếm tôi không ở đây, nếu có gì phải cho chú thiếm tôi ở Saigon hay gấp. Vậy tôi nhờ chú dẫn tôi đi ngay bây giờ, ra bờ sông. Thằng Ninh chết ở bờ sông ha chú ? Mà chắc gì em Thìn tôi chết, chú đừng nói đi tìm xác nó. sui nghe chú Ba.

oOo

Quyên buông tay mùi xoa trên mũi rồi nhìn ông bà Hai :

VIÊN THUỐC HỒNG CÔ SINH-TỐ C
Neurô Tonic
Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bổ bổ óc
Tăng cường trí nhớ

— Con với chú Ba đi từ xế chiều tới giờ đó mà không thấy gì. Con hy vọng là thằng Thìn chưa sao đâu má à. Con và chú Ba đi dọc suốt bờ sông vòng ra đồn nữa mà không nhìn được nó. Tuy nhiên có nhiều xác đốt rồi và nhiều xác mặt mũi nát bấy nên mình không dám nói chắc ra sao.

Ông bà Hai im lặng, lo âu suy nghĩ Chợt bà Hai chỉ buồng trong :

— Sao trong buồng có mùi hôi kỳ lắm con à. Con có nhớ chú Ba Xâm hồi sáng có nói là chú thấy con chó nhà mình ngoặm một bàn chân đi lang thang không. Má chỉ sợ nó tha đồ đó vô nhà mình thì sui lắm. Má có qua bên thày Tư và chú Ba thì nhà họ hết mùi hôi rồi. Má kiếm hoài không thấy chi. mắt con tinh thử vô kiếm coi.

Quyên vội bước vô nhà. Nàng lục đục một lúc rồi reo lên mừng rỡ :

— Không phải người ta má ơi ! Xác con chuột bự lắm chết trương phình hà.

Nói song, Quyên bình thản cầm đu i chuột chết dơ lên, đi ra hướng cánh đồng.

Khi Quyên trở vô nhà thì trời đã nhạt nắng. Nàng thấp thoáng thấy bóng Ba Xâm đang bồng đứa con nuôi, à ơi ru nó ngủ cạnh đống tướng đồ.

BÙI-KIM-ĐÌNH

Trích trong «ĐỐT XÁC»

REGAST. T.

– Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
– Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

VAN HONG PHAT

Chuyên sản xuất các loại trà danh tiếng
Bán sỉ và bán lẻ

Số 45-47 Đường Nguyễn-văn-Thạch
Chợ lớn

Điện thoại : 38.292

VAHOPHA CHOLON

✧ *phát hành tháng 12-1969 :*

NHÂN CHỨNG

★ Tuyển tập thơ văn Đông Xuân 1970
★ 50 tác phẩm của 50 tác giả hiện đại
★ Một cố gắng lớn lao của cơ sở xuất bản Nhân Chứng

Những khuôn mặt

Thơ TƯỜNG-LINH

1

mắt mờ qua những chiều sương
nối xa vạn dặm bằng hương nguyện cầu
đêm dài nhìn ánh hỏa châu
nhớ con mấy đứa từ lâu không về
hồn liền với mảnh tình quê
tiều tôn run rẩy bốn bề cuồng phong.

2

thương vương ba hướng mịt mờ
bao giờ đoàn tụ bên bờ sông xưa
bếp nghèo lửa ấm chiều mưa
cơm chia áo xẻ cho vừa tình nhau
bầy em tóc vẫn xanh màu
cạn ly rượu tiễn mùa đau thế tình.

3

một xuân ta thiếu rượu đào
còn gương dương lễ ngọt ngào tâm tư
ngày đi không kịp giã từ
lòng mơ chép vạn dòng thư gửi về
tin mùa cuốn giấc hôn mê
lời tim, thơ hẹn xin đề tặng ai.

Thư về Đại-Lộc

Thơ HẠ-ĐÌNH-THAO

con ở phương xa nhớ về quê nội
chắc mẹ buồn nhiều trong những đêm đông ?
nghĩ đến tuổi già, đời qua rất vội
nghĩ đến thằng con, lang-thang ruổi-dong

cũng muốn về thăm như từng mong đợi
nhớ lũy tre xanh, thương những con đường
ngọt giọng à ơi... khu nhà xóm núi
nhịp chân vội vàng, những sớm tinh sương

nhưng về làm gì... ừ thôi, mẹ hiểu !
gần nửa đời con, trên đường long đong
gần nửa đời con, chưa tròn manh chiếu
như bây giờ ngồi chơi với tay không

con ngửa bàn tay, tự bàn tướng số
đường đời thật dai, chắc sẽ sống lâu
chắc sẽ đổi thay, lẽ nào mãi khổ !
hạnh phúc đường này, chắc sẽ đến mau

con mong ngày vui trở về thật sớm
để mẹ thôi buồn trong những đêm đông
con vẫn lòng tin như ngày mới lớn
nên còn miệt mài trên đường ruổi - dong.

Blao, 22-7-69

Truyện của NGUYỄN-TĂNG-LIÊN

Sống trên đời

Những lần ngồi ở quán này tôi thấy thật dễ chịu quên đi được những nỗi buồn phiền lo lắng và bao nhiêu sự mệt nhọc sau một ngày làm việc vất-vả

Nhìn con đường trước mặt chắc cậu không hài lòng phải không ? Con đường hôi hám thật muốn tởm, những vũng bùn lầy lội, màn nước đục lềnh không biết có từ bao giờ mà kinh khủng thế. Mỗi khi có một chiếc xe chạy qua là bùn văng lấm đầy người. Đến đây ngồi thế nầy là cả một sự khó khăn ghê gớm phải không cậu ? Ấy thế mà mấy tháng nay tôi rất trung thành thành với nó, chiều nào tôi cũng ngồi ở cái bàn này, chiếc ghế nầy. Những vũng bùn sền sệt, màn đất xám xịt nhảo nhoet dưới mỗi bước chân của khách qua đường đối với tôi như một khung cảnh quen thuộc, nó có một sức hấp dẫn ghê gớm luôn luôn bám sát vào đôi chân tôi dưới đế đôi dày da bần thỉu này.

Nhưng mà uống đi chứ người bạn trẻ của tôi ơi ! Thanh niên gì mà yếu thế ? Mới có một ly mà đã say rồi Cậu có muốn tôi gọi là Nguyễn thị không ? Thâm một ly nữa đi. ờ... ờ .. ít ra cũng phải vậy chứ. Khi nào buồn cậu ghé vào đây làm vài ly, gọi một đĩa luộc, một đĩa rựa — mận, phải có một đĩa dồi nữa chứ. Ấy, rồi cậu cứ tha hồ mà chén Ăn một miếng đi, làm gì mà nhút nhát thế. Lần nầy là lần đầu tiên cậu mới ăn thịt chó phải không ? Cậu lại giống tôi rồi. Hồi trước tôi cũng có ý nghĩ như cậu, ai lại ăn thịt chó. Cứ nghĩ đến lũ chó ở nhà hằng ngày phải giải quyết bao nhiêu là đồ thừa thải, cặn bã trong bụng lũ trẻ con là cậu tởm chứ gì ? Nghĩ như vậy là lầm to, vì chẳng có loại thịt nào thơm ngon bằng chó, ăn vào bổ cả tì-vị. Mùa nầy làm mùa nắng rồi đó, cậu cứ ăn thử vào xem, thật tuyệt diệu, không có thuốc nào ôn hàn bằng nó mát mẻ dễ chịu lắm cậu ạ, cậu cứ tin tôi đi. Đó... đó... lát thịt luộc tròn lẳng như một khúc chả dò, chấm với mắm tôm thêm vào vài ngọn rau húng, một mẩu ngò tàu, một tí riềng nữa. Đúng rồi, thật đúng rồi ! Không còn chê vào đâu được, ăn vào mát miệng như thấm vào tận ruột gan. Tôi chịu cậu lắm.

À ! Mà cậu nghĩ sao về tên của quán này. «Sống-trên-đời», cái tên hay đấy chứ. Cha chủ quán này thật sành tâm lý nên mới chọn tên quán hay đến thế.

Sống trên đời không ăn miếng thịt chó.

Chết xuống âm - phủ biết có hay không ?

Lấy ba chữ đầu của câu tục-ngữ mà đặc tên cho quán thật tuyệt diệu phải không cậu ? Đọc ba chữ đầu là bắt buộc ta phải liên tưởng đến câu tục-ngữ và biết ngay quán bán gì, nó làm tăng thêm giá trị cho khách khi vào quán vì ai cũng có thừa trí thông minh để mà suy xét cả.

Kìa ! Ăn đi chứ. Đừng khách sáo, câu chuyện còn dài mà. Uống nữa đi, uống cho quen đời. Đời bạc bẻo lắm, toàn là chó má cả. Cứ uống đi.

Tôi chỉ là một tên thợ máy, dù không giỏi lắm và không phải là thợ chính đi nữa, trên danh nghĩa nghề nghiệp tôi vẫn là tên thợ máy. Phải — Năm thợ máy là tên tôi. Tôi không ngờ là tôi có nghề thợ máy. Hồi đó tôi làm lơ xe đò cho một hãng xe chạy đường Phan-thiết được gần một năm. Một hôm xe tôi qua khỏi Rừng-lá ngay quảng Suối-cát thì gặp nạn. Xe đang ngon trớn qua mặt một chiếc xe be chở cây, bất ngờ phía trước có một xe nhà binh chạy trờ tới, tài xế lách tránh không kịp nên đụng mạnh vào. Xe tôi lật nhào xuống bìa rừng. Tôi may mắn đứng len bên ngoài nên bị văng xuống đường và chỉ bị xây xát xoàng. Tai nạn thật rùng rợn, đầu máy xe tôi bị bẹp dúm, kính bể văng tung tóe khắp mặt đường. Tài xế bị sức ép quá mạnh tay lái đập vào ngực nên chết liền tại chỗ. Hành khách có hai người chết và một số bị thương. Phía xe nhà binh lật bốn bánh đưa lên trời và phát hỏa cháy dữ dội, hai người ngồi trước ca-bin bị kẹt lu[illegible] trong xe, khi đem được họ ra ngoài thì đã cháy đen thui, da thịt nức nẻ, những giọt nước vàng đục từ trong người họ rỉ ra chảy lai láng trên mặt đường trông thật khủng khiếp.

Sau tai nạn đó, xe tôi được kéo vào Sàigòn để sửa chữa. Bất đắt dĩ tôi phải phụ giúp vào công việc với bọn thợ. Nghề thợ máy của tôi bắt đầu từ đó. Sau này vì thấy nghề lơ xe cũng có phần nào nguy hiểm nên tôi xin nghỉ việc và học luôn nghề thợ máy.

Cuộc sống giang-hồ của tôi bắt đầu từ đó, nay làm ở ga-ra nầy, mai ở ga-ra khác, lang thang khắp cả vùng Sàigòn Chợlớn, tôi đã quen biết nhiều và kết bạn với một số đông đồng-nghiệp.

Nghề thợ máy cũng không nhàn hạ gì, lúc nào cũng lam lủ, chui rúc dưới gầm xe tìm những chỗ hư hỏng, mình mẩy lúc nào cũng dính đầy dầu mỡ nhớp nhúa. Nhưng tôi rất yêu nghề, luôn luôn học hỏi để cầu tiến và trau dồi nghề của mình mỗi ngày một tiến bộ hơn, tinh vi hơn.

Hồi đó tôi làm ở Ga-ra Bình-Minh. Ga-ra nầy rất lớn và có uy-tín nhất ở Sàigòn, thợ thầy làm việc ở đây rất đông có cả mấy chục người. Tôi bèn kết bạn thân mật với họ để cải tiến thêm nghề nghiệp. Trong số nầy có Tám thợ điện, hắn rất khá về điện xe hơi, có thể nói hắn là một tay lảo luyện trong nghề, không có khi nào hắn chịu bó tay trước một trường hợp khó khăn nào, hắn luôn luôn tìm tòi sửa chữa cho kỳ được mới thôi.

Một hôm Tám thợ điện vừa mua được một căn nhà mới nên hắn thiết tiệc đải tất cả bạn bè đến chia vui cùng hắn. Hắn là một tay nhậu có tiếng trong giới thợ máy, tửu lượng rất cao, hắn uống như hủ chìm hầu như chưa bao giờ biết say.

Thú thật với cậu hồi đó tửu lượng tôi kém lắm, chỉ uống xoàng xoàng là tôi thôi ngay. Phải nói là tôi rất sợ rượu và sợ say. Nhưng khi đến nhà Tám thợ điện thì cục-diện lại xoay chiều. Lúc tôi bước vào thì trong nhà đã có đông anh em ngồi quây quần bên hai dảy bàn dài. Tám thợ điện ngồi giữa, hắn uống bao giờ mà mặt đã đỏ gay và có vẻ hơi chếnh choáng. Hắn kéo ghế cho tôi ngồi và nói :

— Chờ anh mãi, sao giờ nầy mới đến ?

Tôi ngồi xuống bên hắn :

— Xin lỗi anh Tám và tất cả anh em, tôi bị kẹt xe.

Tám thợ điện mở tủ lôi ra một chai rượu mạnh, mở nút đặt trên bàn :

— Phạt anh đó. Làm hết chai nầy mới được về.

Nghe Tám thợ điện nói tôi choáng váng, miệng tôi tự nhiên cay xè như vừa uống xong một ly rượu mạnh, Tôi vội tìm cách từ chối :

— Anh Tám thông cảm cho, tôi đâu có uống được rượu.

Lúc nầy Tám thợ điện mặt đỏ hơn lúc nào hết, giọng nói hơi lè nhè :

— Anh khinh thằng này phải không ? Bắt buộc anh phải uống mà.

Trong bọn có người đưa ý kiến ;

— Anh Năm uống rượu rất ít, tôi đề nghị nên chia hai, anh Tám một nửa. Anh năm một nửa. Ai gục trước người ấy thua.

Tám thợ điện vỗ tay đập mạnh xuống bàn.

— Đồng ý. Phải uống một hơi cho cạn ly, nếu tôi gục trước xin nhường chức vô-địch cho anh Năm luôn.

Cả bọn vỗ tay ầm-ỉ. Tôi đoán là Tám thợ điện và mọi người âm mưu phá tôi, với nữa chai rượu mạnh thì làm sao tôi chịu nổi. Vì sợ mếch lòng Tám thợ điện nên tôi đành nhắm mắt liều một chuyến xem sao.

Chai rượu được sang ra hai ly lớn, mỗi phần đến bằng nhau Tôi và Tám thợ điện cùng đứng dậy cụng ly từ từ uống. Tám thợ điện uống một hơi cạn sạch và úp ly xuống bàn, trong khi tôi chưa hết một phần Mọi người đều đứng dậy vỗ tay đánh nhịp, miệng hét : *dô dô dô.*

Tiếng hét làm tôi vững tinh thần nên hứng chí nhắm mắt uống cạn, xong tôi cũng úp miệng ly xuống bàn, mọi người đều vỗ tay reo hò tán thưởng,

Trong khi tôi vừa ngồi xuống thì Tám thợ điện gục đầu xuống bàn đụng vào cái ly rơi xuống đất vỡ loảng xoảng, cùng lúc đó hắn quờ quạng rồi trược chân nằm dài dưới đất.

Trong bụng tôi bắt đầu nóng như lửa đốt. Tôi vội vả đứng dậy bỏ mặt mọi chạy ra đường đón cyclo về nhà.

Rượu như lửa đốt cháy vào da thịt làm tôi bức rứt khó chịu, mắt tôi bỗng mờ đi và mọi vật dường như quay cuồng. Tôi nhớ hình như tôi có nôn mữa trên xe và chiếc xe như bay lơ lững đến một nơi nào đó vẽ thành những vòng tròn lớn quay lông lốc Trong khoảnh khắc một cơn hồng-thủy nổi lên cuốn lấy tôi và tôi trôi lềnh bềnh, lềnh bềnh, trôi mãi...

Đến ba ngày sau tôi vẫn còn lừ đừ mệt mỏi Tôi phải nghỉ việc một tuần mới lại sức. Từ đó tôi đâm ra sợ rượu và không dám uống nữa.

Nhưng quái ác thay, sau chầu rượu đó tôi lại nổi tiếng vì đã hạ được Tám thợ điện. Tin đó lan truyền rất nhanh trong giới lao động, ai nấy đều nhìn tôi với cặp mắt thán phục. Thế rồi từ đó về sau nay người nầy mời tôi một chầu, mai người khác, rồi tiếp tục mãi. Tôi vì nể mất lòng nên nhận lời, sau thành thói quen, tôi đã nghiệm rượu thật sự, rồi tôi nổi tiếng là một bợm nhậu có hạng. Bao nhiêu tiền làm ăn dành dụm được đồng nào tôi đều đem đổ hết vào trong những lần ăn nhậu say sưa lì bì ấy ! Người tôi gầy yếu đi trông thấy, tinh thần trở nên bạc nhược, thiều nảo. Tôi trở nên lừng

khừng không hạm hoạt động. Nghề thợ máy phải cần sức khỏe dẻo dai, nhanh nhẹn và chịu khó. Nhưng bao nhiêu sức lực còn lại tôi đã đánh mất cả rồi, không làm sao phục hồi lại được nữa. Không bao lâu tôi mất việc.

Thế là tôi thất nghiệp Tôi tìm đến bạn bè cùng sở để xin giúp đỡ thì họ tìm cách lánh mặt, có người còn xua đuổi ghê tởm tôi xem tôi như một người cùi hủi.

Tình đời là thế! Lòng người là thế. Thế-thái nhân-tình là thế. Tôi đâm ra chán nản và mất hết mọi niềm tin tưởng. Tiền bạc hết sạch, tôi sống lang thang nơi đầu đường xó chợ như một con chó vô chủ. Tôi quyết định phải trả thù. Trả thù tất cả. Tôi nghĩ cần phải xây dựng lại sự nghiệp vì cần phải có một ý chí sắt đá để vươn lên, tránh hẳn con đường bê tha trụy-lạc.

Trong mấy năm còn lại ở Sài-gòn không khi nào tôi uống một giọt rượu hay bia, đến nỗi cà phê tôi cũng không dám uống. Tôi chỉ uống sữa, sữa đá hoặc sữa nước sôi. Vì thế những người quen biết với tôi sau này gọi tôi là « Năm - Sữa »

Tôi cũng không hiểu làm sao tôi lại có đủ nghị lực mà cai được rượu. Đối với một tên nghiện nặng như tôi mà đột nhiên từ bỏ được con ma men lúc nào cũng luôn luôn ám ảnh bên mình thì quả là một sự thử thách gớm ghê. Mấy ngày đầu tôi cũng bị hành hạ, dằn vặt thật khốn khổ, da thịt đau nhức như có hàng ngàn mủi kim đâm vào, miệng tôi rát và đắng khô cả cổ. Nước uống vào không làm cho tôi đã khát, chỉ có rượu mới làm cho tôi dễ chịu được thôi Nhiều lúc tôi muốn tu vài ngụm rượu cho máu lưu-lnh trong người dịu xuống, cho đỡ cơn hành hạ dày vò của thể xác rồi sau muốn ra sao thì ra. Mỗi lần không kềm chế được bản-năng và lý-trí của mình, tôi suýt bị cám dỗ và khi đã gần kề bên bờ vực thẳm của sự nguy hiểm, thì từng khuôn mặt của những tên bạn bè ăn nhậu với tôi ngày xưa lại hiện đến. Chúng đã bỏ rơi tôi, tôi ghê tởm chúng và bắt đầu nghi ngờ tất cả mọi người. Tôi thà chịu chết chứ nhất định không uống rượu, để trả thù đám bạn bè khốn nạn, trả thù đời... Nhờ những ý chí cương quyết ấy mà tôi đã thành công. Cái tên Năm-Sữa đối với tôi được năm năm, cho đến ngày hôm nay tôi lưu lạc đến đây..

Ơ kìa ! Người bạn trẻ của tôi ơi ! Uống đi chứ. Bây giờ mấy giờ rồi ? À, còn sớm chưa đến giờ giới nghiêm đâu. Yên trí đi, tôi sẽ đưa cậu về.

Một ngày nào đó rồi tôi sẽ nằm xuống, rồi sẽ đến phiên cậu Chúng ta sẽ trở về với cát bụi mà chẳng mang theo được gì Nơi mà chúng ta sẽ đến với hư không ấy có được một miếng dồi chó ngon lành, thơm phức như thế nầy không? Có được một ly nước trong trắng thơm ngát hơi men như thế nầy không ? Vậy thì còn chần chờ gì nữa mà không cạn ly, không mấy khi ta gặp được tri-kỷ. Ngồi ở quán « Sống-trên-đời » mà nói chuyện đời thì còn gì thú vị bằng. Được ! khá lắm, phải ăn mạnh dạn như vậy mới ngon. Thịt chó mà ăn yểu điệu, chậm chạp và phải giữ gìn ý tứ như đi ăn cỗ nó mất hứng đi, phải nhanh nhẹn, xông xáo và thính hơi như... chó, thế nó mới đúng điệu.

Nói ra cậu đừng cười. Suốt đời cái thú mà tôi đam-mê duy nhất là thịt

chó đấy cậu ạ. Bao nhiêu năm trôi giạt lang thang đây đó, tôi đã ăn không biết bao nhiêu lần thịt chó, tôi trở nên một tay sành sỏi, thưởng thức được nhiều món lạ. Món Bắc có Rựa-mận, dồi, trong Nam có món hon và hầm. Nhưng khi ra đến miền Trung, tôi gặp vài món lạ và khoái khẩu, đó là món « mọc-đùm » Cậu đã ăn thử lần nào chưa ?

Khi làm thịt xong một con chó người ta lấy tất cả bộ lòng xắt nhỏ, cho vào một ít gia vị : Riềng, Sả, Nghệ, bún tàu và một ít đậu phụng, xong trộn đều và gói thật kỹ vào trong lá chuối, vừa một người ăn thành từng đùm, rồi nấu chín. Đến một lúc nào đó theo giờ giấc đã được ấn định sẵn, thịt vừa chín vớt ra mỗi người một đùm. Vừa mở lá ra một mùi thơm tỏa ra ngào ngạt tập vào mũi mọi người, không ai bảo ai tất vừa múc vừa thổi vừa ăn. Thật là tuyệt, tất cả tim, gan, lòng, phổi như hòa hợp quyện vào với nhau làm ta phải ngây ngất, thỉnh thoảng chen vào vài hạt đậu phụng làm cho món ăn thêm thơm, bùi, béo thật đậm đà thắm thiết.

Ấy ! Xin lỗi cậu, ăn đi chứ. Sao cứ nhìn tôi sững sốt thế kia ? Khi nào nói đến thịt chó là tôi say sưa như xuất thần. Một kép hát diễn tuồng trên sân khấu đều phải đem hết tài nghệ mình thủ diễn như thế nào, thì khi nơi về thịt chó tôi cũng như thế. Tôi đã nói là tôi đam-mê mà...

Cậu có nghe nói thịt chó nấu cao lầu nào chưa ? Nó không giống như cao Hổ cốt làm bằng xương cọp như mấy tiệm Ba tàu đều có bán đâu. Mới nghe qua thì vô lý nhưng mà sự thật đó, để tôi chỉ bí-quyết lại cho cậu nhé.

Muốn nấu cao chó, trước hết phải nuôi một con chó cái thật mập mạnh, đến khi nó mang bầu lại càng săn sóc kỹ càng hơn, cho ăn uống, tẩm bổ nhiều cho những bào thai trong bụng chó được tốt. Chuẩn đị sẵn sàng một túi vải trắng cho thật sạch, chớ đến khi chó mẹ lâm bồn thì ta phải theo sát mà hứng những chó sơ sinh ấy cho vào túi. Nhớ là đừng cho nó chạm đất, phải kê sát miệng túi vào đít nó, con nào lọt ra là hứng liền, càng nhiều càng... tốt. Xong đun một nồi nước sôi, khi nước sôi mạnh thì nhúng cái túi vải ấy vào, lấy đủa trộn đều trong túi cho nước chảy ra, như ta lược cà phê ấy mà, khi đã ra hết nước cốt là vứt cái túi vải ấy đi, cho vào ít thục-địa, chục quả táo và vài vị thuốc Bắc khác, rồi hầm mãi đến khi nào chất nước trong nồi keo lại sệt sệt như cao ấy. Thế là xong. Thật là của quí và đại bổ đấy cậu ạ.

Ấy, chết. Mãi nói chuyện mà món ăn đã nguội cả. Nào chúng ta cùng nâng ly. Kìa ! Cậu đã say rồi đấy à, yếu thế. Không mấy khi gặp nhau, chúng ta cùng say một bửa để mừng cho cuộc gặp gỡ nầy.

Thằng cha chủ quán ở đây chịu tôi hết mình vậy đó. Cậu biết không có hôm quán hết sạch món nhậu, thằng chả dám chặt đuôi một con chó đem vào bếp nướng cho tôi làm món nhấm đấy, chiều chuộng khách đến thế là cùng. Chắc cậu chưa lần nào ăn được một món sốt dẻo như tôi. Miếng đuôi chó vừa dòn, vừa nóng, vừa thơm ngon, đến hôm nay nhắc lại tôi vẫn còn thích thú và ao ước mãi.

Nào người bạn trẻ của tôi ơi ! Đừng bận tâm đến cuộc gặp gỡ nầy, trong túi

tôi có khối tiền đây, vừa lãnh lương mà. Tôi làm thợ máy cho một sở Mỹ bên Sơn-Chà. Hiện nay nghề thợ máy của tôi đã đến mức tinh vi, tôi trở thành một người thợ giỏi, lành nghề. Đó là nhờ tôi trau dồi thêm trong những năm tháng phiêu bạt đó đây. Điều nầy làm cho tôi sung sướng và hảnh diện cậu ạ.

Đến nay cuộc đời tôi, định mệnh của tôi đã gắn liền với ba chữ "sống-trên-đời" bảng hiệu của quán nầy. Ngày nào tôi cũng đến đây, vẫn cảnh vật cũ, không gian cũ, tất cả đều quen thuộc, thiếu nó tôi khó lòng sống được.

Cậu bảo phải giữ gìn ư ? Tôi còn gì nữa mà phải giữ gìn ? Tôi là hạng người thấp kém nhất, chui rúc từ trong những vũng bùn đen của xã-hội, thì ở đây, với khung cảnh nầy, con đường lầy lội trước mặt đối với tôi lại càng hòa hợp và đầy ý nghĩa.

Cậu khó chịu ư ? Tôi nói thật đấy Đã lâu lắm rồi tôi mang một mối hận đời không ai hiểu được. Cậu có hiểu tôi nói gì chưa ?

Ơ kìa ! Cậu đã say quá rồi. Nãy giờ cậu có nghe tôi nói gì không ? Thôi để tôi đưa cậu về nhà nhé ! Ơ, mà nhà cậu ở đâu ?

Sống trên đời có nhiều cái oái ăm và phức tạp. Trước kia tôi cai rượu để trả thù đời. Nay tôi uống rượu để quên đời. Đời là thế. Đời không đáng sống. Đời là. . chó phải không cậu. Phải không ? Phải không, người bạn trẻ của tôi ?

NGUYỄN TĂNG LIÊN

TÌM ĐỌC NGAY :

NGÀN SAO TẮT THỞ

Thơ BẠC-MỆNH-NHÂN

— Một thi phẩm mà tất cả những gì đã cháy lên từ cuộc sống.

— có bán tại các nhà sách saigon

TẾ XUYÊN *dịch*

Một nghệ thuật

ĐỌC SÁCH BÁO

Đọc sách báo, một nghệ thuật gần như một khóa học ! Sách dành cho trẻ em — Đọc sách và phê bình Những cảo luận và lịch sử Đọc những tập thơ - Đọc sách trong lúc du lịch — Đọc tiểu thuyết - Đọc báo chí — lập một thư viện riêng Sách và đời sống — Tình trạng khủng khoảng của sự đọc sách Những ý kiến hay về sự đọc sách.

Sách dày trên 10 trang giá 80đ

Bày bán tại nhà sách Khai Trí 62 Lê Lợi Saigon

Thời-sự thế-giới

TỪ - TRÌ

Trong khi Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon đang thâu lượm những thành quả ngoại giao tốt đẹp trong chính sách Việt Nam cũng như trong sự giao thiệp với Nga xô thì ông lại kẹt về vụ thảm sát Sơn Mỹ. Vì vậy không những chính phủ Hoa thịnh đốn mà cả dân chúng Mỹ đang bị lương tâm cắn rứt vật rở nên ngượng ngùng trước dư luận quốc tế.

Trong khi đó Thủ tướng Nhật Sato sau chuyến công du Hoa-kỳ đã thành công rực rỡ vì ông được Chính phủ Hoa-thịnh-đốn thoả thuận trả lại đảo Okinawa cho Nhật bản.

Tại Trung Đông chính sách «Trừng phạt tập thể» của các vị Tổng-trấn Do thái tại các vùng chiếm đóng đã khiến cho chính phủ Tel Aviv bị bạn cũng như thù chỉ trích rất nhiều.

Lương tâm cắn rứt tại Hoa-kỳ

Sau khi lượm được nhiều thành quả quân sự cũng như ngoại giao trong chính sách Việt Nam mà chúng ta đã phân tích trong Bách Khoa số trước, ông Nixon đã bắt đầu mở một chiến dịch phản công đại qui mô để đối phó với các đối thủ trong nước cũng như ngoài nước.

Tại ngoại quốc ông Henri Cabot Lodge, Trưởng phái đoàn Hoa-kỳ tại Hòa hội Paris và phụ tá của ông là ông Lawence Walsh từ chức không tham dự hội nghị nữa vì lý do là phe cộng-sản thiếu thiện chí nên cuộc hòa đàm không còn có thể tiếp tục một cách đứng đắn được. Ông Nixon đã không cử một nhân vật vật nào quan trọng để thay thế ông Lodge vì ông muốn tỏ cho phe cộng sản biết rằng Hoa kỳ không còn trông đợi gì ở hòa hội Paris nữa.

Tại quốc nội ông Nixon cũng đã mở một chiến dịch phản công mạnh mẽ các phần tử chủ hòa Mỹ. Ông Spiro Agnew đã được lệnh mở đầu cuộc phản công này. Ông đã kích các báo chí chủ bại thiếu can đảm, «vô trách nhiệm». Ông tố cáo các phần tử chủ hòa là những «hoạn quan ý-thức-hệ».

Sau ông Agnew, lần lượt tới các nhân vật khác trong chính phủ Mỹ lớn tiếng lên án phe chủ hòa và các cuộc biểu tình phản chiến. Ông Winton Blount tố cáo phe phản chiến đã kéo dài cuộc tàn sát thanh niên Mỹ. Và đồng thời ông John Mitchell, Bộ trưởng Tư pháp đã lên án các vụ bạo động của các cuộc biểu tình phản chiến. Ông Kleindienst, Phụ tá Bộ trưởng Tư pháp tuyên bố rằng chính phủ đang điều tra để truy tố các lãnh tụ của những vụ biểu tình này.

Trong khi chính phủ của ông Nixon đang lớn tiếng đả kích đối thủ thì vụ thảm sát Sơn Mỹ được đưa ra ánh sáng khiến cho các đối thủ của ông lại có phương tiện để phản đối chính phủ. Tuy vụ thảm sát này xảy ra dưới triều đại của Tổng thống Johnson nhưng chính phủ của ông không khỏi lúng

túng vì các phe phản chiến lại có dịp để đòi chiến tranh phải chấm dứt. Các hình ảnh của vụ thảm sát Sơn Mỹ đã được chiếu tại Quốc-hội Mỹ và nhiều dân biểu và thượng nghị sĩ đã phải ra khỏi phòng chiếu phim, vì họ thấy « buồn nôn » trước những sự dã man này. Chính phủ Mỹ đã truy tố các sĩ quan Mỹ liên quan ới vụ này như Đại úy Medina và nhất là Trung úy Calley. Nhiều giới quân sự Mỹ cho rằng đây chỉ là một tai nạn chiến tranh, xảy ra khi người lính Mỹ còn đang sống trong ảnh hưởng của cuộc tàn sát của Việt Cộng vào dịp Tết Mậu Thân. Tuy nhiên cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân của Việt cộng không thể được coi là một yếu tố cho phép người quân nhân Hoa kỳ có những hành động tương tự như Việt Cộng. Giết dân chúng giết đàn bà trẻ con, một vài phần tử của quân đội Hoa-kỳ đã khinh thường những luật lệ qui định về chiến tranh cũng như khinh thường ý nghĩa của cuộc chiến tranh chống Cộng hiện tại. Nhưng một Trung úy Calley một Đại úy Medina chỉ là những kẻ thừa hành Nếu muốn trừng phạt, người ta còn cần phải đưa ra tòa những giới chức cao hơn họ nữa. Dù sao đi nữa, dân chúng Hoa kỳ, luôn luôn hãnh diện về văn minh của mình, đang phải mang nặng mộ mặc cảm tội lỗi và ông Nixon đang sợ rằng nhiều người trong « đa số thầm lặng » của ông sẽ bỏ ông đi theo phe đối lập.

Thắng lợi ngoại giao của Thủ tướng Nhật Sato

Trước những sự chống đối nội bộ, nhứt là của các sinh viên khuynh tả, Thủ tướng Nhật Sato cần phải thâu được một thành quả ngoại giao để củng cố địa vị. Vì vậy, từ hai năm nay, chính phủ Nhật đã luôn luôn yêu cầu Mỹ trả lại cho Nhật đảo Okinawa mà Mỹ chiếm đóng từ năm 1945 khi Nhật đầu hàng

Đảo Okinawa đã dần dần trở thành một pháo đài phòng thủ của Hoa-kỳ ở Thái-bình-dương. Đảo này hiện thời có tới 117 căn cứ quân sự của Mỹ và có 55.000 quân Mỹ đồn trú. Các pháo đài bay B.52 của Hoa-kỳ đặt căn cứ tại Okinawa và đảo này là điểm xuất phát của máy bay B 52 trong các cuộc tấn công những cơ sở của Việt cộng.

Yêu sách của Nhật đưa ra đúng lúc Tổng thống Nixon đang quan niệm một chính sách A-châu mới của Hoa-kỳ. Trong tương lai Hoa-kỳ sẽ trao lại vai trò quân sự cho các nước A-châu Hơn nữa, với mức phát triển của Nhật hiện tại, ông Nixon cho rằng Nhật, sau hơn 25 năm nhờ có nỗ lực quân sự của Mỹ, đã dồn mọi phương tiện tài chánh vào công cuộc phát triển Giờ đã đến lúc Nhật phải nhận lãnh trách nhiệm Đông-Nam-Á.

Vì vậy mà chuyến công du Hoa-kỳ của ông Sato đã thành công tốt đẹp Mỹ chính thức tuyên bố sẽ trả lại Okinawa cho Nhật vào năm 1972 Đồng thời bản thông cáo chung của Mỹ-Nhật cũng nhấn mạnh vai trò mới của Nhật ở Thái bình-dương.

Có một điều khôi hài là các giới khuynh tả trước đây luôn luôn lớn tiếng đòi Mỹ trả Okinawa thì giờ họ lại phản đối chính phủ Nhật, khi mà chính phủ này thu hồi được Okinawa về chủ quyền quốc gia. Họ biểu tình và tố cáo ông

Sato đã bán đứng quyền lợi quốc gia để thu hồi Okinawa. Trung cộng cũng lên tiếng tố cáo Mỹ, Nhật và... Nga đang âm mưu thống trị Đông Nam Á. Sự chống đối của các thành phần tả phái được giải thích bằng sự e ngại tại quốc nội cũng như tại quốc ngoại trước thái độ «hiếu chiến» của giới kỹ nghệ gia hậu thuẫn cho ông Sato. Ở Nhật và ở Hoa-lục người ta không quên rằng trước đây các giới kỹ nghệ gia đã thúc đẩy giới quân phiệt đề đưa Nhật tới một chính sách xâm lăng.

Nhưng đa số dân Nhật đã hết sức thoả mãn về thành quả ngoại giao của ông Sato, vì vậy ông đã tính chuyện giải tán Quốc-hội để tăng gia đa số của đảng ông trong cuộc bầu cử mới

Chính sách trừng phạt tập thể của Do thái

Sau chiến thắng vào tháng 6-1967 Do thái đã chiếm được những lãnh thổ Ả-rập rất rộng lớn và kiểm soát trên 1 triệu người Ả-rập tại các vùng chiếm đóng này. Ngay từ đầu, chính phủ Do thái chủ trương một chính sách dân chủ tự do, hy vọng thu phục được các người Ả rập. Vì vậy mà Do thái đã gửi các y sĩ, giáo sư, các kỹ thuật gia tới để cố gắng phát triển các vùng chiếm đóng. Riêng trong năm 1969 Do Thái đã dành một ngân khoản 50 triệu Mỹ kim để phát triển xã hội, y tế, giáo dục cho dân Ả rập.

Nhưng dân Ả-rập không chấp nhận chính quyền Do thái. Họ cố tìm mọi cách khủng bố và phá hoại các cơ sở dân sự và quân sự của Do thái Vì họ cho rằng chỉ có bạo lực mới có thể đuổi Do thái khỏi các vùng chiếm đóng được. Do đó dần dần các vi Tổng trấn Do thái phải đưa ra chính sách trừng phạt tập thể Mỗi khi một nhà Do thái bị tấn công người ta trả đũa vào đám dân Ả rập dù không liên quan tới vụ tấn công này. Một viên chức Do thái bị ám sát tại Halhul đã khiến Do-thái phá hủy trên 20 căn nhà dân Á rập để trả đũa Với chính sách này Do-thái hy vọng dân Ả-rập sẽ phải tố cáo những thủ phạm

Như dư luận quốc tế đã không để cho Do-thái tiếp tục chế độ tàn bạo này. Nga-xô coi đó là những hành động tương tự như bọn quốc-xã Đức. Đại Hội đồng Liên hiệp quốc đã chính thức yêu cầu Do Thái đình chỉ chính sách này. Và ngay tại quốc nội, các báo chí cũng yêu cầu bà Golda Meir xét lại, nếu không muốn mất uy tín trên thế giới... Nữ thủ tướng Golda Meir đã phải bãi bỏ chính sách trừng phạt tập thể, nhưng các cuộc khủng bố Ả-rập lại được dịp gia tăng. Hiện thời tại Trung Đông cuộc chiến tranh Á rập — Do thái chỉ mới giới hạn trong vòng khủng bố, vì cả hai bên đều không dám đi vào một cuộc phiêu lưu quân sự nào mới nữa Nhưng nạn nhân của các cuộc khủng bố này lại chỉ là dân chúng mà thôi.

TỪ-TRÌ

Sach mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quí vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quí bạn đọc

Quốc tế chính trị, của Vũ Tài Lục do Việt Chiến xuất bản và gửi tặng. *Sách dầy 190 trang trình bày lược sử quan hệ quốc tế và tình hình ngoại giao hiện tại cùng tình trạng Việt Nam. Giá 120 đ*

Thủ đoạn chính trị của Vũ Tài Lục do Việt Chiến xuất bản và gửi tặng. *Sách dầy trên 250 trang gồm 9 chương nói về Thủ đoạn, mưu kế, quy luật, hành vi, tâm lý chính trị vv... Giá 180 đ.*

— **Nói chuyện tam quốc** của Vũ Tài Lục, do Việt Chiến xuất bản và gửi tặng. *Sách dầy 354 trang trình bày từ giai đoạn Tiền Tam quốc đến Tam quốc bình luận các sự việc, nhân vật và so sánh Tam quốc với các bộ sử khác. Giá 120 đ.*

BẠN CÓ ĐU NHỮNG SÁCH LÁ BỐI IN NĂM 1969 CHƯA ?

— **CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH I, II, III, IV**
Léon Tolstoï, Nguyễn-Hiến-Lê (*dịch*) 3000 trang giá 1200đ.

— **ĐẤT PHÙ-TANG CÁI ĐẸP VÀ TÔI**
Y. KAWABATA. Cao-Ngọc-Phương (*dịch*) 50 trang giá 25 đ.

— **VẤN ĐỀ NHẬN THỨC TRONG DUY-THỨC HỌC**
Nhất-Hạnh 138 trang giá 70 đ.

— **NHỮNG GIỌT NẮNG**
Võ-Hồng 150 trang giá 80 đ.

— **MẶT TRẬN MIỀN TÂY VẪN YÊN TĨNH**
E. M. Remarque Phạm-Trọng-Khôi (*dịch*) 276 trang giá 150 đ.

— **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA**
Bình-Nguyên-Lộc 112 trang giá 50 đ.

— **HOÀI CỐ NHÂN**
Võ-Hồng 185 trang giá 100 đ.

IN XONG TRƯỚC TẾT :

— **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY** (*tái bản*) Nhất-Hạnh

— **EM BÉ PHÙ TANG** Iseko, ICHINO HATANO, Trương-Đình-Cử (*dịch*)

— **NẺO VỀ CỦA Ý** (*tái bản*) Nhất-Hạnh

— **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** Võ-Hồng

— **XỨ TRẦM HƯƠNG** Quách-Tấn

— **PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG TIỂU-HỌC CỘNG ĐỒNG** Vương-Pền-Liêm

— **PHONG-TRÀO DUY-TÂN** Nguyễn-Văn-Xuân

— **TÂM CA VÀ TÂM CA** (*tái bản và 10 bản mới*).

NHÀ XUẤT-BẢN LÁ-BỐI
Số 120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Regis Debray và Giáng sinh

Regis Debray là một thanh niên trí thức Pháp, văn sĩ và chiến sĩ, say mê «Che» Guevara, nhúng tay vào các phong trào chính trị ở Nam Mỹ, và bị nhà cầm quyền Bolivie bỏ tù.

Trong các năm qua, hàng năm, đại sứ Pháp tại Bolovie được phép gặp Regis một lần Năm nay, nhân lễ Giáng-sinh sắp tới, các văn hào J. Paul Sartre, André Malraux, François Mauriac đã viết thư đến chính phủ Bolivie để xin một biện pháp khoan hồng cho nhà văn trẻ. Người ta được biết rằng chính Tổng-thống Pháp Pompidou cũng sẽ can thiệp với tướng Alfredo Ovando Candia để xin cho R. Debray được phóng thích.

Phản ứng của nhà cầm quyền Bolivie : Bolivie có thiện cảm với sự can thiệp của các nhà văn lão thành Pháp, nhưng nếu Pháp phát động một chiến dịch gây dư luận ủng hộ R. Debray, thì Bolivie sẽ coi đó là lối làm áp lực khó nhượng bộ.

Báo trào phúng

Với sự góp mặt của tờ *Muỗi Sàigòn* vừa rồi, hàng ngũ báo chí trào phúng ở Sàigòn thêm đông đảo. Trào phúng có vẻ đang ăn khách. Hồi gần đây, những tờ báo giễu cợt hình như đều đông độc giả. *Con Ong, Đời, Đại dân tộc... Muỗi Sàigòn* ra đời đúng lúc.

Cơ quan UNESCO có tờ *Impact*, số mới ra là số đặc biệt dành cho nụ cười. Đề tài là : Khoa học về nụ cười, nụ cười khoa học.

Giới khoa học quốc tế có tờ báo trào phúng, tờ J.I. R (Journal des résultats irreproductibles), do giáo sư Alexander Kohn ở Viện khảo cứu sinh vật học Do thái chủ trương. Tạp-chí có 20.000 độc giả mua dài hạn.

Các nhà thông thái mà còn ham chơi, lại được tán thưởng đông đảo như thế, phàm nhân tục tử còn trang nghiêm làm gì nữa ?

M. Djilas lại suy nghĩ về Cộng sản

Milovan Djilas lại phê bình chủ nghĩa Cọng sản. Căn cứ trên kinh nghiệm lãnh đạo Nam-tư trong bao nhiêu năm trời, thời chiến cũng như thời bình, tác giả cuốn *Une société imparfaite* xác nhận sự thất bại của cộng sản.

Sách dày 296 trang, do nhà Calmann. Lévy xuất bản.

Mc Namara và nạn nhân mãn

« Trong khi bạn đọc câu văn này thì trên thế giới vừa có 11 đứa trẻ chào đời ». Sự thực kinh khủng ấy được trình bày trong cuốn sách thường gọi là bản *Phúc trình Pearson*.

Thực ra đó là một công trình nghiên cứu do Ngân-hàng Thế giới, dưới quyền Robert Mc Namara chủ trương. Bản Pháp dịch mang tên *Vers un développement commun du Iiers monde*.

Tác phẩm nêu lên tai họa gần kề của nhân loại : nạn nhân mãn. Từ thuở khai

thiên lập địa đến nay, loài người mới đạt tới số 3 tỉ rưỡi mạng. Thế mà 30 năm nữa chúng ta đã đông gấp hai : tức 7 tỉ. Rồi cứ 30 năm chúng ta lại tăng lên gấp đôi như thế : 14 tỉ, 28 tỉ v.v.

Nhân số ấy lại không được phân phối hợp lý. Xứ giàu dư ăn thì dân ít, mà xứ nghèo thiếu ăn lại đông dân, đẻ nhanh.

Trước tình hình ấy phải làm sao ? Giết hàng loạt chăng ? Ông Mc Namara trước kia có bom nguyên tử, nhưng hiện thời thì không. Hiện thời, ông ta chỉ có tiền trong ngân hàng, ông ta sẽ sử dụng phương tiện ấy để trợ cấp cho các nước nghèo. Nhưng sức mấy mà ông đối phó nổi với tai họa Trời gieo xuống ?

Mặc kệ, ông Mc Namara hãy can đảm lên. « Cứ tự giúp mình, rồi Trời sẽ giúp sau », ông ạ.

Lớp mẫu giáo về . . . tình dục.

Nhan đề cuốn sách của Jean Charles là *Le B... A... BA de l' éducation sexuelle*. Sách dày chỉ có 34 trang. Rõ ràng tất cả đều nhằm vào hạng độc giả tí hon. Và cũng rõ ràng như ban ngày : môn học của trẻ lần này là môn tình dục. Có hình vẽ cẩn thận. Đẹp lắm. Nhưng thi vị, chứ không tục tĩu như... Cậu Chó.

De Gaulle và dân Pháp

Trong vòng 15 ngày, một cuốn sách Pháp vừa bán đến 75 nghìn bản. Không phải một cuốn truyện trinh thám, không phải một cuốn truyện kiếm hiệp, phiêu lưu, khoa học giả tưởng, cũng không phải là tiểu thuyết. Đó là một cuốn sách chính trị : *L' anti - de Gaulle* của Louis Vallon.

Tại vì dân Pháp say mê chính trị ? Hay tại vì dân Pháp, vẫn còn say mê De Gaulle ? Dĩ nhiên phải có một phần vì cái tài của tác giả.

Von Braun và nguyệt cầu

Thời buổi này không biết dăm bảy điều về các cuộc du hành nguyệt cầu thì quả sai 'mốt». Biết dăm bảy điều nghĩa là sơ lược, nhưng phải biết thật rõ ràng xác đáng mới được.

Muốn thế có lẽ nên tìm đọc cuốn *Conquête de la Lune* của bác sĩ Herbert Pichler, do nhà Buchet - Chastel vừa phát hành.

Không phải khi giới thiệu như thế là chúng ta am tường về khoa học, hay am hiểu về trình độ kiến thức của tác giả. Chẳng qua đó chỉ là tin vào... lời tựa của Von Braun.

Nhà xuất bản hẳn hiểu rõ cái tâm lý ấy, nên trên bìa sách, tên kẻ đề tựa át cả tên tác giả.

Những Giải Văn chương 1969 của Pháp

Giải *Femina* được tặng cho Jorge Semprun về cuốn «La deuxième mort de Ramon Mercader».

Giải *Medicis* được tặng cho Hélène Cixous về cuốn «Dedans».

Giải *Goncourt* được tặng cho Félicien Marceau về cuốn «Creezy»

Giải *Renaudot* được tặng cho Max Olivier-La camp về cuốn «Les eux de lacolère»

Giải *Grand prix national des lettres* được tặng cho Jules Roy.

TRÀNG THIÊN

12 - 69

Giải thưởng Văn Bút V.N. 1969

Trung tâm Văn Bút Việt Nam đã thông báo cho biết :

– Tiếp theo các giải thưởng đã được trao tặng những năm trước về các bộ môn Truyện ngắn, Phê-bình, Tiểu thuyết, năm nay Trung tâm Văn bút Việt nam đã tổ chức các giải thưởng dành cho các tác phẩm biên khảo và phóng sự.

Sau một thời gian làm việc, Ban Tuyển Trạch các giải thưởng văn bút 1969 đã quyết định sẽ trao tặng các giải như sau :

1/ *Giải Nhất :* (30.000đoo) về bộ môn *Biên khảo*: Tác phẩm «Những tục thờ cúng đặc biệt và kỳ lạ của ngư phủ lưới đăng tỉnh Khánh Hòa» của Lê-Quang-Nghiêm

2/ *Giải Nhì* : 15.000đoo) : Tác phẩm «Nhật bản cách ngôn giải nghĩa» của Thiếu Tri (tức Châm Vũ Nguyễn văn-Tần).

Hai tác phẩm trên đều là bản thảo

Ban Tuyển trạch không trao tặng giải nào cho các tác phẩm đã in về bộ môn này.

3) *Giải nhất* (30.000đoo) về Bộ môn phóng sự : tác phẩm «Chợ trời biên giới Miên Việt» của Lê-Quang-Hương, bút hiệu Lê-Hương.

4 *Giải nhì* (15 000đoo) Tác phẩm «Nhật ký quân trường» của Trần Châu Hồ

«Chợ Trời Biên Giới Miên Việt» là một bản thảo. Còn Nhật ký quân trường là một tác phẩm đã in. Ban Tuyển Trạch không trao tặng giải nhì về bản thảo và giải nhất về sách in trong bộ môn này

Ô. Lê Hương là tác giả loạt bài về «Chợ trời biên giới» đã đăng trên Bách-khoa trước đây và bài «Một nghề phát đạ nhất của dân Cao Miên» trên BK. số 310 vừa qua. Người ta được biết Ô. Lê Quang nghiêm, người được giải nhất về Biên khảo, cũng là em của ông Lê-Hương.

Lễ trao tặng giải thưởng nói trên sẽ được tổ chức một ngày gần đây.

THU THỦY

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quí vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

– **Hương xuân lửa chiến** *tập thơ của Xuân Phong Nguyễn ngọc Cầm in ronéo, do tác giả gửi tặng. Sách dầy 42 trang gồm khoảng 50 bài thơ, những thơ sáng tác, thơ dịch, thơ sưu tầm, thơ Tiền giáng bút.. Giá 200đ.*

– **Vạn lý tình,** *tập thơ của Việt Xuân Đỗ Lợi Thiệp do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dầy 190 trang gồm 54 bài thơ in trên giấy hoa, khổ 14,5 x 29,5 trình bày rất đẹp, do nhà thơ Á Nam Trần Tuấn Khải giới thiệu, và Lú Duyên vẽ bìa*

– **Kim Bình Mai** *danh tác Trung-hoa của Vương nguyên-Mỹ, bản Việt văn của Nguyễn Quốc Hùng, do nhà xuất bản Chiêu-dương gửi tặng Cuốn thứ 11 (trọn bộ 12) cuốn dày 380 trang. Giá 220đ*

– **Tân Văn số 18 và 19** *số đặc biệt về Giáo-dục gồm những bài của : Trương văn Chình, Trần Thái Đỉnh, Kim Định, Dương Thiệu Tống, Vũ Trọng Ứng Nguyễn văn Xuân, Võ Hồng, Uông Đại Bằng, dày 112 trang. Giá 40đ.*

Cộng-sản có mặt

PHẠM-VIỆT-CHÂU

(Tiếp theo trang 30)

lật đổ chính quyền Nhật ở Đông-dương. Chủ-trương của Đảng lúc ấy chẳng qua chỉ là một thứ cơ-hội chủ-nghĩa, nương theo thời cơ thuận-lợi để tọa hưởng thành công do kẻ khác tạo nên. Một số phần-tử cách-mạng quốc-gia khi ấy đang chiến-đấu chống Nhật trong hàng ngũ Quốc-dân-đảng Trung-hoa cũng nhận rõ sự thất bại của Nhật, nhưng lại suy tính một cách nông cạn là khi Đồng-minh thắng, đương nhiên chính quyền ở Việt-Nam sẽ được trao vào tay họ. Cùng một thái độ chờ sung rụng mà không phải rung cây, nhưng phe Cộng đã khôn ngoan hơn vì đã tới mai phục gần gốc sung hơn. Vì vậy khi sung rụng (Nhật đầu hàng Đồng minh) họ đã vồ được trước.

Cách mạng Tháng Tám đã xảy ra một cách quá giản-dị làm cho chính các lãnh tụ Cộng-sản cũng phải ngạc-nhiên Ba yếu tố thuận-lợi đã đưa đến chính biến này :

- Quân Nhật ở Đông-dương đã có thái độ buông xuôi, ngặc kệ sau khi được tin chính quốc đã đầu hàng.

— Chính quyền quốc gia thân Nhật do Trần trọng-Kim làm Thủ-tướng đã tự sửa soạn rút lui mà không cần ai lật đổ, vì mang sẵn mặc cảm phạm tội (!) với Đồng-Minh.

— Quần chúng náo nức chờ đợi một luồng gió mới sau khi đã thất vọng vì bánh vẽ độc-lập của Nhật.

Khi nghe tin Nhật đầu hàng, Cộng-sản Việt, dưới danh nghĩa Mặt trận Việt Minh, đã triệu-tập Quốc-dân Đại-hội ở Tân-trào (1) và ra lệnh «Tổng khởi-nghĩa» Đại-hội đã bầu ra Ủy-ban Dân-tộc Giải-phóng, do Hồ-Chí-Minh làm Chủ-tịch, Trần-Huy Liệu Phó Chủ-tịch.

Ngày 16-8 1945, Việt-Minh làm lễ xuất quân. Mục-tiêu đầu tiên là đánh lấy Thái Nguyên để làm cứ điểm. Lực lượng gồm một đại-đội do Võ-Nguyên-Giáp làm Tổng-Chỉ-huy. Đám quân này được gọi là «Việt-Mỹ liên quân» vì trong đó có 7 người Mỹ giữ vai trò liên lạc và cố vấn

Giáp loay hoay mấy ngày mà chưa tìm được cách hạ thành Thái-Nguyên. Trong khi ấy thì Trần Huy-Liệu và Trường-Chinh được cử về Hà-nội để tính chuyện thủ-đô nhưng mới đi tới nửa đường thì Hà nội đã tự-động khởi nghĩa 2)

Cộng-sản Việt đã thành-công quá dễ dàng trong việc cướp chính quyền và sau đó đã lập chế-độ Dân-chủ Cộng-hòa, ghi dấu quốc gia Cộng-sản đầu tiên ở Đông Nam-Á.

(còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM-VIỆT-CHÂU

(1) Tân-trào là tên Việt-Minh đặt cho Bản Kim-Long, ở Huyện Sơn-Dương, Tuyên-Quang.

( ) Theo Trần-Huy-Liệu ghi lại trong hồi ký *«Đi dự Quốc-dân Đại-hội ở Tân trào»* thì không những Hà-nội mà hầu hết các nơi khác cũng vậy, đại-biểu Việt-Minh từ Tân-trào về các địa-phương chỉ là để *tiếp thu* thành quả của quần chúng hơn là lãnh-đạo khởi nghĩa. *«Nhiều cuộc khởi nghĩa ở các địa phương đã nổ ra trước khi lệnh khởi-nghĩa từ Tân-trào phát đi cũng như nhiều đại biểu từ Đại-hội Quốc-dân trở về đến nơi thì cuộc khởi-nghĩa đã bùng lên rồi».*

Riêng chuyện thành-phần Trung-ương từ Tân trào về Hà-nội lo việc tổ chức khởi-nghĩa do chính Trần-Huy-Liệu đảm nhiệm. Liệu đã viết *«Một buổi chiều, vào nghỉ trọ ở nhà một đồng bào Mán Cao-Lan ở gần Sơn Cốt (Thái-nguyên), nghe đồng bào nói có người từ dưới xuôi lên nói là ta đã lấy Hà-nội rồi. Tôi nói chuyện lại với anh Trường-Chinh, nhưng vẫn không tin lắm. Nhưng qua chợ Mỏ Chè đến Phố Cò thì chuyện Hà nội khởi nghĩa đã là tin đích xác rồi. Chúng tôi vừa đi vừa bàn những việc phải làm ngay. Đến Phố Cò, anh Trường Chinh và một người nữa mượn hai chiếc xe đạp đi lên Thái-nguyên để gặp anh Võ-Nguyên-Giáp bàn định công việc vì Thái-nguyên lúc ấy còn ở tay quân Nhật, ta chưa hạ được»*